



PHỤNG VỤ LA SÁNH

THÁNG 3

DE LA SALLE AND SAINT JOSEPH

Devotion to St Joseph

As in many other areas, France in the 17th century joined the trend originated from the Council of Trent, in particular the Decree on the invocation, veneration, relics of saints and on holy images. The Church proposed to Christians and the clergy models that were closer and more adapted to the times. The figures presented for the veneration and imitation of the faithful were those of great men of the Catholic Reformation, pastors, founders or reformers of religious orders, great religious, zealous missionaries, prayerful and contemplative people, those people who were faithful to the Church, rulers and princes or humble people.

One of the features of the so-called “French School of spirituality”, in which the Founder participated, was the consideration of Jesus Christ as the Incarnate Word. Hence, among the favourite saints of the time were those closest to Jesus, such as Saint Joseph.

If we take De La Salle’s writings, we realize that he very often speaks to the saints. Perhaps it was this influence on his life that inclined his devotion to the Holy Patriarch, rooted in the family custom of reading or listening to the reading of the lives of the saints, a common practice in pious families like his.

Discovery of the Saint

Saint Joseph is among the saints whose life and example John Baptist de La Salle learned from. As a canon of the cathedral, he had to attend to recite or sing the office of the saints, according to the “readings” taken from the Fathers of the Church. In this way, he not only came into contact with the devotion and cult of St. Joseph, but he was also imbued with the doctrine that concerned him.

De La Salle knew that he had made a serious commitment to the Church. That is why, in agreement with his parents, he requested to receive minor orders while he was in his first year of Philosophy. It was on 17 March 1668. It was not the subdiaconate but the orders of porter, lector, exorcist and acolyte. Two days later, the feast of St. Joseph must have been celebrated with special devotion at the little hotel of St. Marguerite.

In his second year of seminary in Paris, De La Salle came into closer contact with the parish of Saint-Sulpice by helping with catechesis. Perhaps he also visited the parish schools, at least as a catechist; perhaps to see them in operation during the week.

At the time, there was a certain concern among the clergy for schools and for recruiting Christian teachers for the children. Adrian Bourdoise, founder of the seminary of Saint-Nicolas-du-Chardonnet in Paris, is credited with the creation of a prayer association, under the patronage of Saint Joseph, with this sole aim: to ask God for Christian teachers. Very soon, the priests of Saint-Sulpice joined in this pious initiative that well spread in the surroundings. We could think that De La Salle picked up in Saint-Sulpice the seeds of a vocation that would develop later on.

Ngày 1 Tháng 3

Ngày 1/3/2026

CHÚA NHẬT II MÙA CHAY

Năm A

St 12,1-4a

2Tm 1,8b-10

Mt 17,1-9

¹ Hôm ấy, Đức Giê-su đem các ông Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an là em ông Gia-cô-bê đi theo mình. Người đưa các ông đi riêng ra một chỗ, tới một ngọn núi cao. ² Rồi Người biến đổi hình dạng trước mặt các ông. Dung nhan Người chói lọi như mặt trời, và y phục Người trở nên trắng tinh như ánh sáng. (Mt 17,1-2)

Bài Suy Gẫm số 18. Điểm 1: Nguyện Gẫm Thu Hút Sự An Ủi.

Bình thường, sau khi chúng ta đã kiên nhẫn chịu đựng những cám dỗ và những khổ đau nội tâm, Thiên Chúa quan tâm nâng đỡ linh hồn trung trinh bằng những an ủi thiêng liêng. Cách mà Thiên Chúa ban phát an ủi đó cho chúng ta, cũng như cách mà chúng ta phải cư xử, đã được ghi lại trong Tin Mừng hôm nay, về việc Thiên Chúa hiển dung; đây là biểu tượng của những an ủi thiêng liêng mà đôi khi Thiên Chúa ân thưởng những linh hồn sống một cuộc đời nội tâm đích thật.

Tin Mừng nói “*Thiên Chúa hiển dung, khi Người cầu nguyện trên một ngọn núi cao và héo lánh*” (Mt 17,1-2), ấy là để chúng ta hiểu rằng Thiên Chúa tuôn ban ơn an ủi cho những linh hồn chuyên lo nguyện gẫm, và ái mộ hoạt động thánh thiêng này. Thế nên, các linh hồn nguội lạnh, biếng nhác và không yêu chuộng việc nguyện gẫm, không

được ngạc nhiên nếu thấy mình không được ở trong số những kẻ được Thiên Chúa ưu ái cách đặc biệt, và được Người kết giao đến mức thân mật; những linh hồn biếng nhác nguyện gẫm ấy không có sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa, không muốn làm công việc kết hợp với Người; trong sự kết hợp với Thiên Chúa, ta sẽ học biết thưởng thức Người, và có ngay nơi trần thế tiên vị của những hoan lạc trên trời.

Anh [Chị] Em hãy tỏ ra hết sức trung thành với giờ kinh này, hầu mọi hành động của Anh [Chị] Em đều được thực hiện trong tinh thần suy niệm.

A summary of the Meditations of St. De La Salle (Med. Nos: 18 & 152) on Transfiguration. The two meditations of St. De La Salle on the Transfiguration of our Lord highlight the following: ☩ One's interior life as a religious is in need of occasional divine assurances (spiritual consolations) from God. This God provides to those who are prayerful, especially in mental prayer. Let us 'endeavour to be faithful to this holy exercise.' ♦ Spiritual consolations are to be considered as spiritual boosters and meant to sustain the spirituality. One should not be complacent and grow attached to it. ♦ Since spiritual consolations are meant to animate and strengthen, one should be willing to face new challenges, and doubts both in personal spiritual journey and in the entrusted mission. ♦ Jesus as the Son of God, hid all his divine glory during his earthly existence and submitted to human raillery, mockery, and outrage from those who did not follow his doctrine. We too as His followers be prepared for all forms of rejection, persecution and crucifixion. "Yet in all this we are conquerors through Him." (Rom 8:37) ♦ Jesus' transfiguration was due to His

inner glory ever present within Him and manifested to the three apostles. But we must be completely transformed by the light and fullness of grace and by the possession of God's Holy Spirit. ♦ Prayer, especially the mental prayer, is the primary means of achieving true transformation and enlightenment. Prayer not only provides ample opportunity to be in union with Jesus, but also obtains God's grace to face every kind of challenges, trails, and be content to participate in the sufferings of Jesus Himself. "If any exterior change be noticed in us, it must be as a result of radiance of the happiness which we experience at the bottom of our heart..." (Med. 152.3)

Reflection: Br. JOSEPH FERNANDO FSC, India.



**133. Frère PROSPER-XUYÊN Lê Văn Bá
(24/08/1934 – 01/03/1993)**

Anh Pierre Lê Văn Bá sinh ngày 24/08/1934 tại Tân An, Cần Thơ. Con ông Lê Văn Lộc và bà Nguyễn Thị Tuất.

Vào Tập Viện Đồi La San Nha Trang ngày 14/07/1961 và nhận Áo Dòng ngày 20/11/1961 (đoàn 79) với tên Dòng là Frère PROSPER-XUYÊN. Số Danh bộ là J34156. Khấn lần đầu ngày 15/07/1963 tại Nha Trang và nhập Kinh Viện Đà Lạt ngày 05/04/1963. Khấn trọn đời ngày 12/07/1968 tại Sài Gòn.

Frère PROSPER Lê Văn Bá qua đời ngày 01/03/1993 tại Úc, hưởng dương 59 tuổi với 32 năm trong Dòng. An táng tại Úc.

Ngày 2 Tháng 3

Ngày 2/3/2026

Thứ Hai sau Chúa Nhật II Mùa Chay

Đn 9,4b-10

Lc 6,36-38

³⁸ “Anh em hãy cho, thì sẽ được Thiên Chúa cho lại. Người sẽ đong cho anh em đấu đủ lượng đã dần, đã lắc và đầy tràn, mà đổ vào vạt áo anh em. Vì anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa sẽ đong lại cho anh em bằng đấu ấy.” (Lc 6,38)

Bài Suy Gẫm số 74. Điểm 3: Thiên Chúa Đã Đặt Cho Chúng Ta Giới Luật Về Sự Chịu Đựng Lẫn Nhau.

Lý do khác khiến Anh [Chị] Em phải chịu đựng những khuyết điểm của đồng sự, là Thiên Chúa đã đặt việc ấy thành điều răn cho Anh [Chị] Em. Khi Thiên Chúa đặt Anh [Chị] Em trong một cộng đoàn, Người đã giao cho Anh [Chị] Em một gánh nặng khó kham; và gánh nặng đó là gì? Đó là các khuyết điểm của các anh [chị] em đồng sự. Cho dù gánh này có nặng đến đâu đi nữa, thánh Phaolô cũng muốn chúng ta “*hãy mang gánh nặng cho nhau, như vậy là anh em chu toàn luật Đức Kitô*” (Gl 6,2). Anh [Chị] Em đã nghe kỹ bài học này chưa? Anh [Chị] Em đã hiểu rõ chưa? Vậy hãy đem nó ra thực hành: chính Thiên Chúa đã nêu gương cho Anh [Chị] Em, đã chịu biết bao đau khổ vì Anh [Chị] Em, và mỗi ngày còn phải gánh chịu nhiều hơn nữa! Anh [Chị] Em đã phạm nhiều tội chống lại Người, mặc dù Anh [Chị] Em nợ Người nhiều ơn sủng; tuy nhiên, miễn là Anh [Chị] Em

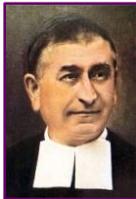
chạy đến với Người, Người sẽ *“tha tội cho anh em”*, nhưng chỉ với điều kiện, như Người đã phán, là Anh [Chị] Em *“cũng tha cho những người có lỗi với anh em”* (x. Mt 6,12), là Anh [Chị] Em không còn oán giận về những phiền muộn mà người anh [chị] em đồng sự đã và sẽ còn gây ra cho Anh [Chị] Em; đó là điều mà Thiên Chúa đã đoan chắc với Anh [Chị] Em trong đoạn Tin Mừng của ngày hôm nay, là điều xuyên suốt phần mở đầu và kết luận của đoạn ấy.

Vậy nếu Anh [Chị] Em không cam chịu sự đau khổ nào từ phía các anh [chị] em đồng sự, thì Thiên Chúa cũng sẽ không chịu đựng Anh [Chị] Em, và Người sẽ trừng phạt Anh [Chị] Em cách khủng khiếp, về mọi hành động chống lại Người; còn nếu ngược lại, Anh [Chị] Em cam chịu mọi điều từ các anh [chị] em đồng sự khác, thì Thiên Chúa sẽ tha hết mọi tội Anh [Chị] Em phạm chống lại Người. Người đã nói ở nơi khác rằng: *“Anh em đừng bằng đầu nào, thì Thiên Chúa sẽ đóng lại cho anh em bằng đầu ấy”* (Mt 7,2; Mc 4,24; Lc 6,38b).

Jesus turns our natural inclination to receive good gifts upsidedown. In today's Gospel, he gives us the following commands; to be merciful, stop judging, stop condemning and forgive. Give and the gifts will be given to you. Jesus is saying that our reception of good gifts is dependent on our willingness to give such gifts to others. We need look no further than today's first reading to see this. The prophet Daniel is praising his great and awesome God, not because God has shown mercy to those who deserve it, but precisely because God has forgiven those who do not deserve it. In Daniel's words, but yours, O Lord, our God, are compassion and forgiveness! Yet we rebelled against you. The gift of

praise that Daniel gives predisposes him to be receptive of all that God desires to give him. God doesn't need the praise to give the gift – but when Daniel, and we, too, give something good to another, we make room within ourselves for God and his good gifts. With this in mind, let us return to Jesus' words in today's Gospel. He teaches us that giving a gift away is precisely to receive a gift! Thus, when we refuse to give mercy and love to others, we neglect not only our neighbors, but first and foremost ourselves, for that which we measure out to others will be returned to us in the same measure. If we are in need of receiving a gift this Lent, perhaps the answer is not to sit passively until something good comes our way. Instead, we can get up, go out, and make good on the Eucharistic gift we are given today, by giving away something of ourselves; we can offer love, forgiveness, or reconciliation where it is needed. The greatest gift, after all, is simply to give.

Reflection: Br. ANTONY SEKAR FSC, India.



**Frère ADRIEN, Tổng Quyền thứ 17
(08/02/1867 – 02/03/1934)**

<p><i>Brother Adrien</i> Brother Allais Charles having died on May 24th 1928, a circular dated June 15th announced that,</p>	<p><i>Frère Adrien</i> Le Frère Allais-Charles étant décédé le 24 mai 1928, une circulaire du 15 juin indiquait que la</p>
---	---

owing to the proximity of the summer holidays and of the annual retreats, the holding of the General Chapter had had to be postponed for longer than the three months allowed by the Rule of Government. A dispensation had been given by the Holy See, and the Chapter would open on November 7th.

During the morning session of Sunday November 11th, the Chapter proceeded with the election of the new Superior General. With 80 of the 100 votes cast in favour of Brother Adrien, he was duly declared elected.

Brother of Brother Allais Charles, Adrien Petiot was born in Bas en Basset (Haute Loire) on February 8th 1867, and was baptised the same day. He was 10 years old when his father died. In 1879, his brother took him to the junior novitiate in Paris. On

proximité des vacances et des retraites annuelles avait conduit à reporter la tenue du Chapitre général au-delà du délai de trois mois prévu par la Règle du Gouvernement. Une dérogation avait été accordée par le Saint-Siège. Le Chapitre s'ouvrirait donc le 7 novembre.

À la séance du matin, le Dimanche 11 novembre, le Chapitre procédait à l'élection du Frère Supérieur général. Sur 100 voix, 80 s'étant portées sur le Frère Adrien, celui-ci était déclaré élu.

Frère Adrien: Propre frère du Frère Allais-Charles, Adrien Petiot est né à Basen-Basset (Haute-Loire) le 8 février 1867 et a été baptisé le même jour. Il avait 10 ans, quand il a perdu son père. En 1879, son frère le conduisit au petit-noviciat de Paris. Le

August 31st 1882, he began his postulancy and received the habit on the following October 1st. At the end of his novitiate, he was sent to the junior novitiate as assistant teacher. In June 1884, he joined his brother at St Nicolas in Paris. He progressively graduated to teach the higher classes while at the same time cultivating his interest in literary studies. In 1895, he made his perpetual profession. In September 1898, he was appointed Director of the Junior Novitiate in Paris. In 1906, after presiding over the Great Exercises, he received an obedience to be Sub-Director of the Passy Froyennes boarding school on the Belgian frontier where, subsequently, he became Pro-Director. In August 1912, he was appointed Visitor of the District of Paris, where many of the Brothers had kept schools

31 août 1882 il commençait son postulat et il prenait l'habit le 1^{er} octobre suivant. A la fin de son noviciat, il était placé au petit-noviciat comme professeur adjoint. En juin 1884, il rejoignait son frère à Saint-Nicolas de Paris; il y gravissait progressivement les divers échelons des classes tout en cultivant ses dispositions pour les études littéraires. En 1895, il faisait sa profession perpétuelle. En septembre 1898, il était nommé Directeur du petit-noviciat de Paris. En 1906, après avoir présidé les Grands Exercices, il recevait l'obédience de Sous-directeur au Pensionnat de Passy-Froyennes installé à la frontière belge, avant d'en devenir Pro-directeur. En août 1912, il était investi de la charge de Visiteur du District de Paris dont beaucoup de Frères avaient maintenu les œuvres en se

running by becoming “secularised”. As a delegate to the 1913 General Chapter, he was elected Assistant and found himself responsible for the Districts of Paris and Le Puy, as well as for those of the Antilles and Mexico.

The new Superior communicated the results of the Chapter to the Institute by a circular dated January 6th 1929 (Circ. 266). He began the circular by pointing out his limitations regarding the exercise of his functions, but he added, “Our Institute having made us what we are, is it not just that we should give ourselves to it without reserve and with a holy joy?”

While Brother Adrien did not share all the qualities his brother had, he proved himself equally capable of heading the Institute. ‘The intelligence of the Superior, multiplied

“sécularisant”. Délégué au Chapitre général de 1913, il était élu Assistant et se voyait chargé des Districts de Paris et du Puy ainsi que de ceux des Antilles et du Mexique.

Le nouveau Supérieur général communiquait à l’Institut les résultats du Chapitre par une circulaire datée du 6 janvier 1929 (Circ. 266). Au début de cette circulaire, il faisait état de ses limites quant à l’exercice de ses fonctions. Il écrivait cependant: “Notre Institut nous ayant fait ce que nous sommes, n’est-il pas juste que nous nous donnions à lui sans réserve et avec une sainte joie?”

Si, au regard des qualités manifestées par son frère, le Frère Adrien se révélait différent, il ne se montrait pas moins capable que celui-ci de conduire l’Institut. ‘L’intelligence

tenfold by his relentless work, went to the heart of things... His sound judgment made him prefer to steer a middle course and oppose hasty and exaggerated opinions' (*Notice nécrologique*, 158). Also, "In addition to his remarkable intellect, his heart was very much in the right place" (*id.* p. 161).

By nature, Brother Adrien was more at home in the office: he did not set about visiting systematically certain parts of the Institute as Brother Allais Charles had done. On the other hand, he insisted on implementing one of the wishes of the 1928 Chapter by ensuring that Brother Assistants visited their far-off Districts once every 5 or 6 years.

One characteristic of Brother Adrien's time as Superior was the importance he attached to his visits to Rome. When

du Supérieur, décuplée par un travail opiniâtre, allait jusqu'au fond des choses... Son jugement très droit le rendait partisan du juste milieu et ennemi des opinions hâtives et outrées' (*Notice nécrologique*, 158). De plus, «À ces qualités remarquables de l'esprit [il] joignait un excellent cœur» (*id.* p. 161).

Le Frère Adrien était plutôt un homme de bureau; il n'a pas entrepris de visiter systématiquement certaines parties de l'Institut, comme l'a fait le Frère Allais-Charles. En revanche, il a tenu à appliquer un des vœux du Chapitre de 1928 en veillant à ce que les Frères Assistants visitent leurs Districts éloignés, tous les 5 ou 6 ans.

Parmi les faits qui ont marqué son temps de supériorat, le Frère Adrien aimait donner une certaine importance aux voyages

he went there for the first time, in July 1929, he stopped at a number of houses in France and Italy. In Rome, he met Cardinal Merry del Val, the new Protector of the Institute, who took a particular interest in a scheme organised for young people by the Brothers' school in Trastevere. When the Superior was received in audience by Pope Pius XI, he congratulated the Holy Father on the golden anniversary of his priesthood, and on the Lateran Treaty which had recently been signed with the Italian government. On another visit he made in October 1933, he took the opportunity to thank the Sovereign Pontiff for the encyclical on education he had just written. The Pope was particularly interested in countries in which congregations were forbidden to teach. In this connection, he agreed the

qu'il effectuait à Rome. Lorsqu'il s'y rendait pour la première fois, en juillet 1929, il s'arrêtait dans un certain nombre de maisons de France et d'Italie. Sur place il rencontrait le Cardinal Merry del Val, nouveau Protecteur de l'Institut, qui portait toujours intérêt à une œuvre de jeunesse adjointe à l'école des Frères du Trastevere. Lors de l'audience que le pape Pie XI accordait au Frère Supérieur, celui-ci félicitait le Saint-Père pour ses noces d'or sacerdotales et pour les accords du Latran qui venaient d'être passés avec le gouvernement italien. Un autre voyage effectué en octobre 1933, offrait au Frère Adrien l'occasion de dire au Souverain Pontife sa gratitude pour l'encyclique sur l'Éducation que celui-ci venait de lancer. Le Pape s'intéressait plus

Brothers should continue their apostolate there, even if it meant wearing civilian dress. During this visit, the Superior went to see also Cardinal Pacelli, the Secretary of State, who had agreed to take on the role of Cardinal Protector of the Institute.

The Sacred Congregation for Religious had asked the 1928 General Chapter to transfer the Generalate to Rome. On March 7th 1929, the Regime Council decided that the new premises would house not only the Regime, but also the Secretary General's office, a missionary junior novitiate and novitiate, and supporting services for the various groups located there. In the light of this, it was planned to purchase quite a large

particulièrement aux pays où les lois interdisaient l'enseignement aux Congrégations. À ce sujet, il se disait d'accord pour que les Frères y continuent, au besoin, leur apostolat sous l'habit civil. Lors de ce voyage, le Frère Supérieur rendait également visite au Cardinal Pacelli, Secrétaire d'État, qui avait accepté de remplir le rôle de Cardinal Protecteur de l'Institut.

La Sacrée Congrégation des Religieux ayant demandé au Chapitre général de 1928 de transférer la Maison Mère à Rome, le Conseil de Régime décidait, le 7 mars 1929, qu'en plus du Régime la maison comprendrait le Secrétariat, un petit-noviciat et un noviciat pour les missions ainsi que les services pour les différents groupes. Dans cette perspective était prévu l'achat d'une

property in or near Rome (Register 3, 285). On December 3rd 1931, the Council confirmed this project but thought its implementation should be postponed until better times (Reg. 4, 93).

According to the obituary of Brother Adrien, he first felt the effects of an illness which caused him concern, in 1932. In 1934, the illness grew worse, and he was admitted to a clinic in Lille. He died there on March 2nd. He was 68 years old and had been Superior of the Institute for almost five and a half years.

[Lasallian Studies 12, pp. 52-54]

propriété assez vaste à Rome ou aux environs de cette ville (Registre 3, 285). Le 3 décembre 1931, le Conseil confirmait ce projet, mais était d'avis de le reporter à des temps meilleurs (Reg. 4, 93).

Selon la notice nécrologique du Frère Adrien, celui-ci ressentait en 1932 les premières atteintes d'une maladie qui l'inquiétait. En 1934, une aggravation de cette maladie entraînait l'admission du Frère Supérieur dans une clinique de Lille. Il y décédait le 2 mars. Il était dans sa 68^e année et avait été Supérieur de l'Institut près de 5 ans et demi.

[Études Lasalliennes 12, pp. 53-55]



**175. Frère FÉLICIEN-NGHI Huỳnh Công Lương
(04/01/1919 – 02/03/2010)**

Anh Pierre Huỳnh Công Lương sinh ngày 04/01/1919 tại Long Hòa, Nam Kỳ. Con ông Jacques Sang và bà Marthe Tươi.

Vào Sơ Tập Viện Huế ngày 02/10/1931. Vào Tập Viện Đồi La San Nha Trang ngày 16/08/1935 và nhận Áo Dòng ngày 18/03/1936 (đoàn 48) với tên Dòng là Frère FÉLICIEN-NGHI. Số danh bộ là J19137. Khấn lần đầu ngày 19/03/1937 tại Nha Trang và nhập Học Viện Huế ngày 20/03/1937. Khấn trọn đời ngày 10/08/1944.

- Hiệu Trưởng trường La San Đức Minh, Tân Định (1957-1963).

- Phụ Tá Giám Tỉnh (01/07/1967-26/04/1969).

Frère FÉLICIEN Huỳnh Công Lương qua đời ngày 02/03/2010 tại Mai Thôn, hưởng thọ 91 tuổi với 74 năm trong Dòng. An táng tại nghĩa trang La San Mai Thôn.



Nhớ về Frère

Từ ngày trường Taberd sống đúng 100 tuổi rồi mất, nay chúng con lại tiễn biệt Frère Huỳnh Công Lương về cõi vĩnh hằng, Frère và Frère Désiré Lê Văn Nghiêm là hai bậc đàn anh lớn của Trường Taberd, và là tấm gương sáng giản dị và khiêm tốn đối với học sinh chúng con, cả hai Frère cũng là người trải qua những năm tháng thăng trầm, chứng kiến bao sự đổi thay của ngôi trường thân yêu, cùng với mái trường, hai Frère cũng là những kỷ niệm thời niên thiếu của chúng con, từ lớp Tiểu Học lên đến Trung Học. Từ các lớp đàn anh thành đạt trong cuộc sống

và đến lớp đàn em sau này, tất cả cũng là nhờ sự dạy dỗ của hai Frère Hiệu Trưởng, chúng con ngày nay ra đời và cũng luôn ghi nhớ đến hai Frère và mái Trường của chúng con.

Ngày nay chúng con như đàn chim vỡ tổ vì thời cuộc đầy đua, bao người bạn của chúng con phải rời xa quê hương, sống lưu lạc nơi xứ người với những phận đời khác nhau, nhưng chúng con vẫn có bao giờ quên ngôi trường yêu dấu cùng với hai Frère Hiệu Trưởng, quên những tháng ngày thân yêu cùng với các Thầy Cô, các Frère và các bạn học của chúng con đâu, không làm sao mà quên được, chúng con luôn tâm niệm con người rồi cũng có lúc như lá rụng về cội. Vẫn luôn luôn về lại chốn xưa thôi.

Frère ơi, chúng con đang tìm về chính mình, ngoài gia đình thân thương của chúng con, chúng con còn những riêng một góc trời mà khi xưa chúng con tưởng chừng đã mất, cũng như chúng con còn được gặp hai Frère vẫn còn trên trần gian nay, nay Frère ra đi thì thôi cũng cho xong một kiếp người Frère ơi.

Chúng con chỉ còn biết cầu nguyện cho Frère về nước Chúa và ở bên người, cũng như chúng con luôn cất lên tiếng hát:

*“Nguyện đồng tâm giữ vững danh trường,
Lasan chỉ lối soi đường,
Ngày nay thi sức đua tài,
Nhiệt thành xây đắp ngày mai...”*

của bài Lasan Hành Khúc muôn thuở của chúng con. Frère ơi xin Frère hãy ngủ yên giấc cũng như mái trường 100 năm tuổi của chúng con Frère nhé.

Vũ Văn Chính - Sài Gòn, buồn ngày 3 tháng 3 năm 2010

[https://taberd.org/tc/felicien_luong2.html#b1]



Một trang lịch sử của Trường Ta đã ra đi!

Chúng ta hãy trở lại với những năm thập niên 67 và 70 với các vị *Huynh Trưởng* của nhiều thế hệ *Lasan Taberd*, những con chim đầu đàn của một *Institution Taberd* trong đó có Frère Félicien Huỳnh Công Lương.

Mỗi năm, nhân dịp lễ khai trường, những *Lời Huynh Trưởng* chuẩn bị cho tất cả những việc phải làm trong năm học. Những lời lẽ ấy, ngày nay đã thành cho chúng em những lời *vàng ngọc* cho sự nghiệp và công danh trên đường đời. Mặc dù *Institution Taberd* ngày nay đã không còn nữa, nhưng tất cả đàn chim từ Taberd vẫn còn nhớ về khung trời xưa, nhất là tới những Đấng đã đưa *Dân Taberd* đi trọn một đoạn đường đời.

Những buổi chào cờ có sự hiện diện của Sư huynh Directeur, với khuôn mặt hiền lành của một người đã hy sinh cuộc sống đời thường để đem lại cho chúng em những điều hay và lẽ phải để sống với đời.

Rồi mỗi cuối năm học, vị Huynh Trưởng đã gọi lại cho chúng em những lời khen về năm học vừa qua và không quên chúc chúng em những tháng hè vui vẻ.

Nay, cũng như trước khi hè đến, được tin Frère Félicien Huỳnh Công Lương đã trở về với Chúa.

Một trang lịch sử của Trường Ta đã ra đi, để lại sau lưng tiếng khóc của đám học trò, tưởng nhớ và mang ơn về một *Vị Huynh Trưởng* của trường Lasan Taberd.

Xin cảm ơn Frère đã soi sáng cho chúng em ở dưới mái trường thân yêu, những điều chúng em đã được học hỏi, thật là vô giá cho cuộc đời chúng em.

Xin kính chúc linh hồn Frère được bình an nơi nước Chúa.

Kính về một người ANH, CHA và cũng là THẦY.

Một nhóm học sinh của thập niên 60 và 70.

Nguyễn Ngô Hùng, Nguyễn Văn Em, Vũ Văn Chính, Dương Quang Khải, Lê Việt Quang, Tăng Kiên

[https://taberd.org/tc/felicien_luong2.html#b2]

Nhớ về Frère Félicien Huỳnh Công Lương

Ngày hôm qua nhận tin buồn Sư huynh Félicien Huỳnh Công Lương qua đời, hôm nay lần mở những trang kỷ yếu, xem đi xem lại từng trang, đọc lại *Lời Huynh Trưởng* của từng năm, bao nhiêu ký ức trở về. Có ngôi trường thân yêu, có các Sư huynh, các Thầy Cô, bạn bè và bao nhiêu vui buồn lẫn lộn.

Trong suốt thời gian 12 năm, 64-76, chỉ có hai Sư huynh thay phiên nhau giữ chức Hiệu Trưởng: Sư huynh Félicien Huỳnh Công Lương và Sư huynh Désiré Lê Văn Nghiêm.

Nhưng hình ảnh đậm nét nhất trong mỗi anh em chúng ta khi nhớ về Sư huynh Félicien Huỳnh Công Lương là khuôn mặt hiền từ, cử chỉ điềm đạm. Sư huynh Félicien với dáng dấp nhẹ nhàng đang điều hành lớp lang một *Ban*

Nhạc Ngàn Người hát lên Lasan Hành Khúc và diu dặt tương lai anh em học sinh thăng tiến trên đường đời. Cũng nhớ về Sư huynh với phong thái uy nghiêm từ tôn đang đọc lời nhắn nhủ các anh em học sinh. Sư huynh luôn mang một hình ảnh bất biến, không có một cử chỉ hoảng hốt, trầm tĩnh trước mọi vấn đề. Đó là tất cả những gì tôi còn nhớ về người Sư huynh đáng kính.

Dưới đây chúng tôi xin trích lại Lời Huynh Trưởng trong cuốn kỷ yếu 64-65:

Cuốn kỷ yếu đến tay các em thì niên học 1964 - 1965 đã kết thúc rồi. Một năm qua! Một năm dài dằng dặc với bao giờ cặm cụi với bút nghiên; một năm với tất cả những niềm vui hay nỗi buồn của nó... với những lúc say sưa trong chiến thắng thành công hay những lúc chán nản chua cay vì thất bại, thử thách.

Đời người đều được thêu dệt như vậy...

Lời nói thật xa xưa mà như vẫn còn văng vẳng đâu đây. Lời nhắn nhủ vàng ngọc kết thúc cho một năm học mà giờ đây tưởng chừng như lời đưa tiễn và tóm tắt một đoạn đường dài của Sư huynh!

Dù Sư huynh Félicien Huỳnh Công Lương đã ra đi, dù anh em Taberd đã xa mái trường gần trọn 35 năm, dù trải qua bao nhiêu thăng trầm trong đời sống, trong lòng mỗi chúng ta hình ảnh Sư huynh vẫn còn hiện hữu nơi mái trường xưa cùng những Sư huynh khác, cùng các Thầy Cô và anh em học sinh.

Hôm nay anh em chúng con cùng về đây đọc lời thương tiếc và đưa tiễn Sư huynh về nơi vĩnh cửu.

Địa cầu ngày 3 tháng 3 năm 2010

Chúng con đồng kính,

Nguyễn Văn Em, Gia-nã-Đại; Nguyễn Ngô Hùng, Pháp; Vũ Văn Chính, Việt Nam; Dương Quang Khải, Hoa-Kỳ; và tất cả anh em Taberd khắp năm châu

Tưởng nhớ Frère Félicien

Sáng sớm thứ ba 2/3 tôi đang ở cơ quan thì **Lý Minh Sơn** gọi điện thoại hỏi thăm. Hai đứa nói chuyện một lúc thì gác máy nhưng vẫn không quên hẹn hôm nào có dịp anh em tụ họp một bữa. Hẹn thì hẹn vậy nhưng trong bụng tôi nghĩ có sớm cũng phải tháng sau mới tụ họp cả nhóm lại được vì mới nghỉ tết nên có lẽ ai cũng bận.

Không ngờ khoảng hơn 10g thì **Nguyễn Hữu Đức** gọi đến báo tin Frère Félicien mới qua đời. Thế là không ai bảo ai người gọi điện thoại, kẻ nhắn tin, người e-mail để thông báo cho những anh em khác. Nhờ thế mà chỉ sau có mấy tiếng đồng hồ tin Frère Félicien qua đời đã được truyền đi khắp nơi. Thậm chí một số anh em đã nhận được hai ba cuộc điện thoại lẫn tin nhắn. Đến đầu giờ chiều thì chương trình thăm viếng của nhóm anh em cựu học sinh khóa 64-76 được thống nhất vào ngày hôm sau, thứ tư 3/3 lúc 18g chiều tại Lasan Mai Thôn.

Chiều ngày thứ tư đúng theo giờ hẹn một số anh em đã tập trung trước cổng nhà nguyện Lasan Mai Thôn, nơi đang quản linh cữu Frère Félicien. Khi mọi người tề tựu đông đủ anh em đã vào nhà nguyện đặt vòng hoa, thăm viếng và chia buồn với thân nhân gia đình của Frère và với quý Sư huynh dòng Lasan.

Frère Félicien ra đi là sự mất mát lớn lao và là niềm thương tiếc vô biên của thân nhân gia đình Frère cách riêng cũng như của Dòng Lasan Việt Nam nói chung. Đồng thời đây cũng là nỗi buồn chung của anh em cựu học sinh Lasan Taberd nhất là đối với những ai đã theo

học niên khóa 64-65 và những niên khóa đầu thập niên bảy mươi khi Frère Félicien là Hiệu Trưởng của trường.

Khi nhớ về Frère Félicien có lẽ anh em chúng ta không thể quên được hình ảnh một Frère Félicien uy nghiêm nhưng hiền từ điềm đạm. Là hiệu trưởng của trường nên Frère không trực tiếp coi sóc học sinh vì thế ít người trong đám học sinh chúng ta được dịp tiếp xúc trực tiếp với Frère ngoài những dịp thật đặc biệt. Không như các Frère Giám Học, Frère Tổng Linh Hoạt hay các Frère phụ trách những ngành chuyên môn Frère Félicien ít có mặt hằng ngày ở các lớp học. Thường chỉ thấy Frère vào những ngày chào cờ hay vào những dịp lễ lớn như Khai Giảng, Giảng Sinh, Tết và lễ mãn khóa phát phần thưởng cuối năm v.v... Ngoài ra, thỉnh thoảng còn thấy Frère đi lại trong trường qua những dãy hành lang của các tòa nhà khu danh dự hay đứng trên các bậc thềm ở góc nào đó, từ xa quan sát học sinh trong những giờ ra chơi. Trong những lần như vậy có đôi lúc Frère gọi một vài học sinh gần đó hoặc chạy ngang qua để hỏi han chuyện học hành hay chuyện gia cảnh. Tôi còn nhớ được Frère gọi lại một lần như vậy.

Tuy ít được tiếp xúc trực tiếp với Frère nhưng các anh em học sinh đều cảm thấy gần gũi với Frère. Ở Frère luôn toát ra phong thái của một người anh cả, một vị chưởng môn, theo cách nói của con nhà võ, luôn quan tâm chăm sóc những môn sinh của mình. Ở đây tôi muốn mượn lời của một số bạn đã nói về Frère mà tôi thấy rất chính xác... *hình ảnh đậm nét nhất trong mỗi anh em chúng ta khi nhớ về Sư huynh Félicien Huỳnh Công Lương là khuôn mặt hiền từ, cử chỉ điềm đạm... Sư huynh Félicien với dáng dấp nhẹ nhàng... nhớ về Sư huynh với phong thái uy nghiêm từ tốn đang đọc lời nhắn nhủ các anh em học*

sinh... Sư huynh luôn mang một hình ảnh bất biến, không có một cử chỉ hoảng hốt, trầm tĩnh trước mọi vấn đề...

Cách đây hơn một năm tôi may mắn được gặp lại Frère Félicien trong dịp Lasan Hội Ngộ vào năm 2008. Lần đầu tiên gặp lại Frère sau hơn 30 năm nên thấy Frère khác nhiều. Frère khi ấy đã gần 90 tuổi. Frère đi lại tuy có khó khăn chậm chạp nhưng tinh thần rất minh mẫn và tỉnh táo. Hôm ấy Frère nói là Frère rất vui và cảm động vì thấy các anh em cựu học sinh Lasan còn nhớ đến trường, đến các Frère và đặc biệt là còn giữ được tinh thần Lasan mặc dù các anh em đã xa trường rất nhiều năm, có người rời trường từ những thập niên 50 hay 60. Frère mong rằng anh em Lasan luôn duy trì được truyền thống tốt đẹp này mãi mãi.

Frère Félicien đã ra đi nhưng những lời dạy bảo, nhắn nhủ của Frère vẫn còn ở với chúng con mãi mãi. Chúng con, những học trò đã từng ngồi dưới mái trường do Frère trông coi, rất buồn và thương tiếc Frère đã ra đi xa nhưng trong nỗi buồn và niềm thương tiếc ấy chúng con tự lấy làm an ủi vì tin rằng Thiên Chúa đã gọi Frère về đền thưởng công cho Frère vì khi ở trần gian này Frère đã hy sinh cuộc sống đời thường dâng cả cuộc đời cho Thiên Chúa, đi theo Thánh Gioan Lasan lo cho giới trẻ trong đó có chúng con.

Nguyện xin cho Frère được nghỉ yên muôn đời và cầu xin Chúa sớm đưa linh hồn Frère về hưởng nhan thánh Chúa trên thiêng đàng.

Đỗ Bá Cảnh - Saigon – 5 tháng 3 năm 2010

[https://taberd.org/tc/felicien_luong2.html#b4]

ĐỂ TƯỢNG NHỚ ĐẾN FRÈRE FÉLICIEEN

“Ne croyez point ceux qui vous diront que la jeunesse est faite pour s’amuser; la jeunesse n’est point faite pour le plaisir, elle est faite pour l’héroïsme... ne croyez pas que vous serez diminué, vous serez au contraire merveilleusement augmenté. C’est par la vertu que l’on est un homme...” Paul Claudel (Lettre à Jacques Rivière)

I. Fractal Geometry, Chu Kỳ Vòng Đời của Loài Bướm

Nhà Toán học nổi danh Benoit Mandebrot có viết về khái niệm “fractal geometry” vào năm 1975, để diễn tả về hiện tượng “self-similarity” (đại khái là sự duy trì về tương tự trong nét cấu tạo của động vật, từ chi tiết nhỏ bé bên trong--phải dùng kính hiển vi mới thấy--cho đến hình dung tổng quát bên ngoài). Khái niệm này thật sự được xuất phát từ thế kỷ 18 bởi những nhà Toán học khác như Leibniz qua đến Cantor và Henri Poincaré, trước khi Mandebrot phổ thông hoá như trên. Khái niệm này đã được áp dụng để diễn tả khuôn thiết kế của những hiện tượng trong thiên nhiên như mây trên trời, dãy núi, bờ biển, v.v., và cũng đã được áp dụng trong sự tìm hiểu khuôn thiết kế của những hiện tượng trong sinh vật học như nhịp tim, mạch máu, v.v.

Một hiện tượng huyền bí tuyệt vời trong thiên nhiên là chu kỳ vòng đời của loài bướm. Chu kỳ này trải qua 4 giai đoạn rõ rệt: trứng (egg), sâu (caterpillar), sâu bướm (chrysalis), và bướm (butterfly). Dựa theo quan sát tổng quát của chu kỳ này, sự biến đổi từ sâu bướm sang bướm là một kỳ diệu của Tạo Hoá, ít ai chứng kiến mà không sửng sốt bàng hoàng. Và mặc dù sự biến thể này là ghi dấu cho biến chuyển lý kỳ nhất trong chu kỳ, giai đoạn không kém tầm quan trọng là từ sâu sang sâu bướm. Ở thời kỳ chuyển tiếp này, mặc dù trong nhãn quan chúng

ta, bên ngoài lớp vỏ con sâu, tất cả đều có vẻ yên tĩnh ít đổi thay; nhưng, dưới lớp kính hiển vi bên trong là biết bao lay chuyển giao động, để chuẩn bị cho sâu bướm tiến vào biến thể (metamorphosis) theo “genetic blueprint,” để được hoàn thành từ con sâu bướm chấp cánh thành bướm bay bổng lên không trung.

II. Chu Kỳ Vòng Đời Lasan Taberd

Dựa vào nhận xét về fractal geometry và chu kỳ vòng đời của loài bướm, chúng ta có thể giả định rằng Lasan Taberd của nền giáo dục Việt Nam, với một lịch sử huy hoàng từ ngày khai lập, là một hiện tượng khác thường, tương xứng với hiện tượng chu kỳ vòng đời của loài bướm, trong nguyên tắc trùng khuôn thiết kế của những hiện tượng hy hữu trong thiên nhiên.

Đặt vào so sánh này, chúng ta có thể nhận ra những điểm tương phùng như sau. Từ năm 1865-1873, Lasan Taberd nằm trong giai đoạn “trứng”, khi các Sư huynh tiên phong dòng Lasan từ Pháp đến quản giáo College d’Adran và sau đó cùng hợp tác với linh mục Kerlan để mở trường nghĩa thực mang tên Lasan Taberd. Trong 100 năm 1874-1974, trường ở trong giai đoạn “sâu”, phát triển hoàn hảo trong ngành giáo dục trên các phương diện trí dục, đức dục và thể dục. Và như đã đề cập về tầm mức quan trọng của thời kỳ chuyển tiếp từ sâu sang sâu bướm, trong trường hợp Lasan Taberd, giai đoạn này đã xảy ra trong khoảng 12 năm cuối giai đoạn “sâu”, 1964-76. Tiếp đến, giai đoạn sâu bướm đã chính thức bắt đầu sau năm 1976, niên học cuối cùng của Lasan Taberd, trước khi trường bị giải thể.

III. Chuẩn Bị Chấp Cánh: Sư huynh Hiệu Trưởng Félicien Huỳnh Công Lương

Frère Félicien Huỳnh Công Lương là Sư huynh hiệu trưởng (Sư huynhHT) trong 12 năm cuối cùng của Lasan Taberd, ngoại trừ 4 hay 5 năm lãnh đạo của Sư huynhHT Désiré Lê Văn Nghiêm. Ngày hôm nay, khi xem lại Lời Huỳnh Trưởng (LHT) của Frère Félicien trong cuối niên học 1964-65 (năm đầu của promo Taberd 76), bắt đầu vào thời kỳ chuẩn bị “sâu” sang “sâu bướm” của Lasan Taberd, chúng ta không thể tránh được cảm giác bàng hoàng trước những điều giảng huấn tiên tri sâu đậm của Frère.

Các em học sinh thân mến,

Cuốn kỷ yếu đến tay các em thì niên học 1964 - 1965 đã kết thúc rồi. Một năm qua! Một năm dài dằng dặc với bao giờ cặm cụi với bút nghiên; một năm với tất cả những niềm vui hay nỗi buồn của nó... với những lúc say sưa trong chiến thắng thành công hay những lúc chán nản chua cay vì thất bại, thử thách.

Đời người đều được thêu dệt như vậy...

1964 - 1965 một năm đã qua!

Một năm đầy biến cố chồng chất trên giải đất thân yêu của chúng ta:

Nào những xáo trộn trên chính trường xã hội dồn dập kế tiếp nhau một cách đột ngột, không phù hợp với bản sắc dân tộc ta.

Nào các trận cuồng phong bão lụt khủng khiếp chưa từng thấy làm cho đất nước đã điêu đứng lại càng thêm sâu thảm.

Một cách kín đáo hơn, nhưng cũng không kém phần tai hại, sự khinh miệt những giá trị cổ truyền, làm lung lạc các tâm hồn, làm cho họ nghi kỵ, ngờ vực lẫn nhau...

Nằm ngay trung tâm thủ đô, trường Taberd dĩ nhiên không thể tránh được những hậu quả của những cơn bão táp đó đang đổ dồn trên đất nước.

Chúng ta không thể phủ nhận một vài sự trỗi nãi trong đời sống học sinh, gây nên vì hoàn cảnh thời cuộc... Nhưng phải công nhận rằng phần đông các học sinh Taberd vẫn vững lòng tiếp tục việc học hành mặc dầu có những biến chuyển ngã nghiêng trong giới học đường... Thực ra, tòa nhà có giá trị đâu phải chỉ vì cái vẻ bề ngoài cổ kính hay tân thời, giá trị của nó trước nhất là ở bên trong, ở những vật liệu kiến trúc vững chắc của nó, ở những thành phần sống động ở trong nó.

Về phương diện này, các em học sinh Taberd thực đáng khen...

Kẻ điều khiển con tàu không được bỏ lỏng tay lái giữa con bão táp. Trái lại, bão táp càng mãnh liệt, người thủy thủ lại càng phải vững tay lái, mắt luôn theo dõi kim địa bàn, cố gắng cứu thoát con tàu, bảo tồn hàng hóa và đưa tàu về tới bến.

Đời người cũng có bến phải đạt tới nơi. Nó cũng có những giá trị vĩnh viễn cần phải được bảo tồn... Đời sống ta chỉ có giá trị nếu ta biết sống theo một lý tưởng: LÝ TƯỞNG GIA ĐÌNH, TỔ QUỐC, THIÊN CHÚA.

Có như vậy, đời sống ta mới là một bước tiến lên không ngừng...

Ai nói tới sự sống thì phải nói tới sự khát vọng trong một đời sống dồi dào phong phú hơn. Quanh chúng ta, đời sống thật chỉ là một khát vọng. Tất cả những nguyện vọng chính đáng đó đều hướng về tột đỉnh, vươn lên tới SỰ SỐNG HOÀN TOÀN SUNG MẪN, gieo rắc tràn đầy nghĩa cử và công đức...

Vậy điều thiết yếu của các em học sinh phải lo giữ gìn với bất cứ giá nào, đó là LÒNG HẰNG HÁI CẦU TIẾN nghĩa là ước muốn tiến lên mãi mãi. Sự khát vọng đó phải đánh dấu tất cả các hoạt động học đường, hoạt

động thể thao, hoạt động xã hội của các em. Nó phải nung nấu tâm can và đời sống các em.

Người trai trẻ không được phép sống trong sự tầm thường... Họ chỉ tìm thấy sự vui sống khi đã biết buộc chặt “xe của mình vào một vì sao” vì “con đường cứu thoát chỉ là một hướng đi lên” (C Claudel).

Tất cả cựu học sinh Lasan Taberd, sau thay đổi lịch sử nước của năm 1975, và sau khi trường bị giải thể năm 1976, nhiều người di tản đi khắp nơi trên thế giới, nhiều người ở lại trong nước, biết bao đổi thay của gần 40 năm qua! Nếu tất cả trong chúng ta gom ghép hết những kiến thức và kinh nghiệm sống tập thể của thời gian qua, có lẽ chúng ta cũng đã chỉ đạt được một phần nhỏ những điều giảng huấn của Frère Félicien ngày đó. Gần 40 năm của các cựu học sinh trưởng thành qua những học vấn trên trường đời và các trường đại học, chúng ta nhận ra đúc kết của “pearls of wisdom” từ biết bao sách hay và kinh nghiệm quý báu của các tiền nhân, đã sẵn hiện hữu trong bài LHT của Frère Félicien từ gần nửa thế kỷ trước đây, và cho đến ngày hôm nay chúng ta vẫn còn tiếp tục học hỏi được qua khuôn vàng thước ngọc

nung nấu tâm can và đời sống bằng ước muốn tiến lên mãi mãi, trong lý tưởng gia đình, tổ quốc, Thiên Chúa (Sư huynh HT Félicien)

Đọc bài LHT của Frère, chúng ta hẳn nhận ra được áp dụng thâm thúy của “fractal geometry” trong thời gian và đời sống con người, gói ghém trong hai câu,

Một năm dài dằng dặc với bao giờ cặm cụi với bút nghiên; một năm với tất cả những niềm vui hay nỗi buồn của nó... với những lúc say sưa trong chiến thắng thành công hay những lúc chán nản chua cay vì thất bại, thử thách.

Đời người đều được thêu dệt như vậy...

cũng như trong linh hồn Lasan Taberd nói chung, và trong tâm linh cá nhân các em học sinh mà Frère Félicien đã dành cả cuộc đời đào tạo

Thực ra, tòa nhà có giá trị đâu phải chỉ vì cái vẻ bề ngoài cổ kính hay tân thời, giá trị của nó trước nhất là ở bên trong, ở những vật liệu kiến trúc vững chắc của nó, ở những thành phần sống động ở trong nó.

Tiền tàng trong câu giảng huấn trên của Frère là những bửu bối cổ kính trong văn hoá dân tộc Việt Nam, mà trong ngày hôm nay càng ngời sáng hơn trong nét nhìn qua khoa tâm lý học hiện đại. Những tuyên chỉ từ ở Frère “bên trong... kiến trúc vững chắc... những thành phần sống động ở trong...” chúng ta tìm thấy tương đương trong khái niệm “robust and vibrant ego structure” mà Frère Félicien đã nhấn mạnh đào tạo trong giáo dục Lasan Taberd để chuẩn bị cho sự tiến lên mãi mãi, trong lý tưởng gia đình, tổ quốc, Thiên Chúa.

Và, theo như đoạn cuối bài (LHT),

Người trai trẻ không được phép sống trong sự tầm thường... Họ chỉ tìm thấy sự vui sống khi đã biết buộc chặt “xe của mình vào một vì sao” vì “con đường cứu thoát chỉ là một hướng đi lên” (C Claudel).

chúng ta có thể phỏng đoán được Frère Félicien, lúc sinh thời, nghiên cứu rất nhiều và có một niềm ưu ái đến Paul Claudel (1868-1955). Claudel là một thi sĩ, một nhà văn lớn của nước Pháp, và cũng là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp. Những thành công lớn trong thi văn của Paul Claudel đã đưa ông được tuyển lựa vào Académie Française năm 1946. Tuy địa hạt của Frère Félicien là ngành giáo dục, không nhiều liên quan đến thi văn và ngành ngoại giao của Paul Claudel, và mặc dù Frère có trích một ít câu văn của Claudel như trên, chúng ta có thể suy rằng, theo nghiên cứu toàn thể bài LHT và thi văn của

Claudel, quan điểm tương phùng của Frère với Paul Claudel là dựa trên tín ngưỡng bao la nơi Thiên Chúa.

Niềm tin ngưỡng thể hiện trong lời giảng huấn,

Kẻ điều khiển con tàu không được bỏ lỏng tay lái giữa con bão táp. Trái lại, bão táp càng mãnh liệt, người thủy thủ lại càng phải vững tay lái, mắt luôn theo dõi kim địa bàn, cố gắng cứu thoát con tàu, bảo tồn hàng hóa và đưa tàu về tới bến.

Đời người cũng có bến phải đạt tới nơi. Nó cũng có những giá trị vĩnh viễn cần phải được bảo tồn... Đời sống ta chỉ có giá trị nếu ta biết sống theo một lý tưởng: LÝ TƯỞNG GIA ĐÌNH, TỔ QUỐC, THIÊN CHÚA.

đã mang đến cho Frère một sức mạnh và quyết liệt phi thường để hướng dẫn trường và nhà nguyện thánh đường trước những biến cố và thử thách trong năm đó, và đã ban cho Frère một tia nhìn về tương lai Lasan Taberd, để lại cho chúng ta và hậu thế những điều giảng huấn sáng ngời muôn đời.

IV. Hồn Bướm Lasan Taberd

Những lời khuyên giảng của Frère Félicien, ngoài tầm mức chứa đựng những giáo huấn vô giá, còn là di chứng cho chúng ta để ngày hôm nay hiểu thêm được về tâm huyết của Frère và các Sư huynh dòng Lasan, cũng như tình cảm đặc biệt khác thường chúng ta cùng có hôm nay và trong mãi mãi với ngôi trường Lasan Taberd. Tất cả những hy sinh của các Sư huynh suốt một cuộc đời thờ phụng Thiên Chúa và phục vụ cho nền giáo dục của Dòng Lasan đã bắt nguồn từ tình thương Thiên Chúa ban phó. Sau gần 40 năm im vắng sinh hoạt từ khi Lasan Taberd bị giải thể, tình thương này không những không phai, mà đã được thể hiện sung mãn trong sự lôi cuốn các cựu học sinh trở về với kỷ niệm trường xưa qua Taberd.org.

Đây là một hiện tượng chúng ta có thể xác nhận một cách khách quan là không tương tự so sánh với các trường Việt khác, ngay cả trong mẫu số chung của tinh thần “Công Cha, Nghĩa Mẹ, Ôn Thầy” của văn hoá Việt Nam.

Nếu như trong những năm ngày xa xưa, chúng ta dù mài kinh sử ở Lasan Taberd mà không ý thức được tình thương yêu chan chứa và sự hy sinh suốt cuộc đời của các Frères, thì một phần là do nơi hồn nhiên của tuổi thơ. Gần 40 năm sau, hầu hết chúng ta đã có gia đình riêng tư, đã nuôi nấng và gây dựng cho các con chúng ta, ý thức chúng ta ngày nay đối với các Frères, tiêu biểu qua Frère Félicien, không chỉ là “ôn Thầy,” mà là một đặc ân hiếm quý của Dòng Lasan. Trong bài LHT năm 1965, chúng ta nhận ra được nỗi đau của Frère, trong tình thương và trách nhiệm dạy dỗ hàng ngàn học sinh, trước những biến cố gây ảnh hưởng đến tiến triển giáo dục ở trường; chúng ta đã từng lo lắng cho chuyện học và thi cử của con chúng ta, thì ta có thể mừng tượng được những giông tố gian truân cho Frère trong những tháng ngày đó.

Ngày hôm nay, đọc lại bài LHT của Frère Félicien năm 1965--viết sau những biến cố của niên học trước đó, với những điều giảng huấn tiên tri, chúng ta không tránh được cảm nhận tình thương yêu chan chứa của Frère đến hàng ngàn Tabériens thơ dại của Frère. Nếu như châm ngôn tiếng Việt có câu “thời thế tạo anh hùng” thì qua di chứng ở bài LHT, Frère Félicien là một đại anh hùng đã vận dụng tất cả tình thương Thiên Chúa ban phó đến hàng ngàn học sinh, với tất cả những thông thái trong Frère, không những để dìu dắt Lasan Taberd ngày đó, mà còn để lại cho dòng Lasan những giảng huấn vô giá muôn đời.

Trong tập sách, *The Butterfly as Companion*, của Kuang-ming Wu viết về thi văn Trang Tử và loài bướm, trong lời mở đầu ông ta có viết: “You can enjoy and

follow à butterfly fluttering back and forth between dream and reality without denying either. You will flutter with it between ancient China and the modern West. You will live vigorously and zestfully.”

Tác giả Wu đã viết về kiệt tác thơ của nhà hiền triết Trang Tử

...
*Trang Tử mộng thấy mình là bướm
Thế là pháp phối bay, bướm mà
Tự mình thích chí lắm! [1]*

...
để diễn giải về nét đẹp thi văn của Trang Tử từ những cảm hứng huyền diệu về cánh bướm.

Nếu như Trang Tử đã có những giấc mơ về loài bướm để lại thi văn bất hủ cho nhân loại, thì Frère Félicien năm 1965 đã thiết kế những biển thể tối cần cho sâu bướm Lasan Taberd trở thành hồn bướm Lasan Taberd để mãi mãi bay đi trong cuộc đời này và hậu thế.

[1] lời dịch qua nhà văn Phan Nhật Chiêu.

Lê Xuân Việt - San Jose, CA, USA (tháng 2 năm 2013)
[Theo Taberd.org]

Ngày 3 Tháng 3

Ngày 3/3/2026

Thứ Ba sau Chúa Nhật II Mùa Chay

Is 1,10.16-20

Mt 23,1-12

¹¹ “Trong anh em, người làm lớn hơn cả, phải làm người phục vụ anh em. ¹² Ai tôn mình lên, sẽ bị hạ xuống; còn ai hạ mình xuống, sẽ được tôn lên.” (Mt 23,11-12)

Bài Suy Gẫm số 63. Điểm 1: Những Lý Do Để Khinh Minh.

Một trong những điều giúp chúng ta tích đức hơn hết là sự coi khinh chính mình, vì ông Sirach nói: “*Đầu mối của tội lỗi là sự kiêu căng*” (Hc 10,13) và sự đánh giá cao về mình; không một người nào, dù thánh thiện đến đâu, dù được dư đầy ơn sủng đến cỡ nào, mà lại không cảm thấy chính mình và kể cả những gì có liên quan đến mình, đều bị coi khinh. Thật đáng khinh làm sao, kẻ mà hữu thể không thuộc về mình, nhưng thuộc về Thiên Chúa, Đấng đã ban tặng sự hiện hữu, và có thể lấy lại và biến nó thành hư vô một cách tùy thích! Người mà cuộc sống chỉ là tội, và không bao giờ tự cứu thoát được, có đáng để chúng ta xem trọng chút nào không?

Nhưng đó chính là thực trạng Anh [Chị] Em đang sống; nghe Anh [Chị] Em nói, dường như Anh [Chị] Em rất có thể giá. Đừng bắt chước người Biệt Phái: thay vì cầu nguyện cùng Thiên Chúa, ông chỉ nghĩ đến việc tâng bốc và cảm ơn chính mình thôi.

The Lord hates their prayers and offerings because of their sins. He wants true repentance and will wash their sins clean. The Lord is always seeking reconciliation with us. He wants us to turn away from our sins and receive His blessing. In the Gospel today, there are three salient points that we must reflect profoundly on in our life. One is when he said “The scribes and the Pharisees have taken their seat on the chair of Moses. Therefore, do and observe all things whatsoever they tell you, but do not follow their example. For they preach but they do not practice”. This kind of attitude is still common in today’s world. That is why we often hear this saying, ‘walk the talk’. With this, may we be reminded always that the word is alive when it is our actions that speak. The second one is illustrated thus, “They love places of honour at banquets, seats of honour in synagogues, greetings in market places, and the salutation Rabbi”. This is the danger of falling into the trap of popularity, power, fortune and other forms of achievements which are often referred to as a ‘maze haze attitude’. This simply means that people who are blinded or clouded by praises, in the end lose their sense of identity and become self-righteous. The third point relates to what Jesus tells his disciples, “As for you, do not be called Rabbi. You have but one teacher, and you are all brothers. Call no one on earth your father; you have but one Father in heaven.” Jesus wanted to warn both his own disciples and the religious leaders about the temptation to seek honours and titles that draw attention to themselves in place of God and his word. Pride tempts us to put ourselves first above others. The message of the Gospel today teaches us to serve the people with humility and sincerity rather than with pride and self-promotion. Let our words, humility, poverty, patience and

obedience be the living testimonies of Christ. We speak them when we show them to others.

Reflection: Br. ANTONY SEKAR FSC, India.



**141. Frère BONNARD-BUỜNG Hồ Đình Bá
(21/07/1918 – 03/03/1998)**

Anh Joseph Hồ Đình Bá sinh ngày 21/07/1918 tại Thừa Thiên. Con ông Pierre Thuận và bà Anne Cử, con cháu của thánh tử đạo Micae Hồ Đình Hy.

Vào Sơ Tập Viện Huế ngày 27/06/1934. Vào Tập Viện Đồi La San Nha Trang ngày 16/08/1936 và nhận Áo Dòng ngày 18/03/1937 (đoàn 49) với tên Dòng là Frère BONNARD-BUỜNG. Số Danh bộ là J18062. Khấn lần đầu ngày 19/03/1938 tại Nha Trang và nhập Học Viện Huế ngày 20/03/1938. Khấn trọn đời ngày 20/07/1943 tại Sài Gòn.

Frère BONNARD Hồ Đình Bá qua đời ngày 03/03/1998 tại Mỹ, hưởng thọ 80 tuổi với 61 năm trong Dòng. An táng tại Baltimore, Maryland.



Ký ức về Frère Bonnard

Frère Bonnard Hồ Đình Bá dạy Anh văn. Mỗi buổi học Frère mời một cô người Mỹ (Marian Thompson?) vào lớp để trò chuyện thời sự bằng tiếng Anh và sau đó bà dò hỏi một vài câu hỏi để hỏi ý kiến của học trò. Tôi nhớ một lần cô ấy nói xong một đề tài và hỏi trong lớp có ai có ý kiến hay hỏi gì không. Do dự đắn đo một vài giây mà không thấy ngón tay nào đưa lên, Frère chỉ vào anh bạn ngồi cùng bàn dãy thứ hai với tôi, anh chàng này sợ không biết trả lời thế nào nên nghiêng đầu qua một bên thế là ngón tay của Frère chĩa hướng trúng anh bạn ngồi bàn thứ ba phía sau. Anh bạn bàn thứ ba này lắc đầu ngần ngại không đứng lên trả lời làm Frère có vẻ không hài lòng lắm. May mắn thay một anh bạn khác khá tiếng Anh hơn đưa tay trả lời hộ. Sau giờ đầu, cô người Mỹ ra về, Frère mắng cả lớp bằng một giọng trầm trầm miền Trung *"Chúng bay, đũa nào cũng muốn đi du học hết thế mà chỉ có một câu tiếng Anh mà không trả lời nổi"*... Sau tháng 7 năm 1975 tôi có dịp gặp lại Frère Bonnard ở một nhà dòng Montréal và tôi có nhắc lại chuyện cũ này, Frère bảo *"nhờ mắng như vậy mà tụi bây mới được đi du học đó đây đấy nhé..."*. Vài

năm sau Frère Bonnard dọn về Maryland và mất tại đây,
khoảng năm 1998....

Montréal, Canada (tháng 7 năm 2010)

Nguyễn Hồng Phúc - (Taberd Lớp 12B2 - Khóa 72-73)

Ngày 4 Tháng 3

Ngày 4/3/2026

Thứ Tư sau Chúa Nhật II Mùa Chay

Gr 18,18-20

Mt 20,17-28

17 Lúc sắp lên Giê-ru-sa-lem, Đức Giê-su đưa Nhóm Mười Hai đi riêng với mình, và dọc đường Người nói với các ông: ¹⁸ “Này chúng ta lên Giê-ru-sa-lem, và Con Người sẽ bị nộp cho các thượng tế và kinh sư. Họ sẽ kết án xử tử Người, ¹⁹ sẽ nộp Người cho dân ngoại nhạo báng, đánh đòn và đóng đinh vào thập giá và, ngày thứ ba, Người sẽ trỗi dậy.” (Mt 20,17-19)

Bài Suy Gẫm số 24. Điểm 3: Chúa Giêsu Kitô Phó Thác Về Những Khổ Hình Phải Gánh Chịu.

Chúa Giêsu Kitô phó thác vào thánh ý Chúa Cha để chịu khổ hình và chịu chết, vào lúc và theo cách thức mà Cha Người muốn: điều này khiến tại vườn Cây Ôliu, khi sẵn sàng chịu thương khó và chờ đợi cái chết, Người đã tỏ cho Chúa Cha thấy rằng cho dù có cảm thấy ghê sợ trước cái chết gần kề, Người vẫn “*xin đừng cho ý con thể hiện, mà là ý Cha*” (Lc 22,42). Người tuân phục hoàn toàn ý của Chúa Cha, như đã luôn phó thác trong suốt cuộc đời của Người; như Người đã nói ở nhiều nơi trong Tin Mừng, Người đến thế gian “*không phải để làm theo ý tôi, nhưng để làm theo ý Đấng đã sai tôi*” (Ga 6,38).

Ôi! sự từ bỏ ý muốn phạm nhân của Chúa Giêsu thật đáng mến thay, hằng vâng theo ý Chúa Cha trong mọi sự; một ý chí mà, dù trước cái sống, hoặc cái chết, về thời

điểm, hoặc về những cực hình làm mất tính mạng, cũng không chuyển lay hướng nào khác, ngoài cái hướng mà Cha Hằng Hữu đã chọn cho Người. Anh [Chị] Em hãy là môn đệ của Chúa Giêsu trên lãnh vực này, để ý chí của Anh [Chị] Em chỉ còn là một với thánh ý Thiên Chúa.

Today's first reading expresses the sovereign power of God over his creatures, and his usual methods of dealing with them; it threatens destruction to the Jews for their idolatry and is closed with the prophet's complaint about his persecutors. In the Gospel, Jesus also is aware that the religious leaders are planning on condemning Him and that He will end up dying as a result of their actions. He is willing to go forward with this because He knows it is part of Abba's plan. When James and John agreed that they would drink from the same cup as Jesus, they also agreed that they would face suffering and opposition in order to continue Jesus' ministry. Jesus explains to his disciples that, to get a position of honour in God's kingdom, they won't be judged by the number of people serving them but instead by the number of people they served. Being a prophet of God is not easy because God's will often ends up in earthly suffering. However that suffering will give us the chance to sit at the side of God in his kingdom. We too must serve if we are to be fit for heaven.

Reflection: Br. ANTONY SEKAR FSC, India.

019. Frère DOMICE
(13/04/1873 – 04/03/1899)

Anh Guillaume-Marie Péron sinh ngày 13/04/1873 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Quimper với tên Dòng là Frère DOMICE.

- Đến Việt Nam năm 1898.

Frère DOMICE qua đời ngày 04/03/1899 tại Vũng Tàu khi chỉ mới 26 tuổi.

130. Frère DONATIEN-LÉON (05/01/1897 – 04/03/1963)

Anh Pierre Bellégo sinh ngày 05/01/1897 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Vimiera với tên Dòng là Frère DONATIEN-LÉON.

- Đến Việt Nam năm 1919. Rời Việt Nam năm 1927.

Frère DONATIEN-LÉON qua đời ngày 04/03/1963, hưởng thọ 66 tuổi. An táng tại Pháp.

Ngày 5 Tháng 3

Ngày 5/3/2026

Thứ Năm sau Chúa Nhật II Mùa Chay

Gr 17,5-10

Lc 16,19-31

²⁵ Ông Áp-ra-ham đáp: ‘Con ơi, hãy nhớ lại: suốt đời con, con đã nhận phần phước của con rồi; còn La-da-rô suốt một đời chịu toàn những bất hạnh. Bây giờ, La-da-rô được an ủi nơi đây, còn con thì phải chịu khổ.’ (Lc 16,25)

Bài Suy Gẫm số 20. Điểm 3: Phần Thưởng Cho Sự Phó Thác.

Sau khi chúng ta phó thác cho Thiên Chúa, Người thường cho cảm nhận những hiệu ứng lạ thường về lòng nhân hậu và sự chở che của Người, như Người đã đánh dấu trong bài Tin Mừng của ngày hôm nay, bằng cách “*với năm chiếc bánh và hai con cá mà người ta mang đến cho Người, Người đã hóa ra nhiều, để sau khi năm ngàn người đã ăn no, không kể các trẻ em, vẫn còn thừa rất nhiều*” (Ga 6,9-13).

Khi Anh [Chị] Em trao mình vào tay Thiên Chúa để cam chịu đủ điều tùy theo ý Người, và nếu Người vẫn để Anh [Chị] Em trong sự đau khổ, hãy chắc chắn rằng Người sẽ ban ơn nâng đỡ – mà có thể Anh [Chị] Em không hay biết – hầu giúp Anh [Chị] Em chịu đựng thử thách, hoặc Người sẽ cho Anh [Chị] Em thoát nổi truân chuyên, bằng những cách bất ngờ, vào lúc mà Anh [Chị] Em không chờ đợi. Đây chính là điều mà vua Đavít đã cảm nhận khi ông

nói: “Tôi đã hết lòng trông đợi Chúa, Người nghiêng mình xuống và nghe tiếng tôi kêu. Người kéo tôi ra khỏi hố diệt vong, khỏi vũng lầy như nhóp, đặt chân tôi đứng trên tảng đá, làm cho tôi bước đi vững vàng. Chúa cho miệng tôi hát bài ca mới, bài ca tụng Thiên Chúa chúng ta. Thấy thế, nhiều người sẽ kính sợ và tin tưởng vào Chúa” (Tv 40[39],2-4).

Those whose hearts turn away from the Lord are cursed and those whose hearts trust the Lord are blessed, it's as simple as that, says Jeremiah. There are just two kinds of people in the world, the cursed and the blessed and the difference is in whom they trust. In the passage from Luke, the apostles seem to be unsure of what faith is. They do think, however, that they need more of it. “Increase our faith!” But Jesus tells them that even a little faith, the size of a mustard seed, is enough faith to do incredible things. How do I see myself and other people? The Gospel is all about contrasts in our life – we witness riches and poverty, heaven and hell, compassion and indifference, belonging and distance, but these things depend on our fortune. We might be lucky today but tomorrow, is it still the same? The Gospel reminds us that we should keep our feet on the ground and never judge a person based on their status because those who embrace selfishly what they have or what they are, lose it in the end, while those who share openhandedly receive back much more than they gave away. I pray that the people who have faith in God, will generously share their blessings with the helpless ones.

Reflection: Br. ANTONY SEKAR FSC, India.

Ngày 6 Tháng 3

Ngày 6/3/2026

Thứ Sáu sau Chúa Nhật II Mùa Chay

St 37,3-4.12-13a.17b-28

Mt 21,33-43.45-46

⁴⁵ Nghe những dụ ngôn Người kể, các thượng tế và người Pha-ri-sêu hiểu là Người nói về họ. ⁴⁶ Họ tìm cách bắt Người, nhưng lại sợ dân chúng, vì dân chúng cho Người là một ngôn sứ. (Mt 21,45-46)

Bài Suy Gẫm số 23. Điểm 1: Người Do Thái Căm Ghét Chúa Giêsu.

Phần nọ vì Chúa Giêsu làm nhiều phép lạ khiến đám đông đến với Người, xem Người như là một Ngôn sứ, dân Do Thái liền bày mưu lập kế giết hại Người. “*Họ triệu tập Thượng Hội Đồng*” (Ga 11,47) để xem có cách bắt Người. “*Vì họ sợ dân*” (Lc 22,2) đang tôn trọng Người cách đặc biệt, nên họ phải tỏ ra dè dặt; nhưng vì thù ghét Người, họ phao tin rằng Người là một nhà cách tân, và vin vào cơ này, họ tìm cách trừ khử Người.

Anh [Chị] Em hãy chú ý đến sự thù ghét của người Do Thái đối với Chúa Giêsu và cách mà Người chống lại họ, nhất là nhóm Biệt Phái, sẽ khiến Người phải tử vong; hãy nghĩ xem lòng ghen tức của kẻ ác có thể dẫn đưa đến cực đoan nào, vì những âm mưu ấy nhằm hạ sát một người vô tội, một thánh nhân, một ngôn sứ, một nhân vật thấu mọi dấu chỉ bề ngoài về thân tính.

**“God has chosen you to make him known to others.”
(Med 146.2)**

The first reading covers Joseph’s dreams and the resultant jealousy of his brothers, the selling of Joseph into slavery, and the brothers’ deceit of their father regarding Joseph’s disappearance. But He stood for truth. The parable warns against the dangers of greed and pride. It depicts the tenant farmers, who were entrusted to care for the vineyard, as refusing to honor their commitments and ultimately killing the son of the owner. Jesus knew that he would be killed, yet he stayed true to his call. He continued to preach and teach. De La Salle continued to respond to God’s Will in spite of all the hardships he had to go through in all his endeavours in establishing schools for the poor. “one step led to another” was his firm experience. Standing fearlessly for right is the honorable and just thing to do. Today may we draw the strength from Joseph, Jesus and our Founder to be true to our call---whatever that might be!

PRAYER: Father, may doing your Will be my everyday response to you.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.



**160. Frère FERNAND-PAUL
(24/02/1919 – 06/03/1994)**

Anh Gabriel-Léon Jacob sinh ngày 24/02/1919 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Annappes với tên Dòng là Frère FERNAND-PAUL.

- Đến Việt Nam năm 1947. Hiệu Phó trường La San Taberd, Sài Gòn. Rời Việt Nam năm 1963.

Frère FERNAND-PAUL qua đời ngày 06/03/1994, hưởng thọ 75 tuổi. An táng tại Pháp.

Ngày 7 Tháng 3

Ngày 7/3/2026

Thứ Bảy sau Chúa Nhật II Mùa Chay

Mk 7,14-15.18-20

Lc 15,1-3.11-32

¹² “*Người con thứ nói với cha rằng: ‘Thưa cha, xin cho con phần tài sản con được hưởng.’ Và người cha đã chia của cải cho hai con. Ít ngày sau, người con thứ thu góp tất cả rồi trốn đi phương xa. Ở đó anh ta sống phóng đãng, phung phí tài sản của mình.*” (Lc 15,12-13)

Bài Suy Gẫm số 15. Điểm 3: Tu Sĩ Hay Phản Đối Các Bề Trên.

Loại tu sĩ thứ ba không thể nhắm mắt tuân lệnh; đó là những người xấu xa báng bỏ điều thánh thiêng nhất trong đạo, là thi hành thánh ý Thiên Chúa; họ đã quá tự đắc về sự thông minh của mình, đến nỗi họ muốn chứng minh cho các Bề trên thấy là các vị đã sai, khi đưa ra cho họ một lệnh như thế, và điều lệnh là đi ngược lại với lương tri. Đó là lối cư xử của anh tập sinh đáng bị thánh Phanxicô Assisi khai trừ khỏi hội dòng, vì anh đã muốn bảo vệ cảm nghĩ của mình chống lại thánh nhân.

Anh [Chị] Em hãy khiếp sợ cách hành xử này, vì nó phá hoại đức vâng phục; trong một cộng đoàn, hãy coi cách đó như là “*đặt trong nơi thánh Đờ Ghê Tôm Khốc Hại*” (Mt 24,15). Sự vâng phục, để được trọn hảo, phải biết nhắm mắt; và với tư thế này, nó không chấp nhận sự phản kháng hay lý luận, cũng như sự duyệt xét hoặc lời đối đáp nhỏ nài.

“Your Brother was dead, and is alive, he was lost and is found.” The most striking element of the parable of the prodigal son is the loving generosity of the Father who tirelessly waits in hope for his son and rejoice over the return of the lost son. No time is allowed to be wasted over regrettable explanations from the son, who squandered the wealth of the family. The father goes further trying to convince the elder son (the just) to accept the younger as ‘brother who was dead, and is alive; lost and is found.’ The God of the Old Testament as presented by Moses was a God with reciprocal conditions (Covenants): ‘I will be your God and you will be my people.’ (Exodus 6:7). The misfortunes suffered by Israelites both within and outside of their land was explained as punishment from God for the moral failures of the people and the religious leaders. But the God of the New Testament as presented by Jesus is a loving Father, who not only cares and provides for the people, but also full of mercy and compassion, ready to forgive in spite of the gravity of the sin committed. There is no end to the forgiveness from God. Any small sign of repentance, on the part of the sinner for his sins is enough for God to shower down His graces of forgiveness, compassion, and love. He is the God who stand and knock at the door (heart), to be opened, and invited to join at the table to dine (Rev. 3:20). For the consecrated religious every human person is a brother or sister, may be lost at times, but need to be accepted when found. Jesus never condemned the repentant, but encouraged not to sin again. Are we ready to forgive the failures of our brothers and sisters when they express signs of repentance? ‘To err is human, but to forgive is divine.’

Reflection: Br. JOSEPH FERNANDO FSC, India.



Đức Giáo Hoàng INNOCENT XIII
Michelangelo Conti
(13/05/1655 – 07/03/1724)

The negotiations for the approbation of the Institute by the Holy See were going slowly. The Brothers sought help from whomever they could to accelerate these negotiations. They wanted to be free from strong pressures and difficulties that they were experiencing in the founding and support of schools.

Brother Timothée, Superior General, sent Pope Innocent XIII a copy of De La Salle's Last Will and Testament wherein he shows his firm adherence to the Chair of Peter (6) at a time when the controversy over the Bull Unigenitus was going strong.

(6) **Rigault**, *op. cit.*, II, 76-77.

Ngày 8 Tháng 3

Ngày 8/3/2026

CHÚA NHẬT III MÙA CHAY

Năm A

Xh 17,3-7

Rm 5,1-2.5-8

Ga 4,5-42

⁵ *Trông cậy như thế, chúng ta sẽ không phải thất vọng, vì Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta. (Rm 5,5)*

²⁴ *“Thiên Chúa là thần khí, và những kẻ thờ phượng Người phải thờ phượng trong thần khí và sự thật.” (Ga 4,24)*

Bài Suy Gẫm số 44. Điểm 2: Chúa Thánh Thần Giải Sáng Các Chân Lý Tin Mừng.

Những chân lý mà Thánh Linh dạy cho kẻ đã tiếp nhận Người, là những phương châm rải rác trong sách Phúc Âm; Người làm cho họ nhận thức, ưa thích những phương châm đó, khiến họ phải dựa theo chúng để mà sống và hành động; vì chỉ có Thần Khí của Thiên Chúa mới ban sự thông hiểu và thúc đẩy thực thi các phương châm đó một cách hữu hiệu; bởi chúng vượt xa tầm trí khôn của con người. Thật thế, làm sao chúng ta có thể biết được “*phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó*” (Mt 5,3); “*hãy yêu kẻ thù*” (Mt 5,44; Lc 6,27); “*phải vui mừng ... khi người ta vu khống đủ điều xấu xa*” (Mt 5,11); “*phải lấy ơn báo oán*” (Lc 6,28), và rất nhiều chân lý khác, hoàn toàn đối nghịch với khuynh hướng tự nhiên của chúng ta, làm sao hiểu tất cả những điều đó, trừ phi chúng được chính Thánh Linh dạy cho chúng ta?

Anh [Chị] Em phải dạy những phương châm thánh thiện đó cho trẻ em mà Anh [Chị] Em có bổn phận giáo dục. Anh [Chị] Em phải nhập tâm những chân lý đó, để có thể ghi khắc sâu đậm chúng vào trái tim của con trẻ. Anh [Chị] Em hãy ngoan ngoãn nghe theo Chúa Thánh Thần, Đấng mà trong một thời gian ngắn, có thể mang lại cho Anh [Chị] Em một sự hiểu biết trọn vẹn về các chân lý đó.

144. Frère DOMINIQUE-ANDRÉ (10/12/1912 – 08/03/1976)

Anh François Le Glanec sinh ngày 10/12/1912 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Lembecq với tên Dòng là Frère DOMINIQUE-ANDRÉ.

- Đến Việt Nam năm 1930. Rời Việt Nam năm 1946.

Frère DOMINIQUE-ANDRÉ qua đời ngày 08/03/1976, hưởng thọ 64 tuổi. An táng tại Pháp.

Ngày 9 Tháng 3

Ngày 9/3/2026

Thứ Hai sau Chúa Nhật III Mùa Chay

2V 5,1-15a

Lc 4,24-30

²⁹ Họ đứng dậy, lôi Người ra khỏi thành -thành này được xây trên núi. Họ kéo Người lên tận đỉnh núi, để xô Người xuống vực. ³⁰ Nhưng Người băng qua giữa họ mà đi. (Lc 4,29-30)

Bài Suy Gẫm số 23. Điểm 1: Người Do Thái Căm Ghét Chúa Giêsu.

Phần nọ vì Chúa Giêsu làm nhiều phép lạ khiến đám đông đến với Người, xem Người như là một Ngôn sứ, dân Do Thái liền bày mưu lập kế giết hại Người. “*Họ triệu tập Thượng Hội Đồng*” (Ga 11,47) để xem có cách bắt Người. “*Vì họ sợ dân chúng*” (Lc 22,2) đang tôn trọng Người cách đặc biệt, nên họ phải tỏ ra dè dặt; nhưng vì thù ghét Người, họ phao tin rằng Người là một nhà cách tân, và vin vào cơ này, họ tìm cách trừ khử Người.

Anh [Chị] Em hãy chú ý đến sự thù ghét của người Do Thái đối với Chúa Giêsu và cách mà Người chống lại họ, nhất là nhóm Biệt Phái, sẽ khiến Người phải tử vong; hãy nghĩ xem lòng ghen tức của kẻ ác có thể dẫn đưa đến cực đoan nào, vì những âm mưu ấy nhằm hạ sát một người vô tội, một thánh nhân, một ngôn sứ, một nhân vật tiêu biểu của mọi dấu chỉ bề ngoài về thần tính.

“Remembering that God is with you will help and inspire you in all that you do.” (Letter 2 - to a Brother)

The power of God is not for sale. It is a gift, a grace. Anyone can receive it from God when they have faith in Him. Elisha reaffirms it when Naaman offers gifts of silver to him after his cure. The humble and unlikely channels of God's power are hinted at from the beginning of the story. Naaman learns how he might be healed from a humble source, a young Israelite girl, a powerless slave. The true test of Naaman's openness to the humble and humbling ways of the LORD is the scene in front of Elisha's house. The prophet dishonors the great man at his door. Throughout the Gospel accounts, Jesus praised individuals who put their faith in God as they remembered the great and wonderful deeds he had performed, time and time again. De La Salle's invitation to look at everything with the eyes of faith and radiate that faith in Zeal for the Ministry leads us to receive the power of God in our lives as gift and grace. How can we confront the indifference and unbelief in our lives and replace with faith and zeal?

PRAYER: God, help me to recognize your power in the gifts and graces I receive everyday.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

Ngày 10 Tháng 3

Ngày 10/3/2026

Thứ Ba sau Chúa Nhật III Mùa Chay

Đn 3,25.34-43

Mt 18,21-35

³⁵ “*Ấy vậy, Cha của Thầy ở trên trời cũng sẽ đối xử với anh em như thế, nếu mỗi người trong anh em không hết lòng tha thứ cho anh em mình.*” (Mt 18,35)

Bài Suy Gẫm số 74. Điểm 1: Sự Chịu Đựng Lẫn Nhau Là Cần Thiết.

Một ông chủ đã tha món nợ mười ngàn yến vàng cho một trong những đầy tớ của ông, vì anh đã xin khất một thời gian; ông hết sức ngạc nhiên khi người ta tới báo với ông rằng, anh ta đã tống ngục một trong những người bạn, đã nợ anh một trăm quan tiền, mặc dù anh này cũng đã van xin được hoãn nợ một thời gian. Ông chủ cho đòi tên đầy tớ và nói: “*Tên đầy tớ độc ác kia, ... người không phải thương xót đồng bạn, như chính ta đã thương xót người sao?*” (Mt 18,24-33).

Thiên Chúa đã tha cho Anh [Chị] Em một khoản nợ lớn, và Người cũng mong đợi Anh [Chị] Em cũng tha cho những Anh [Chị] Em trong cộng đoàn, đang mắc nợ Anh [Chị] Em. Không thể có nhiều người sống chung với nhau mà lại không cảm thấy khổ sở vì tha nhân. Người này thì khó tính, người khác thì ngược lại; một người có những điều bộ khả ố, người khác thì có đầu óc thô lậu; có người thì quá kín đáo và hay che giấu, người khác lại thích nói huých toẹt điều họ nghĩ; người kia thì xuề xoàng, người

khác thì có óc chỉ trích. Hiếm khi thấy những tính khí, những đầu óc khác biệt nhau như vậy, mà lại không gây khó khăn cho nhau giữa các anh em; và nếu không có ơn Chúa trợ giúp thì hầu như vô phương để những người ấy chịu đựng lẫn nhau, và để đức bác ái không bị tổn thương trầm trọng.

Nhưng phương thế để duy trì sự hiệp nhất trong cộng đoàn, bất chấp tính tình đa dạng như thế, là chịu đựng trong tình bác ái những khuyết điểm của nhau, là sẵn sàng tha thứ cho người khác như chúng ta muốn họ cũng tha thứ cho chúng ta; đó là điều mà chúng ta đương nhiên cam kết, khi chúng ta chọn vào sống trong Dòng. Hãy suy nghĩ chín chắn về điều này, ngay hôm nay, và trong suốt cuộc đời Anh [Chị] Em.

“God’s compassion for you is greater than the troubles you have.” (Med 38.1)

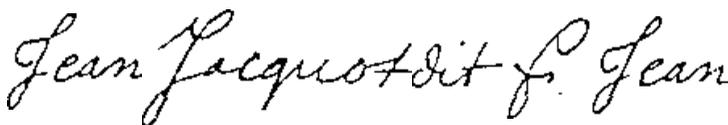
The reading from Daniel, reminds us to follow God with a contrite heart and humble spirit, and God will receive us. From the parable in the Gospel about the unforgiving servant, punished for his hardness of heart toward his fellow servant, we understand that those who are unwilling to forgive, exclude themselves from divine forgiveness. Wholeheartedly, God is ever ready to forgive. Acceptance, forgetfulness and understanding are the doses we need to take to experience a healthy forgiveness. Pope Francis tells us to “Forgive as He has forgiven us”. We need the mercy of God and the healing of the Holy Spirit to root out the sin in our lives. We cannot do it on our own. We must open ourselves to a relationship with God. De La Salle recommends to us that if we dwell in His presence, we embrace His ways. His way is the forgiving way!” In his view, the spirit of

faith allows one to search for God's will in order to carry out his saving plan. We must always remember to live in the image of God by doing good deeds to other people whatever the result may be. With God's grace we must also stay faithful.

PRAYER: GOD OF COMPASSION, help me to forgive myself and others.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

**Frère JEAN JACQUOT, Phụ Quyền đầu tiên
(18/10/1672 – 10/03/1759)**

A handwritten signature in cursive script that reads "Jean Jacquot dit P. Jean". The ink is dark and the handwriting is fluid and elegant.

Brother Jean Jacquot is a good example of the kind of person who joined De La Salle at the very beginning of the Institute.

His life

Jean Jacquot was born on October 18th 1672 at Château Porcien in Champagne. He went to the school opened in this small town by the teachers sent there by De La Salle in 1652 (see Bédel, 1996, 35). In October 1686, at the age of 14, he was one of the first, it not the first, to join the group of “little brothers” formed in Rheims in rue Neuve (see Bédel, 1996, 69). He received the habit of the Brothers in 1688.

In 1690, we find him teaching in a school near the Pont Royal in Paris. His next posting was the school in rue Princesse where his work was much more important (cf. CL 40-1, 187, note 2). At the age of 26, on account of his teaching qualities, he was called to the Grand’Maison to assist the

Director of novices. Brother Jean Henry, and train the young Brothers to teach (cf. *Lett*, 41). Subsequently, he spent the greater part of his life in school communities of which normally he was the Director.

On June 6th 1694, he was one of the 12 Brothers who joined De La Salle in consecrating themselves entirely to God in order to ensure, as a Society, the continued existence of the gratuitous schools. The following day, with the same Brothers, he signed the document attesting to the election of De La Salle as Superior of the new Society (see *Bédél*, 1996, 95).

In the midst of all the difficulties that De La Salle had to endure in Paris at the beginning of the 18th century, Brother Jean remained totally faithful to his Superior. There was, for example, the 1702—1703 period, when attempts were made to appoint some other Superior at the head of the Institute (see *Bédél*, 1996, 117f); or the period from 1704 to 1706, when De La Salle was attacked by the teachers of the Little Schools and by the writing masters. During this last period, Brother Jean Jacquot, as master in charge of the schools in the parish of St Sulpice, was himself targeted by these attacks (see *Bédél*, 1996, 131f). Well placed to assess the problems due to the absence of De La Salle during the years 1712—1714, Brother Jean Jacquot would certainly have been one of the Brothers who signed the letter sent to him by the “principal Brothers of Paris, Versailles and St Denis” (see *Bédél*, 171f).

[Lasallian Studies 6, p. 21]

096. Frère INFROY-JULIEN (03/12/1860 – 10/03/1940)

Anh Amana-Xavier Féral sinh ngày 03/12/1860 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Rodez với tên Dòng là Frère INFROY-JULIEN.

- Đến Việt Nam ngày 27/08/1879. Dạy tại Collège Adran, Sài Gòn từ 1879-1881. Rời Việt Nam năm 1881.

Frère INFROY-JULIEN qua đời ngày 10/03/1940, hưởng thọ 80 tuổi. An táng tại Pháp.



**125. Frère JULIEN-KÝ Đoàn Tất Đạt
(16/02/1919 – 10/03/1991)**

Anh Paul Đoàn Tất Đạt sinh ngày 16/02/1919 tại Phát Diệm, Ninh Bình. Con ông Pierre Toán và bà Marie Hòe.

Vào Sơ Tập Viện Huế ngày 17/11/1931. Vào Tập Viện Đồi La San Nha Trang ngày 16/08/1936 và nhận Áo Dòng ngày 18/03/1937 (đoàn 49) với tên Dòng là Frère JULIEN-KÝ. Số Danh bộ là J19134. Khấn lần đầu ngày 19/03/1938 tại Nha Trang và nhập Học Viện Huế ngày 20/03/1938. Khấn trọn đời ngày 10/08/1944 tại Nha Trang.

Frère JULIEN Đoàn Tất Đạt qua đời ngày 10/03/1991 tại La San Taberd, hưởng thọ 72 tuổi với 54 năm trong Dòng. An táng tại nghĩa trang La San Mai Thôn.



Ngày 11 Tháng 3

Ngày 11/3/2026

Thứ Tư sau Chúa Nhật III Mùa Chay

Đnl 4,1.5-9

Mt 5,17-19

19 “VẬY ai bấi bỏ dù chỉ là một trong những điều răn nhỏ nhất ấy, và dạy người ta làm như thế, thì sẽ bị gọi là kẻ nhỏ nhất trong Nước Trời. Còn ai tuân hành và dạy làm như thế, thì sẽ được gọi là lớn trong Nước Trời.” (Mt 5,19)

Bài Suy Gẫm số 61. Điểm 3: Chúng Ta Sẽ Trả Lẽ Về Việc Huấn Luyện Kitô Giáo Cho Học Sinh.

Việc thứ hai Anh [Chị] Em phải tính sổ liên quan đến lòng mộ đạo: Anh [Chị] Em có thật quan tâm lo dạy cho các học sinh đức tính đó không? Liệu chúng có nghiêm trang và tập trung ở nhà thờ không? Chúng có cầu nguyện Thiên Chúa suốt thời gian có mặt ở đó không? Chúng có nói chuyện và đôi khi đùa giỡn trong đó không? Mỗi ngày, chúng có đọc kinh sáng và kinh chiều, và nếu đọc ở trường, chúng có đọc một cách chăm chỉ không? Chúng có ghét bỏ chửi thề, cùng những lời nói thô tục không? Chúng có thảo kính cha mẹ và luôn vâng lời họ không? Chúng có tránh xa những đứa bạn xấu không? Anh [Chị] Em có thu xếp để chúng thỉnh thoảng đi xưng tội với một linh mục nhân đức không? Anh [Chị] Em có dạy cho học sinh, có chăm chú theo dõi cử chỉ thái độ của chúng ở mức độ cần thiết, để chúng thực hành những điều trên đây không?

Thiên Chúa sẽ đòi Anh [Chị] Em trả lễ về tất cả những điều ấy, vì Anh [Chị] Em chịu trách nhiệm về lợi ích phần hồn của các học sinh. Anh [Chị] Em đã sẵn sàng báo cáo chưa? Về phương diện này, có điều gì mà lương tâm Anh [Chị] Em bị áp chế không? Bởi ở đây, Anh [Chị] Em được đặt thế chỗ của các vị mục tử của Giáo Hội, và của các vị phụ huynh.

“Preach by example, and practice before the eyes of the young what you wish them to accept.” (Med 99.2)

Moses reminds the Israelites of the great treasure they have in their laws and customs, a treasure full of “wisdom and understanding”. These laws are life-giving and will bring the people closer to their God. Deuteronomy, however, calls attention to the loving intimacy between God and the people among whom he lives. God’s enduring presence was symbolized by the tabernacle and the Ark of the Covenant in the centre of the Israelites’ camp, and by the pillar of cloud by day and the pillar of fire by night, which indicated God’s accompanying presence with his people at all times. Jesus teaches by word and action, by saying and doing. His example of life is our guide and our encouragement. There is a link between what we say and what we do, and when this link is strong, we are strong in the kingdom of God. We are ‘to walk it as we talk it’. Sincerity and integrity of life is what we are called to. De La Salle encourages us to “Preach by example, and practice before the eyes of the young what you wish them to accept.” (Med 99.2)

PRAYER: Lord, give me strength to walk the talk.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.



011. Frère ADELPHINIEN
(31/05/1834 – 11/03/1887)

Anh Adelphe Cabaille sinh ngày 31/05/1834 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Paris với tên Dòng là Frère ADELPHINIEN.

- Đến Việt Nam ngày 06/01/1866 trong nhóm các Frères đầu tiên. Dạy tại Collège Adran, Sài Gòn năm 1866.
- Hiệu Trưởng tiên khởi trường ở Chợ Lớn từ 26/04/1866-03/1867.
- Hiệu Trưởng tiên khởi trường ở Mỹ Tho từ 03/1867-09/1867. Rời Việt Nam ngày 29/09/1867.

Frère ADELPHINIEN qua đời ngày 11/03/1887 tại Pháp, hưởng dương 53 tuổi.

117. Frère CÉLÉRIN-ROBERT
(21/06/1874 – 11/03/1955)

Anh Jean-Marie Jouan sinh ngày 21/06/1874 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Nantes với tên Dòng là Frère CÉLÉRIN-ROBERT.

- Đến Việt Nam năm 1902. Rời Việt Nam năm 1921.

Frère CÉLÉRIN-ROBERT qua đời ngày 11/03/1955, hưởng thọ 81 tuổi. An táng tại Pháp.



**189. Frère ALEXANDRE-MINH Lê Văn Ánh
(12/05/1930 – 11/03/2014)**

Anh Pierre Lê Văn Ánh sinh ngày 12/05/1930 tại Ngọc Hội, Khánh Hòa. Con ông Lê Văn Lực và bà Marie Nguyễn Thị Chính.

Vào Sơ Tập Viện Nha Trang ngày 11/07/1943. Vào Tập Viện Đồi La San Nha Trang ngày 02/08/1948 và nhận Áo Dòng ngày 06/10/1948 (đoàn 61) với tên Dòng là Frère ALEXANDRE-MINH. Số Danh bộ là J30159. Khấn lần đầu ngày 02/09/1950 tại Nha Trang và nhập Học Viện Sài Gòn ngày 03/09/1950. Khấn trọn đời ngày 11/07/1955.

- Hiệu Trưởng tiên khởi trường La San Kỹ Thuật, Đà Lạt (1960).

Frère ALEXANDRE Lê Văn Ánh qua đời lúc 18:00 (giờ VN) ngày 11/03/2014 tại Pháp, hưởng thọ 84 tuổi với 66 năm trong Dòng. Thánh lễ an táng cho Frère Alexandre được tổ chức lúc 10 giờ sáng ngày 15/03/2014 tại nhà nguyện cộng đoàn Saint Denis. An táng tại nghĩa trang Athis-Mons, Caveau N° 29.



Caveau N° 29

CHARLES	FLEITH	1929	2013
EDOUARD	NGUYEN	1924	2013
DINH	MAI VAN DUC	1924	2013
ALEXANDRE	LE VAN ANH	1930	2014
PIERRE	QUEDRAGO	1942	2014
LOUIS	GIBERT	1928	2015

Ngày 12 Tháng 3

Ngày 12/3/2026

Thứ Năm sau Chúa Nhật III Mùa Chay

Gr 7,23-28

Lc 11,14-23

14 Bấy giờ Đức Giê-su trừ một tên quỷ, và nó là quỷ câm. Khi quỷ xuất rồi, thì người câm nói được. Đám đông lấy làm ngạc nhiên. (Lc 11,14)

Bài Suy Gẫm số 19. Điểm 1: Sự Che Giấu Tội Là Nghiêm Trọng.

Bài Tin Mừng hôm nay kể về chuyện “*Chúa Giêsu Kitô trừ một tên quỷ và nó là quỷ câm*” (Lc 11,14a), nghĩa là người bị quỷ nhập không nói được. Người này là hình ảnh của những kẻ câm miệng trước vị linh mục giải tội, không bộc lộ hết tâm trạng của họ. Đây là một điều hết sức có hại cho linh hồn. Như một người bệnh không muốn tiết lộ căn bệnh thì không thể được chữa lành, cũng thế, kẻ không vạch cho thầy thuốc thiêng liêng thấy vết thương linh hồn mình, thì sẽ không được tha thứ. Kẻ ấy bước ra khỏi tòa hòa giải nặng tội hơn lúc đi vào, vì đã không đủ can đảm để thú nhận tội lỗi của mình. Tội lỗi mà đã bị che giấu đó, sẽ kéo theo những tội khác nặng hơn, và cái xấu sẽ vô phương cứu chữa, do kẻ ấy không cho biết ngay lúc ban đầu, khi mà việc chữa trị còn dễ dàng. Trước mặt Thiên Chúa, tình trạng của linh hồn này thật đáng buồn thay!

Bằng những lời dạy dỗ, khuyên lơn, cùng những kinh nguyện, Anh [Chị] Em hãy cố gắng giữ cho các học sinh

mà Anh [Chị] Em phụ trách, không bị tai họa ấy. Chính Anh [Chị] Em cũng hãy lo để bản thân khỏi mắc họa như thế.

“I adore the holy will of God in all my regards” (De La Salle`s last words)

How would you answer if someone asked you if all is going well with you? What Jeremiah is reminding us in this verse is that God`s ways are not designed to limit our desires or pleasure. Rather, they are designed to provide guidelines for optimizing all of those things. God`s ways actually protect us from the severe and life-long pain that can manifest when we deviate from them. When we don`t walk in His ways, we trade off permanent pleasures for temporary ones. These people had the luxury of witnessing Jesus` miracles firsthand, yet still struggled with believing He was the Messiah. According to their logic, they simply wanted more proof, but inevitably their skepticism revealed the hardness of their hearts which resisted the testimony right before their eyes. When we call evil good and good evil, we endanger our very souls. Today we tend to glorify all that is seamy and degrading in life. Many people are like the crowd in this passage. Why? Perhaps the reason is that we are so obsessed with our own selves. Perhaps we think and regard ourselves as smarter than Jesus. Perhaps that`s why we don`t believe. Perhaps we believe but don`t follow Jesus` teachings. Through his last words “I adore the holy will of God in all my regards” De La Salle teaches us to see God`s Will in all our endeavours.

PRAYER: God our Father, help me to seek your will in everything I do.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

Ngày 13 Tháng 3

Ngày 13/3/2026

Thứ Sáu sau Chúa Nhật III Mùa Chay

Hs 14,2-10

Mc 12,28b-34

²⁹ Đức Giê-su trả lời: “Điều răn đứng hàng đầu là: Nghe đây, hỡi Ít-ra-en, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất. ³⁰ Ngươi phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức lực ngươi.” (Mc 12,29-30)

Bài Suy Gẫm số 70. Điểm 3: Chúng Ta Phải Yêu Mến Thiên Chúa Hết Trí Khôn.

Thiên Chúa chỉ cho chúng ta có mặt trên đời, là để cho Người, theo như nhà Hiền Triết đã nói: “*Đức Chúa đã làm nên tất cả*” (Hc 43,33) cho chính Người; Người cũng luôn luôn nghĩ đến ta và ban cho chúng ta trí khôn là chỉ để tưởng nhớ đến Người. Chúa Giêsu Kitô đã nói rất đúng trong Tin Mừng hôm nay rằng “*chúng ta phải yêu mến Thiên Chúa hết trí khôn*” (Mc 12,30). Chúng ta sẽ giữ đúng giới răn này, nếu chúng ta luôn đặt Người trong tâm trí chúng ta, nếu chúng ta quy về Người mọi suy nghĩ về tạo vật, nếu chúng ta không còn vương vấn điều chi liên quan đến tạo vật, ngoại trừ việc chúng khiến chúng ta yêu mến Người, hay việc chúng gìn giữ chúng ta trong tình yêu thánh thiện của Người; vì không gì cho thấy rõ việc chúng ta yêu một ai đó, cho bằng sự kiện chúng ta không thể cưỡng lại tấm lòng tương tự người đó.

Anh [Chị] Em thật có phúc nếu mọi tư duy của Anh [Chị] Em đều dành riêng và chỉ hướng về Thiên Chúa! Khi đó Anh [Chị] Em như thể đã tìm thấy Thiên Đàng ở giữa trần gian, vì lẽ Anh [Chị] Em cũng bận rộn cùng công việc của các Thánh, và hạnh phúc mà họ hưởng cũng là hạnh phúc của Anh [Chị] Em. Thật ra, có sự khác biệt này: các Thánh thấy Thiên Chúa nhãn tiền và trong chính bản thể của Người, trong khi chúng ta chỉ hưởng thụ trong đức tin; nhưng cách nhìn đức tin này cũng mang lại biết bao vui thú cho linh hồn yêu mến Đức Chúa của nó, đến nỗi, ngay từ kiếp này, nó ném được tiền vị của những hoan lạc thiên quốc. Đây có phải là mối phúc mà linh hồn Anh [Chị] Em đang hưởng không? Nếu linh hồn chưa được diễm phúc đó, thì hãy ra sức xin Thiên Chúa ban tặng nó cho Anh [Chị] Em, bằng cách niệm kinh và bằng những lời nguyện tắt [*oraisons jaculatoires*] đọc thường xuyên: đây là điều tốt lành lớn nhất mà Anh [Chị] Em có thể hưởng ở đời này vậy.

“Teach minds, touch hearts and transform lives.”
(Lasallian Charism.)

Hosea brought home his experience of God. He didn't leave behind his prophetic vocation when it was time to punch his timecard. “Love your neighbour as yourself” – just how do I love myself? I am not just aware of present pleasure or pain. I think ahead, protect my routines and give energy to ensuring my comfort. Lord, if you are asking me to do all that for my neighbour, I will need to try much harder than I am doing. Part of prayer is bringing our whole self in love to the one who is creating us moment by moment, day by day, in love. Loving God and loving our neighbor with our whole heart is more than just having positive emotions about them. Loving

God with your heart means bringing everything to God. It is the home of caring, but also of character, commitment, and creativity. Modern Christian believers, too, can see that our calling is also meant to permeate our families, our work, our school, and our social lives. Our Lasallian Charism explains this beautifully through action, "Teach minds, touch hearts and transform lives." The universal understanding of this Charism should be understood clearly in its application where a typical Lasallian applies this not only to students but to everyone encountered.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

Ngày 14 Tháng 3

Ngày 14/3/2026

Thứ Bảy sau Chúa Nhật III Mùa Chay

Hs 6,1-6

Lc 18,9-14

¹⁴ *“Tôi nói cho các ông biết: người này, khi trở xuống mà về nhà, thì đã được nên công chính rồi; còn người kia thì không. Vì phàm ai tôn mình lên sẽ bị hạ xuống; còn ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên.”* (Lc 18,14)

Bài Suy Gẫm số 38. Điểm 3: Phải Cầu Nguyện Với Lòng Khiêm Cung.

Lý do thứ hai khiến Thiên Chúa thuận ý ban mọi sự cho những ai cầu nguyện, đó là lòng khiêm nhường của họ, khi xin Người ban những điều họ cần. Nhà hiền triết nói rất đúng: *“Thiên Chúa chế giễu đũa hay nhạo báng, nhưng thì ân cho kẻ khiêm nhường”* (Cn 3,34), nghĩa là Người không thương ban bất cứ sự gì cho hạng người trước, nhưng không từ chối điều gì với những người sau. Đó là điều mà Chúa Giêsu Kitô đã tỏ rõ qua dụ ngôn người Biệt Phái và người Thu Thuế; họ cùng lên đền thờ cầu nguyện, tuy nhiên Chúa Giêsu nói *“Người này, khi trở xuống mà về nhà, thì đã được nên công chính rồi; còn người kia, thì không”*; lý do mà Thiên Chúa đưa ra ngay sau đó là *“Vì phàm ai tôn mình lên sẽ bị hạ xuống; còn ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên”* (Lc 18,14). Chẳng khác nào Người nói rằng: lời cầu xin của người Biệt Phái đã không được chấp thuận vì nó đi kèm với tâm tình kiêu căng; trong khi người thu thuế, bắt chấp những tội lỗi quá

lớn, vẫn được hoàn toàn tha thứ, vì anh ấy đã ra trình diện trước mặt Thiên Chúa với lòng thống hối và khiêm nhượng, nên anh được công chính khi trở về nhà.

Vậy khi cầu xin Thiên Chúa, Anh [Chị] Em phải hết sức khiêm tốn, để Thiên Chúa không thể nào từ chối ban cho điều Anh [Chị] Em cầu xin Người.

“The more you devote yourself in prayer the more you will do well in your work.” (Med 95.1)

What a powerful picture of God’s grace in disciplining us, and God’s love in refining us. Hosea says, “Let us return to the Lord for He has torn us.” Why? Why has God disciplined us in this way? So that He may heal us? God has struck us down and He will bind us up. God tears down in order to heal. The Gospel parable invites us to experience the freedom that comes with casting away our flimsy armour and throwing ourselves into the arms of God, who is already there, who has already found us, who wants more than anything to lift us up and lead us home. Once again, developing a right relationship with God and others is less a matter of who we are or what we do, than the spirit in which we do it. There is no room for self-righteousness in a Gospel way of life. We all need to admit our failings with humility, turn to God for forgiveness, and change our ways. “Do your part to build up the kingdom of God in the hearts of young people” says Our Founder.

PRAYER: Lord, make me humble in your presence.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

**022. Frère HENRI-ÉDOUARD Nguyễn Văn Tròn
(25/03/1855 – 14/03/1938)**

Anh Jean-Baptiste Nguyễn Văn Tròn vốn là dân phía Nam, sinh ngày 25/03/1855 tại Sa Đéc. Con ông Paul Nguyễn Văn Viên và bà Marie Ơn.

Vào dự tu năm 18 tuổi tại Sài Gòn, sau đó, Thỉnh sinh Tròn được gửi sang Pháp để tiếp tục tu tập và nhận Áo Dòng tại Tập Viện Marseille với tên Dòng là Frère HENRI-ÉDOUARD, và hoàn tất Tập Viện năm 1874.

- Dạy tại trường ở Vĩnh Long (1879-1880)

Frère HENRI Nguyễn Văn Tròn thi hành sứ mạng của mình tại nhiều tỉnh thành, nhiều quốc gia và cuối cùng an nghỉ tại Đồi La San Nha Trang ngày 14/03/1938, hưởng thọ 83 tuổi với 64 năm trong Dòng.

Chân dung Sư huynh La San Việt Nam đầu tiên **(phần 1)**

Không lâu sau khi các Sư huynh La San đặt chân đến Việt Nam vào năm 1866, có một người trẻ Việt Nam đã trở thành tu sĩ đầu tiên của Dòng La San. Sư huynh đó vào Dòng lấy tên là Henri-Édouard, tên khai sinh là Gioan Baotixita Nguyễn Văn Tròn. Sư huynh Gustave Diệp Tuấn Đức đã có công nghiên cứu các tài liệu để viết lại chân dung của Sư huynh người Việt Nam đầu tiên này. Kính mời quý vị cùng đọc tài liệu nhiều trang này.

Sư huynh Henri-Édouard - Niên Trưởng Các Sư huynh La San Việt Nam

Tạ thế tại Nha Trang ngày 14/03/1938

Với việc ra đi về nhà Chúa của Sư huynh Henri-Édouard tức Sư huynh Jean-Baptiste Nguyễn Văn Tròn, người

hùng cuối cùng của đoàn thầy Dòng La San – cổ trắng, áo chùng đen –, đội ngũ Sư huynh Việt Nam của những năm 1867-1883, tiên phong tham gia công tác phổ biến nền giáo dục cận hiện đại và hiện đại mà nay thế giới còn đang áp dụng. Thời này đích thực là thời khai phá của những người làm công tác giáo dục theo phong cách mới, không theo lối “*duy từ chương*” bị ảnh hưởng nặng của “*lân Bang phía bắc*”!

Được may mắn sớm tiếp xúc với nền văn minh phương tây, chàng thanh niên trẻ nhiều khả năng này có thể chọn cho mình một cuộc sống êm đềm và sung túc với nhiều thú vui Nhưng không! Chàng hình như nghe thấy tiếng gọi của Đấng Tối Cao. Chàng muốn có một cuộc sống tốt lành hơn, một hạnh phúc chắc chắn và bền vững hơn. Cuộc sống tu trì phải chăng là một cuộc sống mà vì nó, người ta chấp nhận hy sinh mọi thứ ... và cả hạnh phúc thoải mái của *riêng tư mình*? *Cuộc sống của một Sư huynh La San phải chăng cao quý và thẳng thắn. Sư huynh bước đi khắp nơi trong khiêm tốn, nhưng đầu vẫn ngẩng cao. Sư huynh phải là hiện thân của những điều mà con người quý trọng: sự công bằng và lòng tận tụy vô vụ lợi. Những gì quý trọng, Sư huynh xin quảng đại trao tặng. Hoạt động xã hội của Sư huynh nhằm tạo hữu ích cho tha nhân, các trẻ em, những ai bị thiệt thòi, bị lãng quên, nghèo túng. Những trẻ cần yêu thương, bảo vệ, cần mở trí, cần được dìu dắt để đến với hạnh phúc đích thật. Những trẻ cần lớn lên trong tri thức và trong nhân bản, những trẻ cần được trang bị tốt để hiện ngang bước vào đời.*

Chúng tôi nghĩ rằng các bạn cho phép chúng tôi trình bày một đôi điều về thân phận của Sư huynh tiên khởi của Tỉnh Dòng La San Việt Nam.

Quê hương của Sư huynh là Sa Đéc[1], một địa phương có tiếng là một trong những quần cư[2] lâu đời, xinh đẹp, hiền hòa, lắm sản vật và lắm nhân tài của vùng đất phì nhiêu tọa lạc giữa các nhánh sông Cửu Long. Sa Đéc, nơi người Việt chúng ta đến định cư và khai phá từ rất sớm, cũng là vùng ven sông nước, nơi giao thương đường thủy rộn rịp, nơi dễ dàng đón nhận, văn minh hơn các vùng nằm khuất sâu trong nội địa (như vùng Đồng Tháp, bên kia bờ sông Tiền), chưa được khai phá, giao thông cầu đường còn rất nhiều khó khăn, rừng bụi rậm rạp và còn nhiều thú dữ.

Chính tại nơi đây, vị Sư huynh của chúng ta đã chào đời vào ngày 25/03/1855. Thân sinh[3] của Sư huynh đặt tên con mình là Tròn, viên tròn và hoàn hảo. Trong đời sống lâu dài về sau, Sư huynh đã cố gắng sống đúng với tôn chỉ mà cha mẹ mình đã kỳ vọng, một cuộc sống tu trì tròn trịa như trăng rằm! Có sự trùng hợp tiền định chăng? Ngày 25/03 đúng là ngày lễ Truyền Tin, lễ nhắc lại sự kiện thiên thần đến báo với Trinh Nữ Maria rằng Thiên Chúa đã tuyển chọn Mẹ làm mẹ Đấng Cứu Thế. Mẹ bối rối vì khiêm nhường nhưng Mẹ xin vâng theo Thánh Ý Thiên Chúa. Thật ra ngày 25/03 chỉ là ngày ước định mà Đức Giêsu “xuống thai” trong lòng Mẹ Maria, nhưng cậu Tròn được chào đời vào ngày này và sau này, cũng trọn đời xin vâng theo theo lời mời gọi của Thiên Chúa thì quả là một trùng hợp hay hay. Biết đâu, đây cũng là một lý do giúp Sư huynh Tròn sống vui đời tu của một tu sĩ luôn khiêm tốn và hoàn thành đời tu mình cách trọn vẹn! Gioan Baotixita Nguyễn Văn Tròn sẽ theo bước chân của Gioan Baotixita La San, trọn tình đáp lời mời của Chúa để lo cho giới trẻ Việt Nam và thế giới sau này.

Trong sổ bộ quản trị của Dòng về Sư huynh Henri-Édouard (số 939), chúng ta thấy có ghi tên thánh rửa tội là

Gioan Baotixita, nhưng không có ghi chú nơi và ngày Su huynh được phúc làm con Chúa. Cũng trong sổ bộ trên, chúng ta thấy có ghi nhận một Su huynh khác có tên là Hạnh Jean tức Su huynh Adrien Jean, sinh ngày 10/02/1855 tại Tân Qui, Sa Đéc và nhập dòng trước Su huynh. Do vậy ta có thể suy đoán là “biết đâu chừng” Su huynh Tròn cũng thuộc họ đạo Tân Qui[4] hay ít ra cũng có liên hệ gần xa gì đó với họ đạo[5] này.

Làm sao mà cậu Tròn quen biết với các Su huynh La San và ngoài tiếng mời gọi “nhưng không” của Thiên Chúa được gọi đến cậu ..., ta còn biết được gì về những yếu tố trung gian đã đưa đẩy cậu đến với dòng La San?

Trước khi dòng La San đặt chân đến Việt nam, chúng ta thấy có một số “dòng tu gạo cội” khác đã hiện diện và hoạt động tích cực tại đây rồi. Đó là các dòng “giáo hoàng” như dòng Tên, dòng Đa Minh, dòng Phan-xi-cô, dòng Ô-gút-ti-nô, dòng Bạt-na-bít (Theo con nên ghi Dòng Âu-gút-ti-nô và Dòng Biển Đức). Tuy nhiên các dòng này cách chung lấy việc rao giảng đạo Chúa làm chính cho hoạt động tông đồ. Mãi đến 1866, các “tu sĩ giáo dân”, không chức thánh, mới xuất hiện và lấy môi trường học đường làm phương tiện chính để giúp giới trẻ làm quen với chân lý Kitô giáo, giúp chúng sở đắc một nền giáo dục nhân bản và Kitô, không phân biệt thành phần xã hội và tín ngưỡng.

Đầu tiên, các Su huynh mở trường Adran dạy chữ vào năm 1866, nhưng nhanh chóng qua vài năm sau, anh em La San mở thêm 4 trường khác, một tại Chợ Lớn ngày 26/04/1866, một tại Mỹ Tho ngày 01/03/1867, một tại Bắc Trang[6] ngày 04/03/1868, và một tại Vĩnh Long ngày 01/07/1869. Vậy xét về địa lý, phần chắc là cậu Tròn không theo học tại các trường ở Chợ Lớn, Bắc Trang hay cả Mỹ Tho nhưng có thể là ở Vĩnh Long vì gần với Sa

Đéc[7]. Tuy nhiên nhiều người nghĩ rằng cha mẹ cậu thiếu niên đã tin tưởng gửi cậu theo học trường Adran ngay từ khoảng năm 1868-69 tức lúc cậu được 13, 14 tuổi, tuổi có đủ khôn ngoan để trọ học xa nhà.

Trường “Collège d’Adran” tuy phải theo sát chủ trương giảng dạy của chánh quyền thuộc địa đề ra và được cấp học bổng ngay lúc ban đầu, song vì do các tu sĩ La San nhiệt tâm điều hành và giảng dạy từ thượng tuần tháng giêng 1866[8] nên học sinh học tập rất qui củ và nhanh đạt nhiều tiến bộ, nhất là khi cả thầy lẫn trò đều có quyết tâm cao... Với lại trẻ em Việt Nam lại được tiếng hiếu học và khá thông minh. Các kết quả còn được lưu giữ đã xác minh những nhận định này.

Khi được tiếp xúc với các thầy mình, có lẽ cậu Tròn nhận ra tinh thần đạo đức và kiến thức sâu rộng (đối với người đương thời) của họ, nên cậu đã bị “mê hoặc” và điều này thúc đẩy cậu quan tâm tìm hiểu thêm về dòng La San. Đồng thời nhờ vậy mà cậu gặp được tiếng mời gọi của Thiên Chúa dành cho cậu. Thật vậy, tại Việt Nam chúng ta, cho mãi tới đầu thế kỷ 20, cách giảng dạy và cách học tập, hay rộng hơn, cách giáo dục của người Việt ta còn rập khuôn phong cách của người Tàu và gần như ngay cả về nội dung kiến thức và cách thức giáo dục. Nhưng giờ đây, tại ngôi trường La San, cậu Tròn được làm quen với phương pháp giáo dục mới[9], nội dung kiến thức phù hợp với thực tế hơn. Thế nên ta thấy cậu tỏ ra thoải mái trong định hướng mới, trong sự quan tâm đến nghiệp vụ giáo dục.

[1] Vừa tìm được chi tiết (27/09/2010): sinh tại tổng (Canton nhưng đây có lẽ là làng) Tân Qui. (trong danh sách Puginier)

[2] Tỉnh Sa Đéc. Bài thơ mà nhiều học sinh xưa miền Nam thường đọc để ghi nhớ 21 tỉnh tại vùng đồng bằng sông Cửu Long: Gia Châu Hà Rạch Trà, **Sa** Bến Long Tân Sóc, Thủ Tây Biên Mỹ Bà, Chợ Vĩnh Gò Cần Bạc, **Cáp!**

[3] Thân phụ: Paul Nguyễn Văn Viên; thân mẫu: Marie On.

[4] Thông thường trong đạo Chúa, một thiếu niên muốn xin “đi tu” phải có sự chứng nhận và giới thiệu hạnh kiểm gia đình tốt của cha xứ sở tại và giáo xứ đề cập đây lại có truyền thống đạo đức tốt và phồn thịnh.

[5] Nếu tình thế thuận lợi, chúng ta có thể về Tân Qui mà tra lục danh sách những Kitô hữu đã được lãnh nhận bí tích Thanh Tẩy.

[6] Nay thuộc Trà Vinh, cách giáo xứ Mặc Bắc non 10 km về phía Đông chệch Nam 15’.

[7] Khi trường Vĩnh Long khai giảng, cậu đã được 14 tuổi, tức khoảng tuổi mà trẻ còn có thể bắt đầu đến trường để học theo chỉ thị của nhà cầm quyền thuộc địa. Sau 15 tuổi, thiếu niên được xem như trẻ, học tập khó đạt kết quả cao (quyết định của thống đốc Nam Kỳ De Cornulier-Lucinière, ngày 24/08/1870)

[8] Nhận trường ngày 08/01/1866 và hoạt động ngày 09/01/1866... (Trường tọa lạc trên phần đất mà Nhà Chung nhường lại, sát với chủng viện Thánh Giuse, tức khu vực bao gồm phần đất trường Võ Trường Toản và những phòng ban của công sở Sài Gòn trước kia trên đường Nguyễn Bình Khiêm).

[9] Trước khi trường Adran được đặt dưới sự điều hành của các Sư huynh, chưa có trường nào tại Việt Nam lại có tổ chức (ban giảng huấn, nội dung chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy) đúng theo cách hiểu về trường của chúng ta ngày nay (TK20-21). Thế còn

trường Chasseloup Laubat (hay tên khác?) được thành lập chưa?

Chân dung Sư huynh La San Việt Nam đầu tiên **(Phần 2)**

Sư huynh Henri-Édouard - Niên Trưởng Các Sư huynh La San Việt Nam

Chúng ta không biết rõ Sư huynh nào và lúc nào đã đứng ra chính thức tiếp nhận cậu Tròn “đến và xem” sinh hoạt cộng đoàn La San ra sao (*Thỉnh sinh*), khi nào thì cậu được nhận vào Tập Viện và Tập Viện này tọa lạc ở đâu. Nhưng trước khi muốn làm sáng tỏ đôi chút các vấn nạn này, ta cần nhớ đôi điều về tình hình Tỉnh Dòng La San trong thời này. Trong hai thập niên 60 và 70 của thế kỷ 19, con số các Sư huynh La San còn rất giới hạn, nhiều lắm khoảng 25 người, và họ làm công tác giáo dục quanh quẩn trong bốn năm trường tại Adran Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bắc Trang. Hiệu Trưởng trường Adran tại Sài Gòn kiêm nhiệm luôn chức Giám Tỉnh. Tỉnh Dòng còn non trẻ nên chưa có hệ thống nhà huấn luyện[1]. Như thế những ai muốn gia nhập dòng phải được sự ưng thuận của Sư huynh Giám Tỉnh và sau đó được nhận vào cộng đoàn sống thử trước – vừa để các Sư huynh có thì giờ hướng dẫn, quan sát, xem xét cụ thể hơn vừa để đương sự làm quen với đời sống anh em La San – rồi sau đó được gởi sang Pháp làm nhà tập theo luật định tại một trong các Tỉnh Dòng ở miền Nam nước Pháp[2] như Marseille, Toulouse hay Béziers.

Về phần cậu Tròn thì Tập Viết tay về lược sử Tỉnh Dòng Nam Kỳ có ghi như sau: *Sư huynh Gallique kiệt sức nên cũng trở về Pháp trên tàu Aveyron ngày 01 tháng 01 năm 1873. Sư huynh có dẫn theo một Tập sinh tên là François*

và một *Thỉnh sinh* tên là *Gioan Baotixita Nguyễn Văn Tròn* để tiếp tục tu tập tại *Tập Viện Marseille*.

Câu này cho ta biết 3 sự kiện:

- Một là đầu năm 1873, cậu Tròn lên đường sang Pháp cùng với Sư huynh Gallique trên tàu Aveyron và một Tập sinh là François (tức François-Paul Nguyễn Văn Thơm).
- Hai là khi lên tàu đi Pháp, cậu mới chỉ là *Thỉnh sinh*.
- Ba là cậu chuẩn bị vào *Tập Viện* tại Marseille.

Theo thông tin trên, trước năm 1873, cậu Tròn là *Thỉnh sinh*. Nếu là *Thỉnh sinh* thì ai tiếp nhận cậu và khi nào tiếp nhận (ít ra: khoảng thời gian?) Vào những năm đầu, tập thể các Sư huynh vừa ít người lại vừa phải nỗ lực tối đa trong công tác giảng dạy nên chắc là Sư huynh Giám Tỉnh kiêm hiệu trưởng trường Adran – lúc này là Sư huynh Jaime – có trách nhiệm phải đứng ra lo thu nhận. Tuy nhiên Sư huynh này đã lên đường về Pháp từ ngày 18/02/1872, còn Sư huynh Giám Tỉnh mới, Sư huynh Lothaire, sẽ chỉ nhận nhiệm vụ vào ngày 15/05/1873, tức sau khi cậu Tròn đã rời Việt Nam.

Gom thêm những sự kiện mà ta biết được về thời này, ta có thể hình dung được như sau:

Cậu Tròn đã theo học tại trường Adran vào năm cậu lên 12 hay 13 tuổi. Sau chừng ba, bốn năm học tập với các Sư huynh, kiến thức cậu được mở rộng và đồng thời bị đánh động bởi đời sống tận tâm phục vụ giới trẻ của các thầy mình nên cậu quyết tâm đáp lời mời gọi của Chúa và lân la đến xin các Sư huynh cho cậu vào sống thử đời tu của họ. Sư huynh Giám Tỉnh Jaime nhanh chóng đứng ra tiếp nhận cậu – ít ra trước đầu tháng 02/1872 – vì họ đã khá rõ về cậu học sinh này của mình trong mấy năm cậu theo học tại trường. Sư huynh Giám Tỉnh cũng đề nghị cậu tham gia phụ một Sư huynh nào đó lo điều hành lớp và sau một năm tập nghề (lúc này cậu nhỏ được 17 tuổi tức

vào cuối năm 1872) cậu thấy mọi sự đều ổn thỏa, cậu liền xin bước thêm bước nữa và nhà dòng cũng thấy tốt nên đồng ý gởi cậu sang Pháp làm nhà tập.

Chuyến “tây du” bằng tàu thủy mất cả tháng trời. Sau đó cậu bắt tay vào việc học hỏi về đời tu La San và miệt mài tra dồi thêm về Pháp văn trong vòng non một năm. Dù cậu đã khá quen với tiếng Pháp khi còn mài đũa quần tại trường Adran, cậu vẫn phải củng cố thêm loại sinh ngữ này đương thời rất thông dụng trong dòng La San hầu có thể tiếp nhận dễ dàng và sâu sắc linh đạo của Dòng.

Ngày 12/01/1874, cậu Tròn bước chân vào Tập Viện và ngày 02/02/1874, trong dịp mừng lễ Đức Mẹ dâng Chúa Giêsu vào đền thánh, chàng trai 19 tuổi Gioan Baotixita Tròn vừa vui mừng nhưng cũng vừa run run đón nhận chiếc áo dòng đen cổ trắng kèm theo một quyển Phúc Âm, một cây thánh giá hạng trung (cao 1dm) để đeo, một chuỗi “sáu chục”^[3] và một kỷ vật (souvenir) là một mảnh giấy gấp đôi (60cm x 90cm) trên có hình thánh Gioan La San với ghi chú vài chi tiết như tên mới trong dòng, thời gian nhận lãnh áo dòng ...

Thời cậu Tròn nhận áo dòng, nghi thức được tổ chức trong vòng thân mật giữa các anh em La San mà thôi, không có sự tham dự của phụ huynh (mãi sau này, đến giữa thập niên 50 thế kỷ 20, tại Việt Nam cũng vậy). Khi lãnh nhận áo dòng thì đồng thời Tập sinh cũng có một cử chỉ tượng trưng dứt khoát từ bỏ quá khứ bằng cách bỏ tên gọi cũ và nhận tên mới. Cậu Tròn nhận tên dòng là Su huynh Henri-Édouard. Tên này gồm tên 2 vị thánh Henri và Édouard: để tránh tình trạng trùng lặp vì số Su huynh trong một Tỉnh Dòng khá đông nên nếu dùng tên một vị thánh thôi thì sẽ làm người này với người nọ! Thói quen đổi tên mới có nhiều thay đổi theo thời gian, đặc biệt từ

công đồng Vatican II, các tu sĩ La San không còn giữ tục lệ này nữa do có thể gặp khó khăn trong xã hội hiện đại!

Ngoài ra, vào khoảng thời gian từ cuối thế kỷ 19 sang đầu bán thế kỷ 20, số các Su huynh La San rất cao[4] khoảng 30.000 thành viên nên về phương diện quản trị trong Tỉnh Dòng và cốt để ghi nhớ những công việc mà một Su huynh thực hiện vì đức vâng lời hay những thay đổi cộng đoàn vv..., nên Su huynh Édouard còn được cho thêm số 939 trong Tỉnh Dòng Marseille. Nhờ đó, trên nguyên tắc, ta dễ dàng tìm được những thông tin về Su huynh!

Hồi thời Su huynh Édouard-Henri, thời gian ở nhà tập hay đôi khi còn gọi là nhà thử, thường kéo dài trong một năm. Trong giai đoạn này, cách chung, người Tập sinh được học hỏi kỹ về luật dòng, về lối sống, cách cầu nguyện và cách suy tư của một tu sĩ La San đích thực mà ngày nay còn được gọi là linh đạo của Dòng. Năm tập quan trọng này của Su huynh trôi qua nhanh chóng nhưng hữu hiệu vì Su huynh đã trung tín theo Chúa suốt đời dù gặp rất nhiều thử thách, ví dụ như phải rời bỏ quê hương vào năm 1883 mà không hẹn ngày về!

Ngày 12/01/1875, tức còn 2 tháng 13 ngày nữa là tròn 20 tuổi, Su huynh rời Tập Viện và lên đường về nước để bắt đầu cuộc đời của một tu huynh-nhà giáo, hết lòng giúp trẻ đón nhận nền giáo dục khác với lối cũ, lối đến từ phương bắc xa xôi đã từng làm chậm bước tiến của dân tộc ta, và khai mào cho một tiếp xúc văn hóa mới vừa ló dạng, với rất nhiều hy vọng nhưng cũng lắm lộn xộn khả dĩ mang nhiều di hại nếu ta không đủ sáng suốt và bản lĩnh sớm loại bỏ.

Trở về Việt Nam, nơi đầu tiên Su huynh thi hành thiên chức của mình là trường Adran. Chúng ta chưa tìm lại được những chi tiết về những kết quả, những khó khăn

hay những sự kiện vui buồn mà Sư huynh đã gặt hái được hoặc kinh qua trong thời gian 3 năm đầu đời này của một người tu huynh-nhà giáo. Tuy nhiên 60 năm sau thời điểm trên người ta vẫn còn thấy những cựu học sinh của thời này vẫn thường “thăm nom” hay vẫn an sức khỏe của Sư huynh, và điều này cũng cho ta thấy công tác giảng dạy của Sư huynh cũng ít nhiều mang đến nhiều điều tốt cho giới trẻ.

Năm 1878, bề trên Giám Tỉnh trao “phận vụ lệnh” đưa Sư huynh về trường Vĩnh Long. Trong thời gian ở đây, Sư huynh làm chủ nhiệm lớp “1ère”. Lớp này chắc là lớp khai tâm hay lớp năm theo kiểu gọi của người dân (Nam Kỳ) thời xưa chứ không phải là lớp nhất tức lớp cuối cấp tiểu học (hay như lớp năm ngày nay, năm 2000). Tại Vĩnh Long – cũng như ở khắp nơi – các Sư huynh La San với lòng hăng say giáo dục, muốn mang đến cho học sinh mình những gì tốt đẹp nhất nên đã đạt những kết quả tốt đẹp và điều này gây khó chịu cho một nhóm đối lập về tư tưởng và chính trị, đặc biệt là một số quan chức của chính quyền thực dân thuộc phe Xã Hội, cụ thể là ông Béliard, giám đốc nội vụ của toàn Nam kỳ[5] (Cochinchine).

Ban đầu, vì trường Vĩnh Long đạt nhiều kết quả rất tốt nên người ta quyết định phát triển thêm và ngân sách thuộc địa dự chi một số tiền là 150,000 f. (tiền quan Pháp) để xây mới. Nhưng Béliard muốn thừa dịp này loại bỏ ảnh hưởng của các Sư huynh nên đã thay thế bằng dự án xây trường mới tại Trà Vinh, nơi còn hoang sơ và đa số dân địa phương là đồng bào Khmer, nhằm đưa các Sư huynh đến đây “khai quang” còn tại Vĩnh Long thì ông cho thay vào bằng nhân sự có lập trường chính trị đối nghịch với tôn giáo. Sư huynh Giám Tỉnh lúc bấy giờ là Sư huynh Idinaélis biết rõ thâm ý của viên giám đốc nội vụ cộng thêm những bó buộc hành chánh khác như phải có các

văn bằng và chứng chỉ hoàn thành nghĩa vụ quân sự (đối với các Sư huynh gốc Pháp), nên đã khước từ dự án. Sự đối kháng tăng dần và dòng La San qua bức thư của Sư huynh Idinaélis, đành xin rút lui khỏi môi trường giáo dục thân thương. Bức thư gửi ông Béliard được thảo bằng tiếng Pháp và được chuyển ngữ như sau:

Sài Gòn, ngày 9 tháng sáu năm 1881

Kính gửi ông giám đốc,

Trong thư của tôi đề ngày 3 tháng giêng, số 39, tôi đã đề nghị việc đóng cửa các trường ở Mỹ Tho và Vĩnh Long. Qua đáp thư của ông đề ngày 8 cùng tháng số 48, ông đã chấp nhận đề nghị của tôi và ngỏ ý muốn tôi định rõ ngày tháng của việc đóng cửa này.

Trong một cuộc hội kiến mà tôi có được với ông thống đốc để bàn về chuyện trên, ông ấy đã yêu cầu vẫn tôi duy trì các trường và đề nghị tôi lựa chọn một trung tâm[6] nào đó để di chuyển trường Vĩnh Long đến đấy, nơi sẽ xây dựng ngôi trường mới. Hảo ý mà chính quyền luôn tỏ ra đối với chúng tôi đã buộc tôi thuận đáp theo sở thích của ông ấy.

Thưa ông giám đốc, hôm nay tôi rất buồn mà phải báo tin ông hay là vấn đề nhân sự của tôi không còn cho phép tôi duy trì lâu dài được nữa các trường đã được đề cập tới. Trong số 14 Sư huynh Pháp đang công tác tại thuộc địa, hết 8 Sư huynh đã sống và phục vụ tại đấy hơn 12 năm và vài Sư huynh cũng rất cần được một thời gian nghỉ ngơi mà tôi không thể nào thoả mãn cho họ được.

Vì lẽ đó và theo lệnh cấp trên của tôi, tôi quyết định đóng cửa trường Vĩnh Long vào kỳ nghỉ ngắn ngày trong tháng

tám tới đây và sẽ đóng cửa trường Mỹ Tho vào cuối niên học.

Xin ông giám đốc vui lòng nhận vv ...

Hiệu Trưởng trường Adran

Ký tên: Sư huynh Idinaélis

[1] Tập Viện chính thức đầu tiên của Tỉnh Dòng Việt Nam được thành lập năm 1895 tại Thủ Đức.

[2] Vì thuận lợi cho việc đi lại bằng tàu vào thời này.

[3] Đặc biệt của riêng Dòng La San!

[4] Thuộc nhóm 3 hay 4 Dòng (giáo hoàng) có số thành viên nam tu cao nhất trên thế giới công giáo!

[5] Quan chức này giữ chức vụ tương đương với bộ trưởng bộ nội vụ và bộ trưởng bộ giáo dục của toàn Nam Kỳ.

[6] Địa phương này là Lái Thiêu.

Ngày 15 Tháng 3

Ngày 15/3/2026

CHÚA NHẬT IV MÙA CHAY

Năm A

1Sm 16,1b.6-7.10-13a Ep 5,8-14 Ga 9,1-41

³⁹ Đức Giê-su nói: “Tôi đến thế gian này chính là để xét xử: cho người không xem thấy được thấy, và kẻ xem thấy lại nên đui mù!” (Ga 9,39)

Bài Suy Gẫm số 44. Điểm 1: Chúa Thánh Thần Ban Ánh Sáng Đức Tin.

Trong bài Tin Mừng hôm nay, Chúa Giêsu Kitô phán rằng “Ánh sáng đã đến thế gian, nhưng người ta đã chuộng bóng tối hơn ánh sáng” (Ga 3,19). Chính vì Chúa Thánh Linh đã ngự xuống, mà ánh sáng thật đã đến trong thế gian. Tác dụng đầu tiên mà Người tạo nên trong một linh hồn được diễm phúc đón nhận Người, là làm cho linh hồn ấy thấy những sự trên trời, với một cặp mắt khác hẳn với cách nhìn của người sống theo tinh thần thế tục. Vì thế mà Chúa Giêsu Kitô đã dạy các tông đồ, ở một nơi khác của Tin Mừng, rằng: “khi nào Thần Khí Sự Thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn” (Ga 16,13), bởi vì khi Người cho họ biết mọi sự, bằng cách không những mô tả dáng vẻ bên ngoài của chúng, mà còn vạch ra thực chất bên trong, như chúng ta nắm rõ khi chúng ta đào sâu sự kiện bằng cặp mắt đức tin.

Anh [Chị] Em có sử dụng ánh sáng trên đây để biện phân mọi sự vật hữu hình, để phân biệt đúng sai, thực hư không? Nếu Anh [Chị] Em cư xử như người môn đệ của

Chúa Giêsu Kitô và và để cho Thánh Linh soi sáng, thì đây phải là ánh sáng duy nhất chỉ đường cho Anh [Chị] Em.

A simple act of healing a blind man becomes the point of trail in absentia of Jesus by the Jewish Leaders. In John's Gospel, the curing itself is restricted to mere seven verse of the ninth chapter. In the rest of the thirty two verses John elaborately presents the enquiry with the blind man, and finally condemning Jesus for his non observance of the Law of Moses. The main controversy was about the healing performed on a Sabbath. The ensuing events ultimately result in the blind man becoming a believer in Jesus, and the Pharisees being told that their guilt of not believing in Jesus even after witnessing to his miracles would remain against them. Thus Jesus rewards the blind man for accepting Him as the Son of Man, and condemns the Pharisees for their lack of faith. Responding to the needy situation of neighbours and others is not to be restricted by time, space and conditions. Any time is good enough to help. Jesus did not care about religious, social and legal formalities when he had to help others. Instead, He acted with real compassion and also made uses of such occasions to teach the people to be helpful like Himself. Faith cannot be acquired by mere arguments. It is only by personal experience of Jesus, can a person become true follower of Jesus as it happened with the blind man. Some patristic authors saw the man born blind as representing the humanity whom Jesus enlightens. We cannot allow prejudice to blind us to the goodness in others and refraining from manipulating evidence so that so that we may not have to change our attitudes and mentalities. St. De La Salle using the curing of the blind man invites the Brothers to examine the level of

obedience they ought to have as professed religious. (Med. 15). “A truly obedient man examines nothing, pays attention to nothing save to the fact that he must obey. Faith which guides his mind, forbids all these reflections” (Med. 15.1).

Reflection: Br. JOSEPH FERNANDO FSC, India.

121. Frère CYRILLE-DE-JÉSUS (24/03/1905 – 15/03/1958)

Anh Hervé Joseph-Marie Poupon sinh ngày 24/03/1905 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Vimiera với tên Dòng là Frère CYRILLE-DE-JÉSUS.

- Đến Việt Nam năm 1925. Dạy học tại Ecole Miche năm 1953, và tại trường ở Thủ Đức năm 1954. Rời Việt Nam năm 1955.

Frère CYRILLE-DE-JÉSUS qua đời ngày 15/03/1958, hưởng dương 53 tuổi. An táng tại Pháp.

Ngày 16 Tháng 3

Ngày 16/3/2026

Thứ Hai sau Chúa Nhật IV Mùa Chay

Is 65,17-21

Ga 4,43-54

⁴⁷ Khi nghe tin Đức Giê-su từ Giu-đê đến Ga-li-lê, ông tới gặp và xin Người xuống chữa con ông vì nó sắp chết. ⁴⁸ Đức Giê-su nói với ông: “Các ông mà không thấy dấu lạ điềm thiêng thì các ông sẽ chẳng tin đâu!” (Ga 4,47-48)

Bài Suy Gẫm số 73. Điểm 1: Những Tu Sĩ Muốn Thấy Phép Lạ Nơi Các Bề Trên Của Họ.

Một sĩ quan cận vệ của nhà vua đã tới gặp Chúa Giêsu và xin Người xuống chữa con ông, vì nó sắp chết. Chúa Giêsu nói với ông: “*Các ông mà không thấy dấu lạ điềm thiêng thì các ông sẽ chẳng tin đâu!*” (Ga 4,48). Có thể áp dụng lời này của Tin Mừng cho nhiều thành viên trong Hội Dòng; họ là những người muốn thấy phép lạ rộng khắp – nhưng thường không đúng lúc – thì mới tin rằng họ có bổn phận làm điều thiện. Thứ nhất, họ muốn thấy điềm thiêng dấu lạ nơi các Bề Trên của họ rồi mới tin, mới nhận tư cách Bề Trên của các vị đó, và sau đó mới vâng lời. Họ muốn thấy các vị đó vẹn toàn không khiếm khuyết, bằng không, họ sẽ cảm ràm, chỉ trích các việc làm, than phiền rằng các Bề Trên ra lệnh thì quá dễ. Theo cách nào đó, có vẻ như họ đòi các Bề Trên của họ phải có sự trọn hảo to tát như sự hoàn thiện họ nhận thấy nơi chính Chúa Giêsu Kitô. Tất cả những điều này chỉ xảy đến, là do các tu sĩ ấy không chịu vâng phục trong tinh

thần đức tin, chỉ coi Bề Trên của họ như một con người, chứ không phải là một thừa tác viên của Thiên Chúa, hoặc là người đại diện hữu hình của Người đối với họ. Nơi thừa tác viên đó, họ không biết phân biệt hai loại ngã vị: ngã vị của Chúa Giêsu Kitô, không tì vết, mà Bề Trên thay thế; và ngã vị của một con người, có thể rất bất toàn. Các tu sĩ ấy không biết rằng, khi giao tiếp với thừa tác viên trong vai trò Bề Trên, họ phải nhận ra nơi vị ấy, là chính Thiên Chúa đang ra lệnh cho họ, qua trung gian một con người.

Anh [Chị] Em hãy cố gắng có được những tâm tình đức tin đó, để cho lòng thật thấm nhuần, trước khi đi gặp các Bề Trên của mình; và hãy trung thành biểu lộ niềm tin về điểm này, hầu Anh [Chị] Em vâng lời các ngài, như vâng lời đối với chính Thiên Chúa vậy.

**“In the light of faith you see things quite differently.”
(De La Salle - Letter 118)**

“Show the great love you have for Jesus by being eager to talk with him in prayer.” (Med. 144.3) The Originator and the Completer of faith. That is what Jesus has come to do -- to bestow faith and make it to grow. One version translates this, “The pioneer and perfecter of faith.” This story tells us that we are in the hands of One who does not always answer our prayers the way we expect, but in doing so he lifts us to a higher awareness of who he is, of his authority and power in the world and in life. As a result our faith becomes stronger, cleaner and truer. While we have experienced the power of prayer, we have also experienced its frustration. Sometimes we wonder if God really hears our prayers, because we don't get the answers that we expect. At other times, we find ourselves trying to pray but not knowing how—or mouthing clumsy words that seem inadequate to express

the longings of our hearts—or we fall asleep while trying to pray—or we want to pray for someone but forget to do so. This verse suggests that our inadequacy in prayer is no barrier to communicating with God. He is quite capable of understanding our clumsiest prayers—even the unspoken prayers of our hearts. De La Salle insists that we pray every day especially at the start of each piece work that we do. A Lasallian is nothing without prayer.

PRAYER: God, make me a prayerful person.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

Ngày 17 Tháng 3

Ngày 17/3/2026

Thứ Ba sau Chúa Nhật IV Mùa Chay

Ed 47,1-9.12

Ga 5,1-

3a.5-16

⁸ Đức Giê-su bảo: “Anh hãy trỗi dậy, vác chõng mà đi!” ⁹
Người ấy liền được khỏi bệnh, vác chõng và đi được. (Ga 5,8-9)

Bài Suy Gẫm số 71. Điểm 1: Trong Những Đau Khổ Nội Tâm, Phải Cậy Nờ Chúa Giêsu.

Nhiều lúc, khi cần làm việc lành, những tội tớ của Thiên Chúa gặp phải một dạng bất lực, hoặc do những cảm dỗ hâu như không thể cưỡng lại, hoặc do những đau khổ nội tâm, hoặc do những cơn đam mê quá mãnh liệt; điều này được tượng trưng bởi người bất toại, được kể trong bài Tin Mừng này. Những người tội tớ ấy, hoặc vì không được soi sáng, hoặc vì không được những người hướng dẫn giúp đỡ, đã không hề cảm thấy thoải mái đến cùng Thiên Chúa. Có khi Thiên Chúa để cho linh hồn này trải qua sự đau khổ dài lâu, cốt để nó cảm thấy, nếu không có Người, thì nó không thể làm được điều gì, và nó không có được động lực để đến với Thiên Chúa nếu không được ơn Người trợ giúp; nhưng trái lại, linh hồn ấy có thể làm được tất cả, nếu được Thiên Chúa tăng sức mạnh. Vậy nên chúng ta phải kiên nhẫn đợi chờ Chúa Giêsu đi qua và đem thuốc đến chữa trị; bởi Người đã ban cho chúng ta ơn cứu độ, thì Người cũng có phương cách để tăng lực cho chúng ta và trả lại động lực mà chúng ta đã đánh mất.

Như người bất toại nằm liệt trên giường, chúng ta chỉ cần tỏ ra trung thành, để được mang đến với Chúa Giêsu Kitô, khi Người đi qua; chúng ta sẵn lòng chịu đựng đau khổ cho tới khi được Chúa Giêsu Kitô chữa lành. Vì thường chỉ có Người mới có thuốc chữa những căn bệnh thuộc loại này; và tất cả những gì chúng ta có thể làm, là cảnh giác để đừng làm điều xấu. Vậy chúng ta phải cầu nguyện nhiều và cùng với vua Đavít, chỉ nói với Chúa: *“Lạy Chúa Trời, xin tạo cho con một tâm lòng trong trắng, đổi mới tinh thần cho con nên chung thủy”* (Tv 51[50],12).

“Let your chief study be the Bible, that it may be the guiding rule of your life.” (Med. 170.1)

In the light of the current chaotic political and social climate, when we reflect on today's readings we feel heavy at heart but God fills us with his comfort and hope. Right now, we are going through turbulent days where we are witnessing worldwide war, crimes, ongoing protests, and demands for justice and so on. People are angry with the way the rules are laid down and worry about their future security. We are longing for a world where all broken relationships are mended. We are longing for a world that is free of racism, hatred, death and fear. We thirst for forgiveness, healing, and salvation. Where can we find the fulfillment of our longings? Do you see this? “Sin no more. Stop sinning. Healing our body is the healing of our soul. I have given you a gift. It's free. It came first, before my command. You didn't earn it. You weren't good enough for it. I chose you freely. And I healed you. Now, live in this power. Let the gift of healing, the gift of my free grace, be a means to your holiness.” This is God's assurance for us. Lasallian Pedagogy with its catechetical, moral and

value based flavor, should prepare the young to take charge of tomorrow`s world.

PRAYER: God of justice, may I create your kingdom in young people`s heart.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

Ngày 18 Tháng 3

Ngày 18/3/2026

Thứ Tư sau Chúa Nhật IV Mùa Chay

Is 49,8-15

Ga 5,17-30

³⁰ “Tôi không thể tự ý mình làm gì. Tôi xét xử theo như tôi được nghe, và phán quyết của tôi thật công minh, vì tôi không tìm cách làm theo ý riêng tôi, nhưng theo ý Đấng đã sai tôi.” (Ga 5,30)

Bài Suy Gẫm số 24. Điểm 3: Chúa Giêsu Kitô Phó Thác Về Những Khổ Hình Phải Gánh Chịu.

Chúa Giêsu Kitô phó thác vào thánh ý Chúa Cha để chịu khổ hình và chịu chết, vào lúc và theo cách thức mà Cha Người muốn: điều này khiến tại vườn Cây Ôliu, khi sẵn sàng chịu thương khó và chờ đợi cái chết, Người đã tỏ cho Chúa Cha thấy rằng cho dù có cảm thấy ghê sợ trước cái chết gần kề, Người vẫn “xin đừng cho ý con thể hiện, mà là ý Cha” (Lc 22,42). Người tuân phục hoàn toàn ý của Chúa Cha, như đã luôn phó thác trong suốt cuộc đời của Người; như Người đã nói ở nhiều nơi trong Tin Mừng, Người đến thế gian “không phải để làm theo ý tôi, nhưng để làm theo ý Đấng đã sai tôi” (Ga 6,38).

Ôi! sự từ bỏ ý muốn phạm nhân của Chúa Giêsu thật đáng mến thay, hằng vâng theo ý Chúa Cha trong mọi sự; một ý chí mà, dù trước cái sống, hoặc cái chết, về thời điểm, hoặc về những cực hình làm mất tính mạng, cũng không chuyển lay hướng nào khác, ngoài cái hướng mà Cha Hằng Hữu đã chọn cho Người.

Anh [Chị] Em hãy là môn đệ của Chúa Giêsu trên lãnh vực này, để ý chí của Anh [Chị] Em chỉ còn là một với thánh ý Thiên Chúa.

“It is impossible to please God if you do not live on friendly terms with others.” (Letter 47 - to Brother Robert in Darnetal, 1709)

Jesus relationship to God was threatening to those who saw God differently. He spoke of God as a loving father with whom he related closely and confidently. Do we think of the human relationships that have helped us understand what Jesus meant? Do we relax in the presence of God who loves us deeply? This calling is linked to the compassion of God, who feels the suffering of others as keenly as a mother might feel the suffering of her children. Yahweh works, to bring the people who are far away, back into the safety and joy of a covenant relationship, and the mission of the Church is to reflect this divine effort at reconciliation in a world characterized by exile, even to this day. Jesus immediately responds to criticism by telling them that He simply is doing what His Father had instructed Him to do. To heal and free others of illness and pain is to be compassionate and caring---as God is compassionate and loving. When Jesus heals another person, he is honouring God! From our Lasallian perspective, we must constantly represent the needs of our disciples in prayer and bring graces upon them for healing and change.

PRAYER: Healer God, purify me and my children from inner wounds.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

002. Frère GAUDENCE
(18/03/1833 – 18/03/1870)

Anh Antoine Souchal sinh ngày 18/03/1833 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Clermont với tên Dòng là Frère GAUDENCE.

- Đến Việt Nam ngày 27/03/1869. Dạy tại Collège Adran, Sài Gòn từ 1869-1870.

Ngày 06/02/1870, lên tàu về nước. Về đến cộng đoàn tại Pháp trong tình trạng kiệt sức nên ngay ngày hôm sau, đúng ngày sinh nhật của mình 18/03/1870, Frère GAUDENCE đã về nhà Cha khi mới 37 tuổi. An táng tại Pháp.

131. Frère DOMITIEN-BENOÎT
(02/04/1893 – 18/03/1963)

Anh Joseph-Marie Le Dall sinh ngày 02/04/1893 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Vimiera với tên Dòng là Frère DOMITIEN-BENOÎT.

- Đến Việt Nam năm 1912. Rời Việt Nam năm 1946.

Frère DOMITIEN-BENOÎT qua đời ngày 18/03/1963, hưởng thọ 70 tuổi. An táng tại Pháp.

Ngày 19 Tháng 3

Ngày 19/3/2026

Thánh Giuse, Bạt Trăm Năm Đức Maria

2Sm 7,4-5a.12-14a.16

Rm 4,13.16-18.22

Mt 1,16.18-21.24a

^{24a} *Khi tỉnh giấc, ông Giu-se làm như sứ thần Chúa dạy.*
(Mt 1,24a)

Bài Suy Gẫm số 110. ĐIỂM 1: Sứ Mạng Của Thánh Giuse Đòi Hỏi Sự Thánh Thiện.

Được Thiên Chúa trao cho nhiệm vụ chăm sóc và dẫn dắt Chúa Giêsu Kitô, nên thánh Giuse phải có những phẩm chất và nhân đức cần thiết, để được xứng đáng chu toàn thừa tác vụ hết sức cao quý và thánh thiện như vậy. Tin Mừng cho ta thấy ba đức tính rất hợp với ngài, trong nhiệm vụ được giao phó: “*Ông Giuse, chồng bà, là người công chính, ... khi tỉnh giấc, ông làm như sứ thần Chúa dạy, và đón vợ về nhà*” (Mt 1,19.24); ông đặc biệt chăm sóc và bảo vệ Chúa Giêsu Kitô (Mt 2,14.21).

“*Ông là người công chính*”, đó là đức tính thứ nhất mà Tin Mừng nhận thấy nơi thánh Giuse; nó cũng là nhân đức chính mà ngài cần, để có thể dạy dỗ trẻ Giêsu; bởi Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa và là Đấng Thánh, nên kẻ nhận trách nhiệm dạy dỗ Người mà không công chính và thánh thiện trước mặt Thiên Chúa, thì không xứng hợp. Thậm chí thánh nhân, sau Đức Trinh Nữ rất thánh, phải là một trong những người thánh thiện nhất ở đời này vào lúc ấy, là điều cũng hoàn toàn hợp lẽ; mục đích là để cho ngài

có vài điểm giống với Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã được giao phó cho ngài chăm sóc. Tin Mừng cũng nói rằng ngài là người công chính trước mặt Thiên Chúa, nghĩa là hoàn toàn thánh thiện. Thậm chí chúng ta có đủ cơ sở để tin rằng thánh Giuse, do một đặc ân, đã được miễn trừ khỏi tội suốt đời.

Như thánh Giuse, Anh [Chị] Em cũng phụ trách một tác vụ thánh, có nhiều điểm tương đồng với nhiệm vụ của thánh nhân; tác vụ đó cũng yêu cầu nơi Anh [Chị] Em một lòng sùng đạo và đức hạnh vượt mức tầm thường. Vậy hãy chọn thánh Giuse làm quan thầy và hình mẫu của Anh [Chị] Em, để trở nên xứng đáng với thừa tác vụ của Anh [Chị] Em, và theo gương thánh Cả, Anh [Chị] Em hãy trở tài về mặt đức độ.

“Saint Joseph does not hesitate a single instant to carry out what God desired for him.” (Med. 110.2)

He was called by God just as Mary was and he said ‘yes’ as Mary did. He said ‘yes’ not out of certainty, but in faith, for he is a man of radical and courageous faith, trusting that the God who called him would continue to encourage and guide him. He responded to God’s call to him in trust and hope. “St. Joseph listens to God’s directions for him, as spoken through the angel, and he puts those directives into action. St. Joseph listens to God and acts immediately. Joseph is not mild mannered nor simply a silent partner. What can we learn from Joseph? He teaches us how to be present in the joys and sorrows of life, to be steadfast, to live with integrity trusting in God who still calls and sustains each of us, regardless of what we are experiencing. Faced with what seemed like the impossible, Joseph didn’t walk away or give in – he trusted God and said yes. De La

Salle had a special love for St. Joseph. He tells us, “take St. Joseph as your model since he is your patron.”

PRAYER: May I respond to your call in trust and hope.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.



Đức Giáo Hoàng CLEMENT XI
Giovanni Francesco Albani
(23/07/1649 – 19/03/1721)

His election was on November 23, 1700, St. Clement’s day from which he took his name. He was 51 years old at that time. It was not easy for him to handle the difficulties in which he found himself. He published the Bull “Unigenitus” in 1713 in which he condemned the 101 propositions of the Oratorian Quesnel (1). This gave rise to the clergy who were in favor of the Bull as well as those who were against it.

We know De La Salle’s position in this controversy. He sided with the Pope and directed the Brothers to remain faithful to His Holiness the Pope. In Brother Barthelemy’s words: “*Our dear Father wrote many letters in favor of our Holy Father Pope Clement XI which have done a lot of good*” (2).

When La Salle sent two Brothers to Rome, he above all showed his devotion to the Pope also hoping that the Pope would recognize the Institute. He was overjoyed when in October, 1709, he wrote a letter to Brother Gabriel Drolin:

“I am delighted that you now have a papal school: that is what I have been hoping for” (3).

La Salle thanked the people who helped Brother Gabriel for their support in getting that school which was located on Ferrea Street across from the Capuchins. It was occupied, according to the parish register by “D. Gabriel Drolini, a Frenchman” (4). The papal shield was on the lintel of the house. During this same period the Piarist Fathers directed several schools in Rome which were also papal schools.

The name of Clement XI also appears at the Avignon foundation in 1703. The first benefactor who helped the Brothers supported two of the five Brothers that were in the school in 1705. Money was soon lacking since three Brothers were living off of temporary funds from different city institutions. But in this same year Clement XI “*took measures to offer the Brothers a life pension for the five of them*” (5).

- (1) **Saturnino Gallego.** *Vida y pensamiento de san Juan Bautista de La Salle.* BAC. Madrid, 1986. I, 505.
- (2) *Letters 65 and 115. Meditations 5.1, 19.3; Collection, 246. G. Rigault, Histoire de l’Institut des F.E.C. I, 431.*
- (3) *Sínite*, n 4. 174ff.
- (4) **Rigault**, *op. cit.*, I, 335.
- (5) **Rigault**, *op. cit.*, I, 346.

Ngày 20 Tháng 3

Ngày 20/3/2026

Thứ Sáu sau Chúa Nhật IV Mùa Chay

Kn 2,1a.12-22

Ga 7,1-2.10.25-30

³⁰ *Bấy giờ họ tìm cách bắt Người; nhưng chẳng có ai tra tay bắt, vì giờ của Người chưa đến. (Ga 7,30)*

Bài Suy Gẫm số 24. Điểm 2: Chúa Giêsu Kitô Phó Thác Về Thời Điểm Chịu Khổ Hình.

Tin Mừng cho biết lý do của những thái độ khác nhau của Chúa Giêsu Kitô: lúc ban đầu, đó là “*vì giờ của Người chưa đến*” (Ga 7,30); sau đó Người “*biết giờ của Người đã đến, giờ phải bỏ thế gian mà về với Chúa Cha*” (Ga 13,1). Vì vậy khi Giuđa đi ra để thực hiện toan tính với kẻ thù của Người, Chúa Giêsu đã nói với hắn: “*Anh làm gì thì làm mau đi!*” (Ga 13,27), Người muốn ta hiểu rằng Người chỉ chờ đợi giờ do Cha Hằng Hữu đã định để tự nộp, để bị bắt và bị giết chết; đây là điều cho thấy Chúa Giêsu Kitô đã tuân theo thiên lệnh trong từng chi tiết, và Người muốn rằng tất cả những gì Người làm và chịu, thì phải theo như Chúa Cha đã ấn định cho Người.

Anh [Chị] Em hãy noi theo gương sáng ngài mà Chúa Giêsu Kitô đã nêu: Anh [Chị] Em đừng tự ý làm bất cứ điều gì; nhưng hãy để cho các đấng Bề Trên qui định và sắp đặt mọi việc Anh [Chị] Em phải làm, trong từng chi tiết nhỏ nhất.

“Don’t be discouraged by anxieties and troubles. Life is full of them.” (Letter 102).

The novelist Joseph Conrad writes about a time in his youth when he was learning to steer a ship. A storm blew up very suddenly and the sea captain did not take over the steering. Instead he kept yelling to him, “Laddie, keep her pointed into the wind!” Today we live in a world where we may face hostility. Yet, through prayer and frequent reception of the Eucharist and other sacraments, we receive the strength, courage and fortitude to be examples of Christian life. In the light of the fact that we live in the midst of a storm of sickness in our world today, when we consider this Gospel and what is implied in the Wisdom writing, we see that Jesus is following these instructions as we should. For Jesus, a storm rages about him, and the winds of controversy grow violent. But Jesus doesn’t alter his course. He keeps pointing into the wind. He refuses to compromise truth. In fact, in all of today’s readings, we are reminded of the opposition that our faith in Christ will provoke – and of God’s faithfulness to us. In the Responsorial Psalm, we hear that “many are the afflictions of the righteous, but the LORD rescues them from them all” (Psalm 34:19). The direction that de La Salle suggests us to go to when we and our children face trials and problems, is to go to God in prayer.

PRAYER: Powerful God, let me feel your presence every moment of my life.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

**071. Frère GEORGES-GAGELIN ... Vinh
(22/02/1888 – 20/03/1970)**

Anh Jacques ... Vinh sinh ngày 22/02/1888 tại Yên Phú, Hà Nam. Con ông Jacques Hiếu và bà Marthe Nguyên.

Vào Tập Viện Thủ Đức ngày 31/03/1903 và nhận Áo Dòng ngày 12/06/1904 (đoàn 14) với tên Dòng là Frère GEORGES-GAGELIN. Khấn lần đầu ngày 13/06/1905 tại Thủ Đức và nhập Học Viện Thủ Đức cùng ngày. Khấn trọn đời năm 1912.

Frère GEORGES ... Vinh qua đời ngày 20/03/1970 tại Mai Thôn, hưởng thọ 82 tuổi với 66 năm trong Dòng. An táng tại nghĩa trang Chí Hòa, mộ số 20 dãy A.

[hình mộ]

Ngày 21 Tháng 3

Ngày 21/3/2026

Thứ Bảy sau Chúa Nhật IV Mùa Chay

Gr 11,18-20

Ga 7,40-53

⁴³ *Vậy, vì Người mà dân chúng đâm ra chia rẽ.* ⁴⁴ *Một số trong bọn họ muốn bắt Người, nhưng chẳng có ai tra tay bắt.* (Ga 7,43-44)

Bài Suy Gẫm số 23. Điểm 1: Người Do Thái Căm Ghét Chúa Giêsu.

Phần nộ vì Chúa Giêsu làm nhiều phép lạ khiến đám đông đến với Người, xem Người như là một Ngôn sứ, dân Do Thái liền bày mưu lập kế giết hại Người. “*Họ triệu tập Thượng Hội Đồng*” (Ga 11,47) để xem có cách bắt Người. “*Vì họ sợ dân chúng*” (Lc 22,2) đang tôn trọng Người cách đặc biệt, nên họ phải tỏ ra dè dặt; nhưng vì thù ghét Người, họ phao tin rằng Người là một nhà cách tân, và vin vào cớ này, họ tìm cách trừ khử Người.

Anh [Chị] Em hãy chú ý đến sự thù ghét của người Do Thái đối với Chúa Giêsu và cách mà Người chống lại họ, nhất là nhóm Biệt Phái, sẽ khiến Người phải tử vong; hãy nghĩ xem lòng ghen tức của kẻ ác có thể dẫn đưa đến cực đoan nào, vì những âm mưu ấy nhằm hạ sát một người vô tội, một thánh nhân, một ngôn sứ, một nhân vật tiêu biểu mọi dấu chỉ bề ngoài về thần tính.

“Put up with the faults of others and be generous towards them.” (Letter 105)

Jeremiah has tried to do what the Lord called him to do, which makes him a righteous man—but it also makes him a marked man. It is because Jeremiah acted righteously that the people of Anathoth want to kill him. Now Jeremiah is trusting that the Lord, by judging righteously, will vindicate him. Hostility and division is the fruit of making judgments about others without learning about all they do. Let us not make judgments about one another without learning his or her side of the story. May we not be quick to make judgments about others without learning all of the facts? Reflect, today, upon the ways that God has left us in awe of His message and His love. Seek out His voice of conviction and clarity. Tune into the way God is trying to communicate and pay no attention to the ridicule and criticism we may experience when we do seek to follow His Voice. A reading of *The Conduct of Schools* by De La Salle enables us to see that human relationships are at the heart of the Lasallian school. This involves pupils, teachers, parents and also, indirectly, the local church and the professional milieu. For De La Salle, there was another partner in the educational relationship, namely GOD. Is our relationship coated with criticism, judgement or God’s love?

PRAYER: God of love, may my love be free of judgements and criticisms.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

Ngày 22 Tháng 3

Ngày 22/3/2026

CHÚA NHẬT V MÙA CHAY

Ed 37,12-14

Rm 8,8-11

Năm A

Ga 11,1-45

²⁴ Cô Mác-ta thưa: “Con biết em con sẽ sống lại, khi kẻ chết sống lại trong ngày sau hết.” ²⁵ Đức Giê-su liền phán: “Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống. Ai tin vào Thầy, thì dù đã chết, cũng sẽ được sống.” (Ga 11,24-25)

Bài Suy Gẫm số 147. Điểm 3: Đức Tin Đáng Khâm Phục Của Thánh Mácta.

Trong biến cố Chúa Giêsu Kitô làm cho Lazarô hồi sinh, thánh Mácta bày tỏ một niềm tin vượt mọi sự khâm phục. Cô thưa cùng Chúa Giêsu: “*Thưa Thầy, nếu có Thầy ở đây, em con đã không chết. Nhưng bây giờ con biết: Bất cứ điều gì Thầy xin cùng Thiên Chúa, Người cũng sẽ ban cho Thầy*” (Ga 11,21-22). Ý của cô là, nếu Chúa Giêsu muốn cho em cô hồi sinh, thì Người sẽ làm được dễ dàng. Nhưng khi Chúa Giêsu bảo cô rằng em cô sẽ sống lại, thì cô trả lời ngay là cô biết nó sẽ sống lại, khi kẻ chết sống lại trong ngày sau hết; Chúa Giêsu phải xác định thêm rằng Người chính là sự sống lại và là sự sống, và những ai tin nơi Người, thì dù đã chết, cũng sẽ được sống. Ai sống và tin vào Người, sẽ không bao giờ phải chết. Rồi Người hỏi cô có tin như thế không? Cô đáp: “*Thưa Thầy có. Con vẫn tin Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Đáng phải đến thế gian*” (Ga 11,27). Câu này giống câu trả lời của thánh Phêrô, – từng được Chúa Giêsu Kitô hết lời khen

ngợi –; nó đáng cho chúng ta đặc biệt tôn kính, vì niềm tin mạnh mẽ chúng ta thấy tiềm tàng trong đó.

Anh [Chị] Em phải tỏ bày niềm tin, nhất là trong các hành động của mình, bằng cách chỉ triển khai chúng theo tinh thần Đức Tin; Anh [Chị] Em buộc phải làm thế cho hợp với tinh thần của Dòng.

Raising Lazarus from the dead as presented in the Gospel of John, is full of spiritual symbolism and its worth considering some of them for spiritual nourishment. On receiving the news of Lazarus being sick and dying, Jesus delays his visit to the family rather than rushing to help. His disciples warn Him of the danger of being arrested if He is sighted around Bethany. However Jesus decides to go to see his friends Martha, and Maria, gets emotionally moved when Martha expressed her failed expectations, and finally orders Lazarus back to life. The miracle infuriates the religious leaders and they decide to kill Jesus. When Jesus is informed of Lazarus' illness Jesus assures that Lazarus would not die, but the glory of God would be brought out. When Martha proclaims that Lazarus would rise up on the day of resurrection, Jesus advises her only to believe in Him and she is ultimately rewarded for her faith in Jesus. Like in most cultures, men are not expected to weep in public, yet with deep emotion 'Jesus wept' (v. 35) publicly, thereby showing deep humanity and attachment for the two sisters. Lazarus was not resurrected, but only brought back to his natural life. The final resurrection would take place later when Jesus had ultimately conquered sin and death. The whole narrative of Lazarus coming back to his natural life indicate the our need for uncompromising faith in the power of Jesus (as Martha and Mary), and waiting patiently for God's intervention for our prayers.

Like the sisters of Lazarus, we need to love our Brothers and sisters, friends and relatives and seek help before it is too late. Ultimately it is Jesus who can wipe the tears from our eyes, express genuine empathy and love during our trials and tribulations, and help us to overcome our short and long troubles. “In this pluralistic and in numerous places, secularised world, the Brothers feel the need for daily contact with the Word of God. It is what nourishes their whole life and helps them to understand people, events and the world, in relation to God’s plan.” (THE RULE Art. 64).

Reflection: Br. JOSEPH FERNANDO FSC, India.

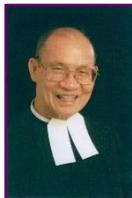
122. Frère DUNSTAN-ALFRED (27/06/1874 – 22/03/1958)

Anh François-Valentin Toupin sinh ngày 27/06/1874 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Quimper với tên Dòng là Frère DUNSTAN-ALFRED.

- Đến Việt Nam năm 1897. Rời Việt Nam năm 1931.

Frère DUNSTAN-ALFRED qua đời ngày 22/03/1958, hưởng thọ 84 tuổi. An táng tại Pháp.



203. Frère RAPHAËL-TRIỆU Phan Đình (13/04/1926 – 22/03/2019)

Anh Paul Phan Đình sinh ngày 13/04/1926 tại Phú Ân, Khánh Hòa. Con ông Thomas Phan Kim và bà Marthe Nguyễn Thị Búp.

Vào Sơ Tập Viện Nha Trang ngày 10/08/1941. Vào Tập Viện Đồi La San Nha Trang ngày 26/07/1945 và nhận Áo Dòng ngày 26/10/1945 (đoàn 59) với tên Dòng là Frère RAPHAËL-TRIỆU. Số Danh bộ là J26179. Khấn lần đầu ngày 25/08/1948 tại Nha Trang và nhập Học Viện Sài Gòn ngày 26/08/1948. Khấn trọn đời ngày 03/08/1953 tại Thủ Đức.

Frère RAPHAËL Phan Đình qua đời ngày 22/03/2019 tại Mỹ, hưởng thọ 93 tuổi với 73 năm trong Dòng. An táng tại nghĩa trang Napa, Mỹ.



Brother Raphael Phan Dinh



My great-grand uncle Br. Raphael Phandinh.
(I drew this picture.)

My great-grand uncle, Brother Raphael Phan Dinh, is my hero. He is the 9th child in a family of 11. He has done many things in his life, from being a missionary traveling around the globe to being a teacher at a myriad of universities and schools. Br. Raphael retired after being assistant director at the Conference Center at Mont La Salle, Napa. He has done many more things that have inspired me to get to where I am today.

During his years as a missionary, Br. Raphael's service included being a translator for troops, teaching biology in a secondary school run mostly by French Brothers, and teaching academic French and Catechism at St. Mary's College in Rose Hill. These are just a few of the many important things my great-grand uncle has done in his life so far.



Br. Raphael videotaping
(From his memoir)

Brother Raphael now lives in Mont La Salle, an institution for Christian Brothers. He enjoys playing the organ and the piano in his free time. Brother Raphael also enjoys it when my family and I visit a few times each

year. Whenever we come up there to celebrate special occasions or for just a random visit, Br. Raphael loves to videotape what we're doing for him to relive later. At Mont La Salle, Br. Raphael also conducts Masses and plays the organ for Mass.

My hero is currently alive and well. Br. Raphael was born in South Vietnam. His parents, siblings, and other relatives taught him moral values and that a good education is vital to his future. Br. Raphael is now leading a peaceful, religious life in Mont La Salle.

Br. Raphael has definitely made a difference in my life in many ways. He's inspired me to be myself and listen to music, both classical and modern. He also enjoys it when I play an instrument for him, and even if I mess up, he's always forgiving and encouraging. Br. Raphael has made a difference in my life by teaching the values of family and being yourself. He's always been there for my family and me over the years of my life, and he's always happy when we come up to Napa.

by Viviane from San Francisco

[https://myhero.com/R_Dinh_stcecilia_US_2009]

Ngày 23 Tháng 3

Ngày 23/3/2026

Thứ Hai sau Chúa Nhật V Mùa Chay

Đn 13,1-9.15-17.19-30.33-62

Ga 8,1-11

¹⁰ Người ngẩng lên và nói: “*Này chị, họ đâu cả rồi? Không ai lên án chị sao?*” ¹¹ Người đàn bà đáp: “*Thưa ông, không có ai cả.*” Đức Giê-su nói: “*Tôi cũng vậy, tôi không lên án chị đâu! Thôi chị cứ về đi, và từ nay đừng phạm tội nữa!*” (Ga 8,10-11)

Bài Suy Gẫm số 196. Điểm 3: Giáo Viên Kitô Phải Hiệp Thông Với Cách Nhìn Của Chúa Giêsu Kitô.

Để chu toàn thừa tác vụ, nếu Anh [Chị] Em làm đúng chức năng đối với các học sinh, nếu Anh [Chị] Em chỉ noi theo bề ngoài của Chúa Giêsu Kitô, trong cách Người hoán cải các tâm hồn thì chưa đủ, trừ phi Anh [Chị] Em cũng có những quan điểm và cùng ý hướng như Người. Như chính Người đã nói, Người đến thế gian “*để cho chiên được sống và sống dồi dào*” (Ga 10,10). Đây là lý do tại sao Người nói ở một nơi khác, rằng “*Lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống*” (Ga 6,63), nghĩa là lời nói ấy ban sự sống thật, tức sự sống của linh hồn, cho những ai lắng nghe, và sau khi đã thuận lòng nghe, thì đem ra thực hiện với tình yêu thương.

Đây cũng phải là ý hướng của Anh [Chị] Em, khi dạy dỗ học trò, sao cho chúng sống một đời sống Kitô hữu; và lời của Anh [Chị] Em phải là thần khí và sự sống đối với chúng: 1^o) Bởi vì những lời ấy sẽ xuất phát từ “*Thánh*

Thần Thiên Chúa ngự trong anh em” (1Cr 3,16); 2°) Bởi vì các lời ấy tạo nên tinh thần Kitô nơi các học trò của Anh [Chị] Em, và vì một khi có được tinh thần này, tức là chính tinh thần của Chúa Giêsu Kitô, các em sẽ sống đời sống thật, một đời sống rất ích lợi cho con người, bởi lẽ nó chắc chắn dẫn đến đời sống vĩnh cửu.

Đối với các học sinh, Anh [Chị] Em phải cẩn trọng để không có quan điểm phàn tục nào, cũng đừng khoe khoang về những chuyện mình đã làm; vì đó là hai điều có thể làm hư hỏng mọi thứ tốt lành, trong khi Anh [Chị] Em làm tròn chức năng. *“Thật vậy, ... bạn có gì mà bạn đã không nhận lãnh? Nếu đã nhận lãnh, tại sao lại vênh vang như thể đã không nhận lãnh?” (1Cr 4,7)* Vậy khi công tác, Anh [Chị] Em hãy có những ý hướng thật trong suốt, như chính những ý hướng của Chúa Giêsu Kitô vậy; bằng cách đó, Anh [Chị] Em sẽ thu hút ân sủng và sự chúc lành của Người xuống trên cá nhân và trên công việc của Anh [Chị] Em.

“To be entrusted with the teaching of the young is a great gift and grace of God.” (MTR 9.1 & Med 201.1)

Many of us may be in situations that concern us in terms of how people are treated, cared for, or accepted by others. We are called to be like Daniel, and not fear speaking up or object to the status quo when leadership is not looking for ways to enhance the lives of those they touch, or when leadership uses fear to avoid challenges from the people they are to lead. We are also reminded, in this first reading that not only should we voice our objections to mistreatment, unwise decisions, or abuse of power but after having developed a prayerful relationship with Our Lord, we should voice those objections. We feel that when we try to work through our challenges and

struggles without asking God to walk with us, we experience tidal waves. However in those times that we go to God with complete trust, our struggles seem to be calm restful waters. Jesus raises the bar for humanity-it's not just about right or wrong, it is about loving ourselves and others, with our human imperfections. De La Salle devoted his whole life to the defense of the poor, created a system that spoke for them and found a device that pointed them to their future.

PRAYER: Father God, free my children from their bondage.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.



**181. Frère VIAL-VÂN Trần Văn Huê
(14/01/1917 – 23/03/2013)**

Anh Jacques Trần Văn Huê sinh ngày 14/01/1917 tại Phước Hảo, Trà Vinh. Con ông Jacques Điền và bà Élisabeth Hiệp.

Vào Sơ Tập Viện Huế ngày 10/07/1933. Vào Tập Viện Đồi La San Nha Trang ngày 21/08/1933 và nhận Áo Dòng ngày 23/01/1934 (đoàn 46) với tên Dòng là Frère VIAL-VÂN. Số danh bộ là J17130. Khấn lần đầu ngày 19/03/1935 tại Nha Trang và nhập Học Viện Huế ngày 20/03/1935. Khấn trọn đời ngày 01/08/1944.

- Hiệu Trưởng tiên khởi trường La San Hiền Vương kiêm trường lo cho các em mù (1967).

Frère Vial Trần Văn Huê qua đời ngày 23/03/2013 tại Úc,
hưởng thọ 96 tuổi với 79 năm trong Dòng. An táng tại Úc.

Ngày 24 Tháng 3

Ngày 24/3/2026

Thứ Ba sau Chúa Nhật V Mùa Chay

Ds 21,4-9

Ga 8,21-30

²⁸ Người bảo họ: “Khi các ông giương cao Con Người lên, bấy giờ các ông sẽ biết là Tôi Hằng Hữu, và biết tôi không tự mình làm bất cứ điều gì, nhưng Chúa Cha đã dạy tôi thế nào, thì tôi nói như vậy.” (Ga 8,28)

Bài Suy Gẫm số 201. Điểm 3: Giáo Viên Kitô Phải Hết Sức Nhiệt Thành Giúp Các Linh Hồn.

Vì công tác của Anh [Chị] Em có mục đích là cứu rỗi các linh hồn, nên mối lo âu đầu tiên của Anh [Chị] Em phải là dùng hết khả năng mà đạt cho được mục đích ấy; để làm thế, Anh [Chị] Em phải một cách nào đó noi gương Thiên Chúa, bởi vì Người đã quá yêu thương các linh hồn do Người tạo dựng, cho nên khi thấy chúng mắc phải vòng tội lỗi và không có cách tự giải thoát, Người đã tỏ lòng nhiệt thành và sự ưu ái cho phần rỗi của chúng, bằng cách sai chính Con của mình đến giải cứu chúng khỏi tình trạng đốn mạt ấy. Cách đối xử như vậy đã khiến Chúa Giêsu Kitô nói rằng: “*Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời*” (Ga 3,16).

Đó là điều Thiên Chúa và Chúa Giêsu Kitô đã làm, để tái lập ân sủng mà các linh hồn đã đánh mất. Cũng vậy, có điều gì mà Anh [Chị] Em chẳng phải làm cho các linh hồn ấy, qua thừa tác vụ của mình, nếu Anh [Chị] Em nhiệt

tình lo phần rỗi của chúng; và ước gì đối với các học sinh, Anh [Chị] Em có được tâm tư mà thánh Phaolô đã dành cho những kẻ nghe ngài rao giảng Tin Mừng; ngài đã viết thư cho họ như sau: “*Điều tôi tìm kiếm không phải là của cải của anh em, mà là chính anh em*” (2Cr 12,14), tức là linh hồn của các học sinh vậy.

Khi công tác, Anh [Chị] Em buộc phải có lòng nhiệt thành thật tích cực và sống động, đến mức Anh [Chị] Em có thể nói với phụ huynh học sinh điều đã ghi trong Kinh Thánh: “*Người, thì xin ông cho lại tôi; còn tài sản, ông cứ lấy*” (St 14,21); nghĩa là trách nhiệm của chúng ta là phải nỗ lực để các học sinh được rỗi linh hồn. Đàng khác, cũng chính vì mục đích này mà Anh [Chị] Em đã cam kết hướng dẫn và dạy dỗ các em. Hãy nói thêm điều Chúa Giêsu Kitô đã nói về đàn chiên được Người làm Chủ Chăn và cứu độ: “*Tôi đến để cho chiên được sống và sống dồi dào*” (Ga 10,10); bởi vì lòng nhiệt thành nồng nàn lo cho phần rỗi linh hồn của những trẻ mà Anh [Chị] Em dạy dỗ, phải khiến Anh [Chị] Em công hiến và hy sinh cả cuộc đời, hầu cung cấp cho chúng một nền giáo dục Kitô giáo, cho chúng hưởng cuộc sống ân sủng ở đời này, và sự sống vĩnh cửu ở đời sau.

As the feast of the Passover drew close during the third year of Jesus' ministry, the animosity of the Jews fueled up by the religious leaders also grew, and Jesus was very well aware of the developments taking place against Him. He all the more went about speaking about His status as the Son of God, destined to liberate the world from its bondage to sinfulness. The Pharisees question the validity of His testimony, to which Jesus claims the Father as a corroborating witness (v. 13-18). John in his Gospel portrays as the embodiment and fulfillment of the

Scriptures and the light coming into the world (Jn 1:4-5). Jesus is light and acts according to the principles of light, while His opponents are in the dark and they act accordingly. Self-righteousness results in spiritual blindness and prevents from recognising one's sinfulness. Such a person needs to submit oneself to be freed by the Son. To reject Jesus and His teachings is to remain ignorant of God and of God's ways. He told the Jews that when they lifted Him up to death on the Cross, they would realise His status with the Father in heaven. Jesus' glorification after His resurrection from the dead would serve as the definitive proof of His claim to be light of the world, and the Son of God. Jesus insists that the root of the problem is that the general crowd of the Jews really does not know Him or the Father. Indeed they do not do so because they are from below with all accompanying ignorance and limitations, while Jesus is from above (v. 19-24). Only by believing in Jesus can one be saved. A personal reading and deep reflection in prayer can foster true faith in Jesus. Christian faith is not time-pass, or a mere Sunday practice, but a daily recurring experience. Jesus and His teachings need to become part and parcel of one's daily life. Conviction in Jesus as the Son of God need to permeate all events of life, both in joy and in sorrow.

Reflection: Br. JOSEPH FERNANDO FSC, India.

014. Frère GALLIQUE
(18/11/1833 – 24/03/1894)

Anh Jean Croizet sinh ngày 18/11/1833 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Clermont với tên Dòng là Frère GALLIQUE.

- Đến Việt Nam lần đầu ngày 27/03/1869. Dạy tại Collège Adran, Sài Gòn từ 1869-1873. Rời Việt Nam ngày 01/11/1873.
 - Qua Việt Nam lần hai ngày 01/07/1874. Hiệu Trưởng trường ở Mỹ Tho từ 1874-1878. Rời Việt Nam tháng 08/1878.
- Frère GALLIQUE qua đời ngày 24/03/1894 tại Pháp, hưởng thọ 61 tuổi.

Ngày 25 Tháng 3

Ngày 25/3/2026

Lễ Truyền Tin

Is 7,10-14 ; 8,10 Dt 10,4-10

Lc 1,26-38

³⁸ *Bấy giờ bà Ma-ri-a nói với sứ thần: “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Người thực hiện cho tôi như lời sứ thần nói.” Rồi sứ thần từ biệt ra đi. (Lc 1,38)*

Bài Suy Gẫm số 112. Điểm 1: Sự Khiêm Nhường Của Đức Maria.

Cùng với toàn thể Giáo hội, chúng ta hãy tung hô vinh dự làm Mẹ Thiên Chúa, mà Đức Trinh Nữ Rất Thánh lãnh nhận hôm nay, – là vinh dự cao quý nhất mà một thụ tạo tầm thường có thể nhận. Theo chứng tá của thánh Ambrôsiô, chính lòng tin mạnh mẽ và xuất sắc của Đức Maria, đã đem lại cho Mẹ ưu điểm này; với tư cách này, Mẹ đáng được chính các thiên thần kính trọng, – dù các vị có bản thể trời vượt, nhưng lại thấp hơn Mẹ, xét về tước phẩm mà Mẹ đã nhận trong ngày này. Tuy nhiên về phần Mẹ, phẩm tước này chỉ là dịp để Mẹ tự hạ mình thôi, vì vừa nghe sứ thần phán và tôn vinh rằng Mẹ sẽ làm Mẹ Thiên Chúa, Đức Trinh Nữ tuyệt vời chẳng có lời đáp nào khác hơn: *“Tôi đây là nữ tỳ của Chúa”* (Lc 1,38). Do đó mà thánh Ambrôsiô không thể bỏ dở việc lấy đó làm đề mục để ngạc nhiên rằng, từ miệng của Đức Trinh Nữ Rất Thánh, lại có một câu trả lời như thế, đúng vào lúc Mẹ được chọn làm Mẹ Thiên Chúa.

Hôm nay, chúng ta hãy biến gương vĩ đại này thành mối lợi và ước chi mọi ơn sủng mà Thiên Chúa thương ban cho chúng ta, dù có trọng đại đến đâu, cũng phải khiến chúng ta tự khiêm tự hạ trước mặt mọi người.

Reflecting on the speciality of the annunciation of Our Lord's incarnation as a human Being, St. De La Salle highlights first of all the Faith and Humility, Mary exhibited when the angel informed her of God's plan for her. She did not hesitate to clarify her doubts, but expressed her immediate willingness to be 'handmaid of the Lord.' God the Son, having been equal with the Father in everything from eternity did not cling on to his divine status, but willingly took the human form to be born of Mary. He lived among us with human flesh and blood, spoke about God's plan for the humanity, reached out in genuine love to the poor and needy and finally offered Himself as sacrifice for our sins. Thus by His incarnation, Jesus fulfilled the plan of God. On our part, we ought 'to enable the Son of God to fulfill in our regard that which He sought to do on behalf of all mankind, namely to destroy sin completely.' Through His incarnation, Jesus tells us, "I have come so that you (they) may have life, and have it more abundantly." By His sufferings, death on the cross, and resurrection, Jesus has won back our freedom from sin, made us blameless before God. We are no longer exiles or aliens, but fellow citizens of the saints in Heaven. We have become part of the household of God. Hence for us today is a day of joy and benediction. Let us sing psalms and play music in praise of God for His abounding mercy towards us. "Let us profit by so great an example (of Mary), and may graces we receive, be they ever so precious, serve only to humble us, make us consider ourselves the lowest of all." (DLS Med. 112.1).

Reflection: Br. JOSEPH FERNANDO FSC, India.

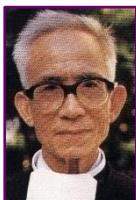
158. Frère DOSITHÉE-XAVIER
(09/04/1901 – 25/03/1992)

Anh Louis-Mathurin Puren sinh ngày 09/04/1901 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Vimiera với tên Dòng là Frère DOSITHÉE-XAVIER.

- Đến Việt Nam năm 1939. Rời Việt Nam năm 1952.

Frère DOSITHÉE-XAVIER qua đời ngày 25/03/1992, hưởng thọ 91 tuổi. An táng tại Pháp.



156. Frère GIRARD-GÃM Nguyễn Xuân Nhơn
(20/10/1926 – 25/03/2003)

Anh Pierre Nguyễn Xuân Nhơn sinh ngày 20/10/1926 tại Chánh Thanh, Qui Nhơn. Con ông François Mai và bà Marie Sang.

Vào Sơ Tập Viện Nha Trang ngày 03/07/1943. Vào Tập Viện Đồi La San Nha Trang ngày 25/07/1943 và nhận Áo Dòng ngày 01/02/1944 (đoàn 57) với tên Dòng là Frère GIRARD-GÃM. Số Danh bộ là J26148. Khấn lần đầu ngày 02/02/1945 tại Nha Trang và nhập Học Viện Nha Trang cùng ngày. Khấn trọn đời ngày 01/09/1951 tại Nha Trang.

Frère GIRARD Nguyễn Xuân Nhơn qua đời ngày
25/03/2003 tại Úc, hưởng thọ 77 tuổi với 59 năm trong
Đòng. An táng tại Úc.

Ngày 26 Tháng 3

Ngày 26/3/2026

Thứ Năm sau Chúa Nhật V Mùa Chay

St 17,3-9

Ga 8,51-59

59 Họ liền lượm đá để ném Người. Nhưng Đức Giê-su lánh đi và ra khỏi Đền Thờ. (Ga 8,59)

Bài Suy Gẫm số 28. Điểm 1: Các Vết Thương Trên Người Chúa Giêsu Là Những Chứng Tích Vinh Quang.

Anh [Chị] Em hãy thờ lạy năm Dấu Thánh của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, và hãy chú ý rằng, Người chỉ giữ những dấu này trên thân xác chí thánh của Người, như là những chứng tích chiến thắng khả hoàn của Người trên hỏa ngục và tội lỗi; nhờ những đau khổ và cái chết của Người, Chúa Giêsu đã kéo con người thoát khỏi nơi tối tăm ấy. Thánh Phêrô nói: *“Anh em hãy biết rằng không phải nhờ những của chóng hư nát như vàng bạc mà anh em đã được cứu thoát khỏi lối sống phù phiếm do cha ông anh em truyền lại. Nhưng anh em đã được cứu chuộc nhờ bửu huyết của Con Chiên vẹn toàn, vô tỳ tích, là Chúa Giêsu Kitô”* (1Pr 1,18-19). Và chính các dấu thánh, nơi Máu châu báu đã tuôn ra, nhắc cho chúng ta nhớ lại ân huệ thật phi thường này.

Anh [Chị] Em hãy nâng nhìn ngắm đối tượng thánh này; hãy xem các vết thương trên thân xác của Đấng Cứu Rỗi Anh [Chị] Em như những cửa miệng, đang trách tội lỗi

của Anh [Chị] Em, và đang nhắc Anh [Chị] Em nhớ lại tất cả những gì Người đã cam chịu để tẩy sạch các tội ấy.

“Do not have any anxiety about the future. Leave everything in God’s hands for he will take care of you.” (Letter 101)

Both Abraham and Jesus stepped out in faith when God called. Abraham left his homeland and everything that was familiar, trusting that God would bring him safely to his journey’s end, wherever that might be. In the Garden of Gethsemane, Jesus surrendered his life into the Father’s hands. We, too, are called to trust God, but how can we? We must start by appreciating what God has promised. The key to God’s covenant was God’s promise to Abraham. Abraham, who seemed destined to die without an heir, became the father of countless descendants filling the earth. The same is true of Jesus, through whom all are heirs to everlasting life. Ultimately, all we can rely on is God’s promise. There is nothing that we cannot overcome with divine help. That is God’s promise. Throughout his life, De La Salle depended on God’s Providence and allowed the Spirit to lead him.

PRAYER: Lord, I believe your promise — help me to overcome the doubts that often trouble me.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

123. Frère CÉCILIOUS (05/03/1880 – 26/03/1959)

Anh Henri Clénet sinh ngày 05/03/1880 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Nantes với tên Dòng là Frère CÉCILIOUS.

- Đến Việt Nam năm 1905.
Frère CÉCILIOUS qua đời ngày 26/03/1959 tại Đà Lạt,
hưởng thọ 79 tuổi. An táng tại Đà Lạt.



157. Frère NORBERT-NAM Nguyễn Văn Chói
(30/05/1908 – 26/03/2003)

Anh Antoine de Padoue Nguyễn Văn Chói sinh ngày 30/05/1908 tại Mỹ Luông, An Giang. Con ông Pierre Nguyễn Văn Ban và bà Marthe Nguyễn Thị Hồng.

Vào Sơ Tập Viện Huế ngày 25/02/1926. Vào Tập Viện Huế ngày 26/07/1928 và nhận Áo Dòng ngày 18/03/1929 (đoàn 41) với tên Dòng là Frère NORBERT-NAM. Số Danh bộ là J08112. Khấn lần đầu ngày 19/03/1930 tại Huế và nhập Học Viện Nam Định ngày 20/03/1930. Khấn trọn đời ngày 12/07/1936 tại La San Taberd.

Frère NORBERT Nguyễn Văn Chói qua đời ngày 26/03/2003 tại Mai Thôn, hưởng thọ 95 tuổi với 74 năm trong Dòng. An táng tại nghĩa trang La San Mai Thôn.



ĐIỀU VĂN

Kính thưa Quý Cha chủ tế,
Kính thưa quý vị Tu sĩ nam nữ,
Kính thưa Anh Chị em thân mến,
“Không ai trong chúng ta sống cho chính mình...” (Rm 14, 7-8)

Khi nói như thế với những tín hữu Rô-ma, với các ông và các bà tranh luận và hỏi nhau về điều mà Thiên Chúa đòi hỏi nơi họ, thánh Phao-lô nói điều thực sự quan trọng đó chính là họ sống và chết cho Thiên Chúa, thay vì cho chính họ. Khi đề nghị với chúng ta bài đọc ngày hôm nay, Giáo hội nhắc nhở chúng ta rằng, tất cả chúng ta đều được mời gọi yêu thương và phục vụ Thiên Chúa hết lòng, hết trí của chúng ta. Sống hay chết, chúng ta đều thuộc về Thiên Chúa.

Chúng ta thuộc về Đức Kitô, Đấng từ kẻ chết sống lại. Sự cam kết trọn vẹn của chúng ta với Thiên Chúa là nguồn của sự hiệp nhất của chúng ta với tư cách là người Kitô hữu.

Vào ngày 30/05/1908, tại làng Mỹ Luông Tỉnh An Giang một em bé chào đời trong một gia đình công giáo

đức hạnh, gồm có 9 anh chị em: 6 trai, 3 gái mà anh Chói là con thứ ba. Hiện nay, Frère Chói còn hai người em, nhưng tuổi già sức yếu, không thể đến dự tang người anh của mình được.

Anh Chói có một người chú làm linh mục và rất quen biết với các Frères trường Thánh Phanxicô Xaviê Sóc Trăng. Ngài giới thiệu cậu Chói với Frère Hiệu Trường, người chấp thuận ngay vì thấy cậu Chói vừa hiền vừa ngoan.

Vào năm 20 tuổi, cậu An-tôn Chói xin gia nhập Dòng La San và nhận lãnh áo Dòng năm 21 tuổi dưới tên là Frère Norbert-Nam. Những người đồng thời của Frère vẫn còn nhớ một điều là có gì khó khăn thì cứ kêu anh Chói là mọi việc xong ngay. Và anh Chói không bao giờ từ chối phục vụ.

Sự nhập Dòng của cậu Chói là cả một sự nhớ nhung của gia đình vì trong suốt 10 năm ở Huế, rồi Nam Định, Frère Norbert không được về thăm gia đình lần nào. Mỗi lần gia đình nhận được lá thư của người con từ Huế, ai cũng rung rung nước mắt.

95 tuổi đời với 74 tuổi Dòng, sự ra đi của Frère Norbert là một lời mời gọi chúng ta suy nghĩ về ý nghĩa cuộc đời chúng ta và về chất lượng của lòng trung thành của chúng ta.

Frère Norbert là một Frère La-san đến tận xương tủy. Xác nhận sự thật này là điều quan trọng: trong 74 năm mang màu áo LaSan - điều đó luôn luôn đối với ngài còn quan trọng hơn là chức vị Huynh Trưởng Cộng đoàn, Giám Tỉnh, Tổng quyền hay một Frère được nhiều người biết đến.

Căn tính Frère La San của ngài đã được nhào nặn bằng sự tổng hợp cá nhân mà ngài đã thực hiện bằng những yếu tố cấu thành ơn gọi La San của chúng ta. Ngài đã sống hết

mình sự tận hiến này cho Thiên Chúa Ba Ngôi là trọng tâm của ơn gọi chúng ta. Đó là một con người cầu nguyện. Ngài luôn luôn biểu lộ ý nghĩa thuộc về nhà Dòng rất mạnh, Dòng mà Ngài rất mực hãnh diện. Đó là một người tông đồ, dù trong thừa tác vụ nào được mời gọi thực hiện, ngài cũng hiến mình qua việc phục vụ giới trẻ nhất là giới trẻ nghèo. Lòng nhiệt thành của ngài không giới hạn ở những công việc đặc thù của Dòng trước kia là dạy học.

Trong suốt thời gian dài ở Nha Trang, từ năm 1947-1963, âm thầm, khiêm tốn, tươi cười vui vẻ, ngài làm một nghề mà có lẽ không một bạn trẻ nào nghĩ đến và chắc cũng chẳng chấp nhận làm như thế khi đi tu La San: nghề vá giày. Ngày này qua ngày khác, công việc chính của ngài là vá lại những đôi giày há mõm, mòn đế của các Frères hay của những anh em nhà đệ tử, Tập sinh.

Sau khi rời Nha Trang, ngài đến Thủ đức, BMT, Nhà hưu Mai Thôn, LS BMT, Cầu xáng, Sóc Trăng... Đâu đâu, ngài cũng chỉ làm những công việc hết sức bình thường: trồng cây, chăn nuôi, hớt tóc hoặc dạy hớt tóc. Hiện nay có người anh em chúng ta hớt tóc khéo cũng là nhờ Frère. Norbert truyền nghề. Đặc biệt, đúng giờ là nét đặc thù Frère Norbert.

Tôi thiết tưởng rằng tôi có thể kết luận nơi đây bằng những lời của Đức Thánh Cha Piô thứ XII nói về Thánh Bá Ninh: *“Đáng Thánh làm những công việc bình thường một cách phi thường.”*

Trong suốt cuộc đời, Frère Norbert đã trung thành đi theo con đường đó.

Tôi xin được phép ngỏ lời một cách đặc biệt cùng Frère Norbert: Nhân danh Dòng La San nói chung và anh em La San Việt nam nói riêng, tôi hết lòng cảm ơn Frère. Trong cuộc sống âm thầm của Frère, Frère đã không ngừng hiến

cái tốt nhất của mình cho các con cái của Thánh Gioan La-san, nơi những ngôi trường mà Frère đã trải qua, cũng như trong các nhà đệ tử, với những Frère hợp tác trong chức vụ rao giảng Tin Mừng. Frère đã mang lại cho Hội Dòng, cho các Tu sĩ và tất cả những người mà Frère quen biết một gương mẫu nhiệt thành, hiền hòa, thánh thiện mà bất kỳ ai đã một lần gặp Frère cũng đánh giá cao. Frère là hạt giống rất tốt của Tỉnh Dòng La San Việt-nam được gieo vào lòng đất. Mong sao hạt giống này sản sinh hàng trăm, hàng ngàn hoa trái.

Nguyên xin Thiên Chúa là phần thưởng cho Frère.

Chúa Giê-su ngự trị lòng ta! Luôn luôn!

Frère Grégoire Nguyễn Văn Tân, FSC



**165. Frère JULES-KÝ Nguyễn Chí Hòa
(09/03/1918 – 26/03/2006)**

Anh Jean-Baptiste Nguyễn Chí Hòa sinh ngày 09/03/1918 tại Đỗ Thượng, Hưng Yên. Con ông Jean-Baptiste Nguyễn Văn Bổng và bà Marie Nguyễn Thị Hiệu.

Vào Sơ Tập Viện Huế ngày 29/03/1933. Vào Tập Viện Đồi La San Nha Trang ngày 16/08/1936 và nhận Áo Dòng ngày 18/03/1937 (đoàn 49) với tên Dòng là Frère JULES-KÝ. Số Danh bộ là J18147. Khấn lần đầu ngày 19/03/1938 tại Nha Trang và nhập Học Viện Huế ngày 20/03/1938. Khấn trọn đời ngày 20/07/1943 tại Sài Gòn.

Frère JULES Nguyễn Chí Hòa qua đời ngày 26/03/2006 tại Ban Mê Thuột, hưởng thọ 88 tuổi với 69 năm trong Dòng. An táng tại Ban Mê Thuột.

[hình mộ]

Tưởng nhớ
Frère Jules NGUYỄN CHÍ HÒA

Kính thưa Quý Cha Tổng đại diện,
Kính thưa Quý Cha,
Kính thưa Quý tu sĩ nam nữ và cộng đoàn Dân Chúa.

Trong thư gửi cho Giáo đoàn Rôma thánh Phaolô có viết:
“*Không ai trong chúng ta sống cho chính mình...*” (Rm 14,7-8).

Khi nói như thế với những tín hữu Rôma, với các ông và các bà tranh luận và hỏi nhau về điều mà Thiên Chúa đòi hỏi nơi họ, thánh Phaolô nói điều thực sự quan trọng đó chính là họ sống và chết cho Thiên Chúa, thay vì cho chính họ.

Thực là hợp lý khi suy nghĩ cuộc đời của Frère Jules Hòa theo ánh sáng của những bài đọc Kinh Thánh ngày hôm nay. Ngài là một con người thực sự đã sống cho Thiên Chúa và đã chết cho Thiên Chúa. Qua cuộc sống cũng như qua cái chết của ngài, ngài thuộc về Thiên Chúa. Ngài đã sống sự tận hiến của ngài với Thiên Chúa với một đức tin sâu đậm và với một sự cam kết không làm cho mình mất mát gì cả. Là người rất thông minh, một nhà thần học và cũng là một triết gia và với tinh thần đức tin, ngài thực sự “*nắm được tình hình*”. Là người rất ham

đọc sách và tư tưởng gia có yêu cầu cao, ngài vẫn còn nhậy bén đến giờ phút cuối đời.

Frère Jules Hòa là một Frère Lasan đến tận xương tủy. Xác nhận sự thật này là điều quan trọng: trong 70 năm là Frère mang màu áo Lasan – điều đó luôn luôn đối với ngài còn quan trọng hơn là chức vụ Bề Trên nhà, Giám Tỉnh, Tổng quyền hay bất kỳ một chức vụ nào khác trong Dòng.

Căn tính Frère của ngài đã được nhào nặn bằng sự tổng hợp cá nhân mà ngài đã thực hiện bằng những yếu tố cấu thành ơn gọi Lasan. Sự tích hợp này hiển nhiên nhìn nhận đối với hết mọi người quen biết ngài.

Ngài đã sống hết mình sự tận hiến này cho Thiên Chúa Ba Ngôi là trọng tâm của ơn gọi Lasan. Đó là một con người cầu nguyện. Ngài luôn luôn biểu lộ ý nghĩa thuộc về nhà Dòng rất mạnh, Dòng mà ngài rất mực hãnh diện. Đó là một người tông đồ, dù trong thừa tác vụ nào được mời gọi thực hiện, ngài cũng hiến mình cho việc giáo dục giới trẻ nhất là giới trẻ nghèo.

Nhưng lòng nhiệt thành của ngài không giới hạn ở những công việc đặc thù của nhà Dòng. Với tư cách là thành viên của Hội Dòng La San, ngài đã cộng tác một cách hăng say vào mục vụ và sứ vụ loan báo Tin Mừng của Giáo hội địa phương.

Tôi xin được phép ngõ lời một cách đặc biệt cùng Frère Jules Hòa: *“Nhân danh Dòng La San, tôi hết lòng cảm ơn Frère. Cảm ơn Frère đã không ngừng hiến cái tốt nhất của mình cho các con cái của Thánh Gioan La San, cũng như trong các họ đạo, nơi Frère hợp tác trong chức vụ rao giảng Tin Mừng. Frère đã mang lại cho Hội Dòng các Tu sĩ và giáo dân một sự hợp tác trường kỳ và được đánh giá cao trong giáo phận Ban Mê Thuột này. Nguyện*

xin Thiên Chúa là phần thưởng cho Frère, và xin Người ban cho Frère nhiều ơn thánh!”.

Mong khi hạt giống này được gieo vào lòng đất “ngọn cò Lasan sẽ phát phối trên vùng trời Dak-lak” như Frère vẫn thường nói.

Trước khi dứt lời, con xin thay mặt Anh Em La San cảm ơn hai Đức Cha, quý Cha, quý tu sĩ nam nữ và toàn thể giáo dân giáo phận Ban Mê Thuột đã đồng hành với người Anh Em của chúng con trong gần 50 năm qua. Chúng con hy vọng rằng trong tương lai, tình nghĩa giáo phận Ban Mê Thuột với La San ngày một bền chặt.

Xin kính chào.

Frère Nguyễn Văn Tân, fsc

VÀI HÀNG THƯƠNG NHỚ **Frère JULES NGUYỄN CHÍ HÒA**

Đối với đa số Anh Em La San Việt Nam ngày nay, tên Frère Jules như được gắn liền với tên Buôn Ma Thuột, nơi cộng đoàn La San đầu tiên đã đối diện với bộ máy quân sự miền Bắc khởi sự tấn công miền Nam vào tháng ba 1975. Tất cả cộng đoàn đã được đưa vào sống trong rừng với bộ đội khoảng hơn một tháng trời... Chắc phải có (hay đã có?) một anh em nào đó của cộng đoàn còn sống sót thuật lại cho chúng ta hay những khó khăn, thử thách anh em đã gặp vào một thời vô cùng đặc biệt có một không hai, thời mà câu nói nổi tiếng xưa “*Vaevictis*” (khốn cho kẻ bại) có thể bị áp dụng dưới nhiều hình thức... Dầu sao cách ứng xử của Huynh Trưởng khi đó, cũng như trong những năm tháng tiếp ngay sau, đã phải rất xuất sắc để sau này tên Jules Nguyễn Chí Hòa được các cán bộ đối phương, cũng như các nhân vật công giáo

miệt cao nguyên kính nể. Những lúc trò chuyện thân mật sau này, tôi có dịp hỏi Frère Jules: “*Khi đó anh có sợ không? – Có gì mà sợ! Tôi chả sợ ai...*”.

Nhân chuyện này tôi lại nhớ tới chuyện anh sinh viên Nguyễn Chí Hòa khi còn ở Paris, đã cùng một số bạn bè đi “*đón*” phái đoàn miền Bắc, sang ba hoa tại Thủ Đô Ánh Sáng... Biết xác tín và tính tình Frère Jules, anh em có thể đoán Frère Jules “*đón*” thế nào... Tuy gần cùng một thế hệ, tôi đã không được cùng sống với Frère Jules trong một cộng đoàn, song tôi biết tiếng Frère Jules như là một nhà giáo, đặc biệt một vị Giám học nghiêm khắc, ở Mossard, ở Taberd. Với Frère Jules, không thể đùa với kỷ luật. “*Ê, Jules tới tụi bay...*”. Học sinh sợ Frère song lại mến vì biết Frère hy sinh cho các em, săn sóc các em. Frère tin ở sứ mạng Lasan, sống, làm việc với những nguyên tắc của giáo dục Lasan đã hấp thụ được trong thời kỳ huấn luyện và qua việc tu đức theo linh đạo Lasan, tính Frère thẳng thắn, lạc quan, dám nói, dám làm, không biết sợ là gì, như Frère thường hay nói. Trong những năm tháng nằm trên giường bệnh, Frère đau nhức lắm, song tôi không bao giờ nghe thấy Frère than phiền, trách móc, Frère còn muốn sống vì công việc còn dở dang, song Frère tuyên bố không sợ chết và cuối cùng đặt tin tưởng nơi Chúa.

Ước gì Chúa ban cho chúng ta được nhiều anh em như Frère Jules.

Frère Raymond Đặng Văn Hình

Vài kỷ niệm về Bê Trên Jules Hòa

Bê Trên Giám Tỉnh có yêu cầu tôi ghi lại vài kỷ niệm về Bê Trên Jules Hòa.

Tôi không sống chung cộng đoàn với Bề Trên Jules nên không biết nhiều lắm về ngài, tuy nhiên, những dịp gặp gỡ, làm việc chung, cũng đủ để lại cho tôi một ấn tượng mạnh về một tu sĩ nghiêm túc, một nhà giáo rất yêu nghề, một Sư huynh La San luôn luôn hãnh diện về ơn gọi của mình. Vì vậy mà Bề Trên Jules được mọi người kính nể: giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân, phụ huynh, học sinh, cựu học sinh... Cả chính quyền.

Bề Trên Jules là một con người có những nguyên tắc sống và làm việc rõ ràng. Ngày 10 tháng 3 năm 1975, Ban Mê Thuật thất thủ, trường Trung Học La San bị chiếm đóng, các Sư huynh bị bắt và đưa vào rừng. Trong hai ba tuần lễ, anh em sống trong bất an, không biết sự gì sẽ xảy ra. Rồi cộng đoàn được đưa trở lại trường nhưng phải xuống ở nhà chứa xe (gara). Bề Trên Jules động viên tinh thần anh em, quyết tâm ở lại chia sẻ số phận của giáo phận, cùng với Đức Cha, các cha, các tu sĩ, giáo dân. Sự gắn bó đó với giáo phận đã làm cho các Sư huynh được cảm tình đặc biệt của mọi người.

Cộng đoàn ở lại, nhưng không khép kín trên mình, sẵn sàng tham gia các công tác chung, cách riêng mục vụ giáo lý: chính Bề Trên Jules cũng nhận dạy giáo lý tại Nhà thờ chánh tòa, nhiều cộng đoàn, tu sĩ cũng mời ngài tới giảng. Người ta không tới để nghe những gì cao siêu, nhưng để nghe một con người xác tín về những gì mình nói, vì đó là những gì mình sống.

Một nét nổi bật nữa làm người ta kính nể Bề Trên Jules đó là tính ngay thẳng của ngài. Ông không sợ nói thẳng ý nghĩ của mình trong các cuộc trao đổi, cả với chính quyền. Ông không ngại đi gặp các cấp trên khi bị các cấp trên dưới làm khó dễ. Thành ra người ta có thể bất đồng ý kiến với ngài, không ưa ngài – nhưng vẫn phải kính nể ngài. Tôi muốn ghi lại đây một câu chuyện cho thấy ông

“*cúng*” như thế nào. Sau 1975, tôi lên thăm Buôn Ma Thuột. Lúc đó cộng đoàn đang ở nhà gara trên đồi và sống bằng nghề trồng đậu phụ trên khu đất trống sau trường. Bê Trên Hàm lúc đó còn là Frère trẻ, mỗi ngày phải đạp xe đạp mười cây số tới trại cura để khuôn gỗ. Đây là lần thăm viếng cộng đoàn đầu tiên của tôi. Trong một hoàn cảnh đặc biệt như lúc này, người ta có thể đoán được niềm vui gặp gỡ của chúng tôi. Tôi đến, anh em dẫn tôi vào ngủ ở một góc nhà, với các mặt bàn bằng đá, bằng gỗ dựng nên chung quanh giường!... “*Sợ ban đêm bên trường học bắn sang*”. Thì ra thỉnh thoảng, bên trường họ bắn sang, lấy có có Fulro về (Fulro là một tổ chức người dân tộc, đòi tự trị, có từ trước 1975). Có lần đạn đã xuyên qua mùng Frère Hàm. Có Fulro thật không? hay đó chỉ là để buộc mình phải bỏ đi chỗ khác? Cái chắc là họ phải ngửa mắt mỗi sáng thấy các thầy dòng áo đen cổ trắng băng qua sân trường, đi lễ nhà thờ giáo xứ Kim Mai dưới chân đồi. Tôi thấy tình hình không ổn và đề nghị Bê Trên Jules tìm ra một giải pháp. Cuối cùng ngài chịu đi gặp Đức Cha Mai, Đức Cha đề nghị các Frères dọn về ở gần Tòa Giám Mục và đổi lại, Nhà Nước sẽ trả lại cho Nhà Chung hai gian nhà kho Caritas trước Tòa Giám Mục mà Nhà Nước đã chiếm. Nhà Chung sẽ trao lại cho các Frères. Hai gian nhà kho đó đã được anh em sửa sang lại, xây cất thêm và trở thành cơ sở La San 149 Phan Chu Trinh bây giờ. Khu nội trú có thể coi tạm xong, khu cộng đoàn còn chờ kinh phí, đó là điều mà Bê Trên Jules còn trăn trở.

Nếu giáo sĩ, giáo dân, phụ huynh, học sinh, cựu học sinh dành nhiều cảm tình cho Frère Jules thì ngài cũng gắn bó với Ban Mê Thuột, nơi ngài đã phục vụ hết mình hơn 37 năm. Khi ngã bệnh và biết mình không qua được, ngài ước ao được trở về an nghỉ bên cạnh hai Frères Placide Hòa và Salomon Hộ, hai người bạn “*đồng hội*

đồng thuyền” trên đất cao nguyên, từ những năm 70. Bề Trên Jules đã được mãn nguyện. Bề Trên sẽ mãi mãi là một gương mặt sáng chói trong lịch sử La San Ban Mê Thuột.

**Saigon 7.4.2006, Lễ Thánh Gioan La San
Frère Lucien Hoàng Gia Quảng**

Tâm tình của Cựu Học Sinh La San

Kính thưa: - Cha Tổng đại diện Đức Giám Mục Giáo phận Ban Mê Thuột,
- Cha Chính và Quý Cha Phó Giáo xứ Thánh Tâm,
- Quý Cha đồng tế,
- Quý Tu sĩ Nam, Nữ,
- Quý Sư huynh Dòng La San VN và Dòng La San Ban Mê Thuột,
- Ban Thường vụ HĐGX Thánh Tâm,
- Quý Thầy, Cô, Quý ân nhân, Quý thân nhân và toàn thể Cộng đoàn.

Trước hết anh chị em Cựu Học sinh La San Ban Mê Thuột xin tri ân và cảm tạ những tình cảm quý báu mà quý vị đã dành cho chúng tôi, đặc biệt đã giúp đỡ và tạo điều kiện để chúng tôi được hoàn thành nhiệm vụ trong tang lễ. Giờ đây, trước linh cửu của Sư huynh Gioan Baotixita, cho phép chúng tôi ít phút để chia sẻ đôi điều với người thầy khả kính của chúng tôi.

Kính thưa thầy Gioan Baotixita, chúng con gồm tất cả anh chị em Cựu Học sinh thuộc mọi khối lớp của Trường La San Ban Mê Thuột. Hoặc có mặt, hoặc vì điều kiện nào đó không thể về đây để dâng thánh lễ cầu nguyện và tiễn đưa thầy về nơi an nghỉ cuối cùng, tất cả đều nuối tiếc cho một người thầy đã vĩnh viễn ra đi, chúng con đều

đồng thanh dâng lên lời tri ân và cảm tạ chân thành nhất của chúng con, là người thầy, người anh đã hết lòng tận tụy với sự nghiệp giáo dục giới trẻ. Thầy đã chu toàn sứ mạng với lòng nhiệt thành cao độ, đem Tin Mừng vào môi trường giáo dục, theo tôn chỉ của Thánh Gioan La San, đã dấn thân vào việc phục vụ giáo dục. Chúng con cảm thấy thật may mắn và vinh dự được làm những học sinh dưới mái trường thân yêu La San. Cách riêng chúng con được sự hướng dẫn và dìu dắt của thầy, không những được tiếp thu về văn hóa mà còn được học làm người trong môi trường Kitô giáo. Thầy đã nhiều lần đề cập đến sự tối quan trọng của giáo dục trong đời sống con người, bởi chỗ đứng của tinh thần nay đã bị cuộc sống vật chất chiếm đoạt.

Nơi thầy với tấm lòng nhân hậu, đầy yêu thương đã ưu ái trong 35 năm hiện diện trên miền đất cao nguyên này, 37 năm chưa phải là dài nhưng đủ để cho các thế hệ học sinh tuân tụy vào đời. Thầy đã từ chối đến giảng dạy ở những nơi khí hậu tốt, đầy đủ tiện nghi, để đến đây với Ban Mê khí hậu khắc nghiệt, quanh năm mưa bùn nặng bụi. Để rồi cuối đời thầy gởi lại đây thân xác như hạt lúa tươi tốt đang mục nát của mình nơi cao nguyên đất đỏ này, để cho các thế hệ nối tiếp lớn lên và phát triển.

Kính thưa thầy, sau năm 1975, dù trong hoàn cảnh nào, không gian và thời gian nào, thầy cũng luôn luôn dành sự ưu ái và yêu thương đối với chúng con, cụ thể hằng ngày thầy không quên cầu nguyện cho chúng con. Đặc biệt cách đây 6 năm thầy đã làm sống lại tình thầy trò, tình thân hữu bạn bè cùng trường chùng như đã đi vào quên lãng sau nhiều năm xa cách, nhờ thế mà chúng con đã nhận ra được ưu khuyết điểm của chính mình, gặp lại những khuôn mặt quen thuộc của Thầy, Cô và bạn bè năm xưa. Hằng năm vào dịp lễ truyền thông của các nhà giáo dục La San 15/5,

trùng vào mùa hè là mùa chia tay của học sinh sau một năm học tập, thì chúng con lại được hội ngộ, tay trong tay, lòng bên lòng, nhìn nhận dĩ vãng, chia sẻ hiện tại và hướng tới tương lai.

Kính thưa thầy, thời gian được sống lại bên thầy chưa là bao mà chúng con phải chứng kiến sự đau đớn với căn bệnh nan y đã gây ra cho thầy. Dù đau đớn đến mấy, thầy vẫn lạc quan, vui vẻ chuyện trò với mọi người. Khuôn mặt khả ái đầy rạng rỡ luôn luôn tin vào Thiên Chúa đầy lòng xót thương. Điều này lại một lần nữa là gương sáng cho chúng con noi theo.

Nói sao cho hết, kể sao cho vừa, ơn sâu xa và tình nghĩa của thầy, chúng con xin ghi lòng tạc dạ và ghi nhớ những điều đã được thầy bảo ban.

Nhờ lời chuyên cầu của Thánh Quan Thầy Gioan Baotixita và của Cha Thánh Gioan La San, nguyện xin Thiên Chúa trả công bội hậu cho thầy và sớm đưa thầy về hưởng nhan thánh Chúa.

Chúng con xin kính chúc thầy ra đi bằng an. Hẹn ngày tái ngộ trên quê hương vĩnh hằng.

Chúng con đồng bái tạ.

Bùi Đình Kỳ

Hội Trưởng Hội Ái Hữu Cựu HS La San BMT

ĐT: 1/ (050) 822158 - 2/ 0914304123

Ngày 27 Tháng 3

Ngày 27/3/2026

Thứ Sáu sau Chúa Nhật V Mùa Chay

Gr 20,10-13

Ga 10,32-42

³² Người bảo họ: “Tôi đã cho các ông thấy nhiều việc tốt đẹp Chúa Cha đã giao cho tôi làm; vì việc nào mà các ông ném đá tôi?” (Ga 10,32).

Bài Suy Gẫm số 23. Điểm 2: Sự Hiền Từ Của Chúa Giêsu Đối Với Người Do Thái.

Mặc cho sự thù nghịch và âm mưu độc ác mà người Do Thái dành cho Người, Chúa Giêsu không ngừng nói với họ về bản thân một cách hiền từ mà ta có thể tưởng tượng được; có lần Người nói: “Tôi đã cho các ông thấy nhiều việc tốt đẹp Chúa Cha giao cho tôi làm; vì việc nào mà các ông ném đá tôi?” (Ga 10,32) Trong cuộc hội nghị, chính họ tuyên bố nguyên nhân: “Nếu chúng ta cứ để ông ấy tiếp tục, mọi người sẽ tin vào ông ấy” (Ga 11,48). Ngay quan Philatô cũng cho rằng Người vô tội, khi ông nói: “Ông ấy đã làm điều gì gian ác? Ta xét thấy ông ấy không có tội gì đáng chết” (Lc 23,22). Nhưng chỉ vì Chúa Giêsu Kitô đã khiển trách những thói quen tật xấu của người Do Thái, nên Người bị họ thù ghét và bị toà án của họ cho là có tội, và đáng phải chết. Mượn lời của sách Khôn Ngoan, họ nói: “Nào ta kết án cho nó chết nhục nhã” (Kn 2,20).

Anh [Chị] Em hãy thờ lạy tâm tư của Chúa Giêsu trước những mưu thâm chước độc của người Biệt Phái. Người

đã can đảm để cho các mưu toan diễn ra, vì chúng phù hợp với kế hoạch của Chúa Cha Hằng Hữu. Người nói với quan tổng trấn Philatô: “Ngài không có quyền gì đối với tôi, nếu Trời chẳng ban cho ngài” (Ga 19,11).

“Abandon yourself to God”. (Med 20.2)

We believe that Jesus is God and that he rose from the dead, then what? How will this knowledge change our lives? As we enter into Holy Week and enter into the paschal mystery of Christ’s suffering, death, and resurrection, we can confidently look beyond the Cross to see the risen Christ. So too, we can confidently look beyond our own Calvary to see the hope of Christ. Our Calvary in our time, is our day to trials and sufferings for God’s sake. Jeremiah knew God, and he trusted God. Therefore, even while he was being persecuted, Jeremiah could sing praise to God, whom he said was with him like a mighty champion. If Jeremiah could proclaim this great trust in God’s power and deliverance, how much more should we be able to rely on him? We will face our own Calvary, perhaps several of them, but we know that Jesus is, “The Son of God”. Throughout any and all hardships we may face in our lives, we know that we can rely on God, the Father, Son, and Holy Spirit. De La Salle tells us to take courage in the love of suffering and the love of interior and exterior trials from which we must not expect to be exempt in this life.

PRAYER: Father God, let me increase the trust I have in you when I go through difficult times.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

Ngày 28 Tháng 3

Ngày 28/3/2026

Thứ Bảy sau Chúa Nhật V Mùa Chay

Ed 37,21-28

Ga 11,45-57

⁴⁸ “*Nếu chúng ta cứ để ông ấy tiếp tục, mọi người sẽ tin vào ông ấy, rồi người Rô-ma sẽ đến phá hủy cả nơi thánh của ta lẫn dân tộc ta.*” (Ga 11,48)

Bài Suy Gẫm số 23. Điểm 3: Sự Thận Trọng Giả Tạo Của Người Do Thái.

Khi muốn giết Chúa Giêsu, người Do Thái trong Thượng Hội Đồng còn nêu thêm lý do sợ rằng “*Nếu chúng ta cứ để ông ấy tiếp tục, mọi người sẽ tin vào ông ấy*” – tức đi theo Người và tôn vinh Người như một vị vua – “ *rồi người Rô-ma sẽ đến phá hủy cả nơi thánh của ta lẫn dân tộc ta*” (Ga 11,48). Về việc này, thánh Augustinô cho rằng họ như đui mù, vì chính do họ đã tỏ ra độc ác đối với Đấng Được Thiên Chúa Xức Dầu, mà thành phố của họ mới bị quân Rô-ma vây hãm và chiếm lấy, bị phá hủy đến nỗi “*không còn tảng đá nào trên tảng đá nào*” (Mc 13,2), như Chúa Giêsu Kitô đã tiên báo; theo lời chứng của Josephus, một nhà văn thuộc nhóm Biệt Phái đã sống vào thời đó, điều này chỉ xảy ra là vì họ đã giết Chúa Giêsu Kitô.

Đường lối thông thường của Thiên Chúa là phá đổ các kế hoạch của con người, khiến dự tính của họ bị đảo lộn, để họ học biết phải tin tưởng và phó thác hoàn toàn vào sự

Quan Phòng của Người, không tự ý làm bất cứ điều gì, nhưng phải ước muốn chỉ điều Thiên Chúa muốn mà thôi.

“It is impossible to please God if you do not live on friendly terms with others.” (Letter 47)

What would be your reaction if someone you know has achieved greatness? Will you envy and eventually decide to bring down this person? Or you will be happy for his/her success and you will even wish him/her more success. What if the Pharisees did not envy Jesus? What if they simply had a dialogue with Jesus so that they could work hand in hand to help the poor? The Pharisees could have been an agent of positive change in the lives of the poor. However they chose to allow the devil to sow envy and greed in their hearts. Hence, they committed a despicable crime of killing an innocent man in Jesus. Can envy and greed do us any good? No, it will not do us any good, it will only push us to do evil just as the Pharisees did to Jesus. Let us therefore weed out any feeling of envy and greed in our hearts. Instead of being envious let us be happy with those who succeed. Instead of being greedy, why not be generous?

PRAYER: Lord, remove the feeling of envy from me.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

Ngày 29 Tháng 3

Ngày 29/3/2026

CHÚA NHẬT LỄ LÁ Kiệu Lá Năm A

Mt 21,1-11

⁸ Một đám người rất đông cũng lấy áo choàng trải xuống mặt đường, một số khác lại chặt nhành chặt lá mà rải lên lối đi. ⁹ Dân chúng, người đi trước kẻ theo sau, reo hò vang dậy: “Hoan hô Con vua Đa-vít! Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Đức Chúa! Hoan hô trên các tầng trời.” (Mt 21,8-9)

Bài Suy Gẫm số 22. Điểm 1: Hãy Công Hiến Mọi Hoạt Động Của Chúng Ta Cho Đức Vua Giêsu.

Như thánh Augustinô nói, Chúa Giêsu Kitô đến trái đất để ngự trị không như các vua chúa khác, đòi lễ vật triều cống, thành lập quân đội, và hiển nhiên là đánh quân thù; vì Người đã quả quyết rằng “*nước của Người không phải ở thế gian này*” (Ga 18,36); nhưng Người đến để lập vương triều của Người trong các tâm hồn, như chính Người đã từng nói trong Tin Mừng rằng “*triều đại của Người đang ở giữa chúng ta*” (Lc 17,21).

Đề Chúa Giêsu Kitô ngự trị trong tâm hồn mình, Anh [Chị] Em phải triều cống cho Người các việc làm của Anh [Chị] Em, phải thánh hiến chúng cho Người, và chỉ làm những gì đẹp lòng Người mà thôi; khi thực hiện các công việc của mình, Anh [Chị] Em chỉ nhằm thi hành Thánh Ý Thiên Chúa đang chỉ đạo chúng, để chúng không còn mang tính chất con người. Vì triều đại của Chúa Giêsu

Kitô là do Thiên Chúa, nên những gì có liên hệ đến nó thì phải, hoặc thuộc thần linh, hoặc phải được thần thánh hóa, nhờ mối quan hệ với Chúa Giêsu Kitô. Như Người đã chứng tỏ nhiều nơi trong Tin Mừng, mục tiêu chính khi Người đến thế gian này, là *“không phải để làm theo ý Người, nhưng để làm theo ý Đấng đã sai Người”* (Ga 6,38); vậy Chúa Giêsu cũng muốn Anh [Chị] Em, là những chi thể và chur hầu của Người, phải lấy tư cách đó mà hiệp nhất với Người, và phải đặt mục tiêu nói trên trong các hành động của Anh [Chị] Em. Hãy kiểm điểm xem những hành động Anh [Chị] Em sắp làm có nhắm mục tiêu ấy không?

“Hope of salvation should serve as your helmet and the Word of God as shield.” (Med 22.3 Palm Sunday)

Let us walk with our Lord today into that holy city of Jerusalem. The events that took place there two millennia ago transcend and permeate all time. As a result, the events of Holy Week today are just as significant as they were long ago. We walk with our Lord, witness all He accomplished, receive His Body and Blood sacrificed on the Cross and memorialized in the Eucharist, and are resurrected with Him on the third day. Let us commit ourselves to this journey today, an eternal pilgrimage with our Lord to the Eternal City of Heaven. Palm Sunday confronts us with God being disruptively different; God the revolutionary. We see God who takes on the pain, who walks the journey of Holy Week, deeper and deeper into a darkness we cannot enter. Here is the challenge of Palm Sunday: in trusting in Jesus, the Servant King, we are set on a path of following his life and pattern, right to the Cross, so we too might experience the glorious resurrection.

PRAYER: Jesus, let this Holy week journey bring a transformation in me.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

**074. Frère ÉTIENNE-JOURDAIN ... Tô
(28/03/1886 – 29/03/1971)**

Anh Stéphane ... Tô sinh ngày Chúa Nhật 28/03/1886 tại Cầu Kho, Sài Gòn. Con ông Jacques Minh và bà Marie Ngoan.

Vào Tập Viện Thủ Đức ngày 17/08/1903 và nhận Áo Dòng ngày 01/11/1903 (đoàn 13) với tên Dòng là Frère ÉTIENNE-JOURDAIN. Khấn lần đầu ngày 02/11/1904 tại Thủ Đức và nhập Học Viện Thủ Đức cùng ngày. Khấn trọn đời năm 1917.

Frère ÉTIENNE ... Tô qua đời ngày Thứ Hai 29/03/1971 tại Thủ Đức, hưởng thọ 85 tuổi với 68 năm trong Dòng. An táng tại nghĩa trang Chí Hòa, mộ số 7 dãy B.

[hình mộ]

Ngày 30 Tháng 3

Ngày 30/3/2026

Thứ Hai Tuần Thánh

Is 42,1-7

Ga 12,1-11

¹⁰ Các thượng tế mới quyết định giết cả anh La-da-rô nữa,
¹¹ vì tại anh mà nhiều người Do Thái đã bỏ họ và tin vào Đức Giê-su. (Ga 12,10-11)

Bài Suy Gẫm số 27. Điểm 1: Chúa Giêsu Chịu Sầu Khổ Trong Linh Hồn.

Không ai có thể tưởng tượng được những nỗi thống khổ của Chúa Giêsu Kitô trong cuộc Thương Khó của Người lớn đến mức nào. Người đã chịu đau khổ trong linh hồn và trong toàn thân xác Người. Linh hồn Người nặng trĩu một nỗi sầu khổ cực độ, đến nỗi không còn cách để diễn tả, Người chỉ thốt lên rằng: “*Tâm hồn Thầy buồn đến chết được*” (Mc 14,34); cơn sầu hành hạ Người đến nỗi “*mồ hôi Người như những giọt máu rơi xuống đất*” (Lc 22,44), và Người quá yếu sức nên Chúa Cha phải phái “*một thiên sứ đến tăng sức cho Người*” (Lc 22,43), để nâng đỡ Người trong tư thế sẵn sàng cam chịu đến cùng, tất cả mọi nỗi đau của cuộc Thương Khó. Thêm vào đó, người ta còn sỉ vả và bêu xấu Người. Họ nguyện rửa, chửi bới, vu khống Người. Họ xem Người còn kém hơn một tên phản loạn, một tên sát nhân, một tên gian ác.

Đây là tình trạng do tội lỗi chúng ta gây nên cho Đáng mà lẽ ra đáng được mọi sự quý mến, tôn vinh và kính trọng.

“Adore Jesus’ interior disposition in all these plans of the Pharisee’s intrigue. He courageously endured everything because this was in accord with the plan of the Father.” (Med 23.2 Monday of Holy Week)

As we begin Holy Week, we are reminded that this work of God’s servant, which we also are, has to go on through us. We are not here this week just to be spectators, even grateful spectators. We are here to be part of the work which the Paschal Mystery inaugurated. We, too, are to be servants, ready, if necessary, to suffer as Jesus did for the sake of our brothers and sisters. True disciples do not ask how much enough for Jesus is. Rather, they look for what else can be given to Jesus. What stops us from having this love is the same thing that stopped Judas; a dishonest or greedy heart. This condition blocks our heart from opening up and treasuring Jesus. We must change our thinking from what am I getting to what can I give Jesus. Jesus is the one who gives life and saves us from eternal punishment. What do we want to give him?

PRAYER: Jesus, I give you my heart, my soul and my life.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

038. Frère SAULIEN-ERNEST (07/09/1844 – 30/03/1909)

Anh Hilarien-Pierre Mourre sinh ngày 07/09/1844 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Avignon với tên Dòng là Frère SAULIEN-ERNEST.

- Đến Việt Nam năm 1899. Rời Việt Nam năm 1906.
Frère SAULIEN-ERNEST qua đời ngày 30/03/1909,
hưởng thọ 65 tuổi. An táng tại Pháp.

099. Frère CONSTANCE-ÉLIE
(28/02/1871 – 30/03/1941)

Anh Joseph-Marie Le Douaran sinh ngày 28/02/1871 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Quimper với tên Dòng là Frère CONSTANCE-ÉLIE.

- Đến Việt Nam năm 1903. Rời Việt Nam năm 1920.
Frère CONSTANCE-ÉLIE qua đời ngày 30/03/1941,
hưởng thọ 70 tuổi. An táng tại Pháp.

Ngày 31 Tháng 3

Ngày 31/3/2026

Thứ Ba Tuần Thánh

Is 49,1-6

Ga 13,21-33.36-38

27 Y vừa ăn xong miếng bánh, Xa-tan liền nhập vào y. Đức Giê-su bảo y: “Anh làm gì thì làm mau đi!” 28 Nhưng trong số các người đang dùng bữa, không ai hiểu tại sao Người nói với y như thế. (Ga 13,27-28)

Bài Suy Gẫm số 27. Điểm 2: Chúa Giêsu Đã Chịu Đau Khổ Trong Thân Xác.

Những đau đớn Chúa Giêsu Kitô chịu trong thân xác, không thua kém những đau khổ trong tâm hồn Người. Người bị những người lính trói buộc, cho mang cùm cách nhục nhã; người ta đội mào gai lên đầu Người và ấn những mũi gai nhọn xuống bằng nhát gậy. Nhiều kẻ đã khạc nhổ hoặc tát vào mặt Người. Người bị đánh đòn cách dã man đến nổi máu tuôn trên khắp thân thể. Người ta đặt lên vai Người cây thập giá nặng trĩu, cho Người uống mật đắng dấm chua, và cuối cùng đóng đinh Người vào thập giá, giữa hai tên trộm cướp: tay chân Người bị những mũi đinh to đâm sâu, cạnh sườn bị lưỡi giáo đâm xuyên qua. Chúa Giêsu Kitô đã phạm tội ác nào để người ta đối xử với Người như vậy? Ấy vậy mà, theo lời thánh Bernadô, người Do Thái hung dữ vẫn chưa hả dạ, sau khi đã hành hạ Người cách bất công như vậy.

Với Đáng chỉ tìm cách làm điều lành cho hết thầy mọi người, chúng ta có thể đối xử như vậy được sao?

“Strive after the example of your Divine master Jesus Christ to want only what God wants, when he wants it, and in the way he wants it. (Med 24.1 Tuesday of Holy Week)

This scene happens in John’s Gospel immediately after the scene of Jesus washing the feet of his disciples. He washed the feet of all his disciples, including the feet of Judas. He showed the same love to Judas that he showed to the other disciples. Judas, however, did not receive Jesus’ love. He chose to turn his back on it. We see the mystery of human freedom at work here. The Lord needs our free response to the offer of his love and friendship. If it is not forthcoming, he cannot force it. Yet, as risen Lord he continues to seek out the lost. His seeking us in our weakness and sin is never in doubt. The only question is whether we will allow ourselves to be found. This Holy Week is a good time to allow ourselves to be found by the Lord who has laid down his life for us. As we contemplate the final journey of Jesus, as we celebrate it liturgically, we allow ourselves to be touched by the love which that journey expresses. It is the love of the Good Shepherd for all the scattered children of God. De La Salle invites us to do everything for the love of God who in turn will reward us.

PRAYER: Lord, touch me and make me whole.

Reflection: Br. JERALD MANGALAM FSC, India.

**082. Frère DUNSTAN-LUCIEN
(21/04/1873 – 31/03/1933)**

Anh Louis Hémon sinh ngày 21/04/1873 tại Pháp.

Nhận Áo Dòng tại Tập viện Quimper với tên Dòng là Frère DUNSTAN-LUCIEN.

- Đến Việt Nam năm 1907. Hiệu Trưởng tiên khởi trường Gagelin, Kim Châu-Bình Định (1921-1927).

Frère DUNSTAN-LUCIEN qua đời ngày 31/03/1933 tại Huế, hưởng thọ 60 tuổi. An táng tại nghĩa trang Huế, mộ số 18.

